



BỘ TƯ PHÁP
TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



CỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY
VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT QUỐC TẾ



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

SỔ TAY

HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ
TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN THU HỒI TÀI SẢN
TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

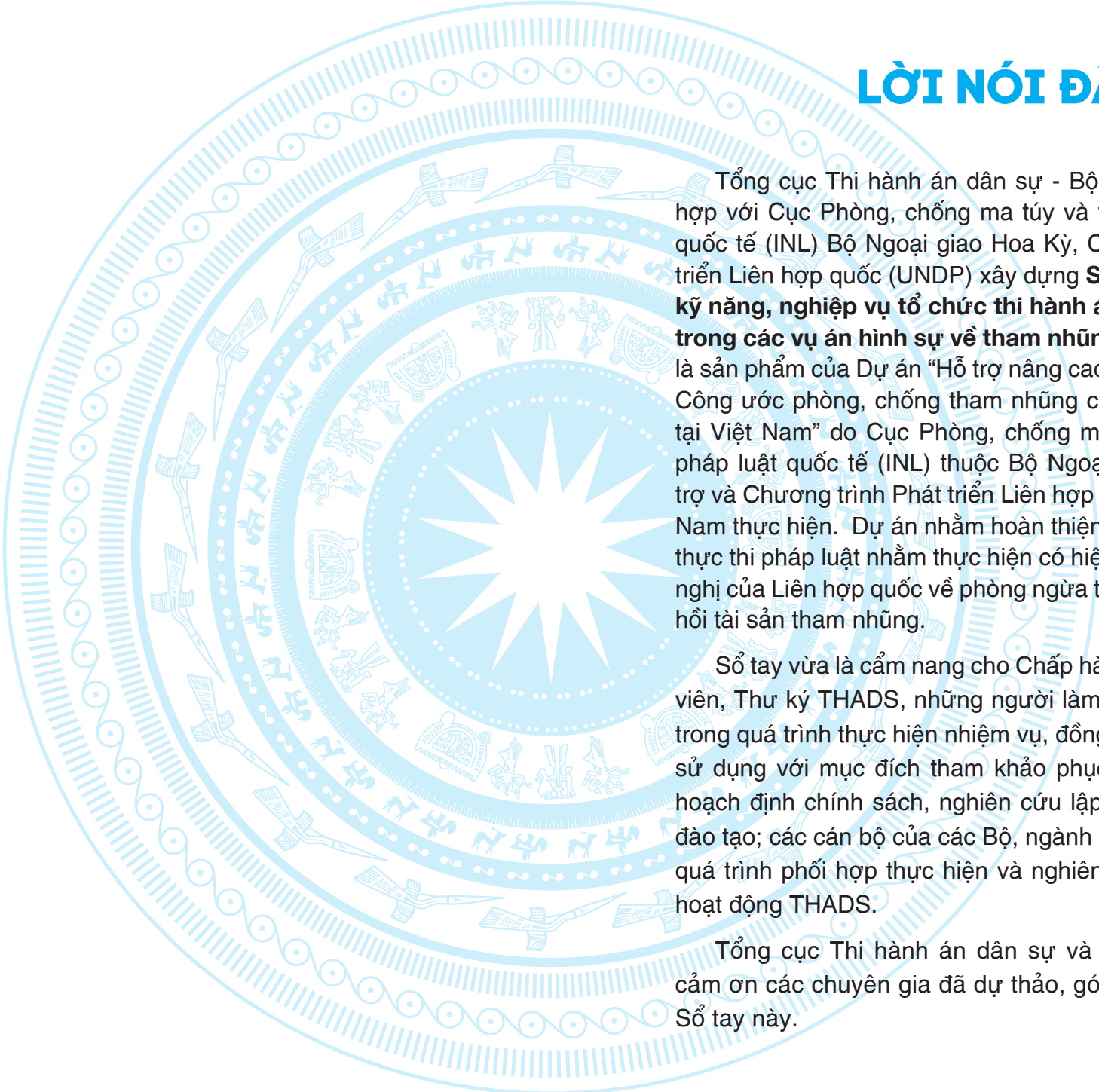
SỔ TAY

HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ
TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN THU HỒI TÀI SẢN
TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Hà Nội, năm 2024



LỜI NÓI ĐẦU

Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cục Phòng, chống ma túy và thực thi pháp luật quốc tế (INL) Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xây dựng **Sổ tay hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế**. Sổ tay là sản phẩm của Dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực thực thi Công ước phòng, chống tham nhũng của Liên hợp quốc tại Việt Nam” do Cục Phòng, chống ma túy và Thực thi pháp luật quốc tế (INL) thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) Việt Nam thực hiện. Dự án nhằm hoàn thiện khung pháp lý và thực thi pháp luật nhằm thực hiện có hiệu quả các khuyến nghị của Liên hợp quốc về phòng ngừa tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng.

Sổ tay vừa là cẩm nang cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký THADS, những người làm công tác THADS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đồng thời có thể được sử dụng với mục đích tham khảo phục vụ cho các nhà hoạch định chính sách, nghiên cứu lập pháp; các cơ sở đào tạo; các cán bộ của các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình phối hợp thực hiện và nghiên cứu, tìm hiểu về hoạt động THADS.

Tổng cục Thi hành án dân sự và UNDP trân trọng cảm ơn các chuyên gia đã dự thảo, góp ý và hoàn thiện Sổ tay này.

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	8
PHẦN I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY	9
I. BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG SỔ TAY	9
1. Bối cảnh	9
2. Mục đích	12
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG SỔ TAY	12
III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	14
1. Phạm vi	14
2. Đối tượng sử dụng	14
IV. CƠ CẤU, CÁCH THỨC XÂY DỰNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ TAY	15
1. Cơ cấu và nội dung chính của Sổ tay	15
2. Cách thức xây dựng Sổ tay	15
3. Yêu cầu xây dựng Sổ tay	16
4. Cách thức sử dụng Sổ tay	16
PHẦN II – NỘI DUNG HƯỚNG DẪN	17
1. Những đặc thù của các vụ việc thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế	17
2. Quy trình tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế	19
2.1. Tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án và thụ lý, ra quyết định thi hành án	20

2.1.1. Tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án	20
2.2.2. Thụ lý, ra quyết định thi hành án	22
2.2. Tổ chức thi hành án	26
2.2.1. Thông báo thi hành án	26
2.2.2. Xác minh, thu thập thông tin, xác định quyền sở hữu đối với tài sản, nhất là tài sản thuộc quyền sở hữu chung	29
2.2.3. Ủy thác xử lý tài sản	36
2.2.4. Thẩm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản	39
2.2.5. Thanh toán tiền thi hành án	42
2.3. Thẩm tra, lưu hồ sơ thi hành án	43
PHẦN III – NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP	44
1. Vấn đề thỏa thuận thi hành án	44
2. Việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản trong một số trường hợp cụ thể	46
3. Đối với việc xử lý tiền thi hành án	53
4. Về thu phí thi hành án	56
PHẦN IV – PHỤ LỤC	57
PHỤ LỤC I – THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ	58
PHỤ LỤC II – QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	98
PHỤ LỤC III – CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHƯNG	158

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên đầy đủ	Viết tắt
Thi hành án dân sự	THADS
Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng	UNCAC
Ủy ban nhân dân	UBND
Bộ luật Dân sự	BLDS
Bộ luật Tố tụng dân sự	BLTTDS
Phòng, chống tham nhũng	PCTN
Mạng lưới các cơ quan chống tham nhũng và cơ quan thực thi pháp luật	ACT-NET
Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương	APEC
Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về chống rửa tiền	APG
Mạng lưới liên ngành về thu hồi tài sản - Châu Á - Thái Bình Dương	ARIN-AP
Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản Camden	CARIN
Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia	UNTOC
Chương trình Phát triển Liên hợp quốc	UNDP
Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm	UNODC
Liên hợp quốc	UN
Lực lượng đặc nhiệm tài chính	FATF
Nhóm các quốc gia G20	G20



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY

I. BỐI CẢNH, MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG SỔ TAY

1. BỐI CẢNH

Tham nhũng là một thách thức mang tính toàn cầu. Việc Việt Nam tham gia Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc (UNCAC) là chủ trương đúng đắn, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chương V Công ước UNCAC quy định các biện pháp toàn diện nhằm tăng cường hiệu quả việc thu hồi tài sản tham nhũng. Thu hồi mọi tài sản, phương tiện, công cụ có được hoặc có liên quan đến tội phạm tham nhũng là mục đích quan trọng và là nguyên tắc cơ bản của Công ước. Bộ Tư pháp được Chính phủ giao nhiệm vụ là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến thu hồi tài sản, đồng thời là cơ quan đầu mối thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự theo khuôn khổ của Công ước UNCAC. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng có hiệu quả là quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước Việt Nam, trong đó thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế là

một nhiệm vụ quan trọng. Nếu tài sản trong các vụ án này không thu hồi được thì mục đích của việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm mới chỉ buộc người phạm tội phải chịu hình phạt mà chưa buộc họ nộp lại những tài sản đã chiếm đoạt hoặc gây thất thoát, lãng phí. Việc không thu hồi được tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế sẽ làm hạn chế hiệu quả hoạt động phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra nhiều chủ trương và giải pháp quyết liệt, trực tiếp về vấn đề này. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 xác định: *“Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Thực hiện quyết liệt nghiêm minh có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng”*. Để tăng cường hiệu quả công tác thu hồi tài sản, ngày 02/6/2021, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, trong đó một trong những yêu cầu được Ban Bí thư đặt ra đó là: *“Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; ... Cơ quan thi hành án dân sự kịp thời xử lý theo pháp luật tài sản đã kê biên, phong tỏa, tạm giữ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, đồng thời tích cực xác minh, truy tìm và xử lý tài sản trong giai đoạn thi hành án.”*

Thực hiện chủ trương, quyết tâm của Đảng và Nhà nước, thời gian qua, các cơ quan THADS theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã tổ chức thi hành án, thu hồi được một tỉ lệ không nhỏ tài sản trong các vụ án

hình sự về tham nhũng, kinh tế, nhất là các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo và được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế trong giai đoạn THADS đang gặp một số khó khăn, vướng mắc như: Tài sản mà các cơ quan THADS phải xử lý có số lượng rất lớn, tính chất pháp lý phức tạp; không ít tài sản, nhất là quyền sử dụng đất mặc dù đã được kê biên từ giai đoạn điều tra, tuy nhiên quá trình tổ chức thi hành trong nhiều trường hợp phải chờ kết quả giải quyết tranh chấp, phân chia tài sản của cơ quan có thẩm quyền... theo đó, quá trình thi hành án thu hồi tài sản bị kéo dài, thậm chí tài sản đã kê biên bị giảm giá trị... Một số vụ việc gần đây có số lượng đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đặc biệt lớn, ở nhiều địa phương khác nhau, đơn cử như: vụ Công ty Alibaba (4.548 người được thi hành án), vụ Tân Hoàng Minh (6.630 người được thi hành án), vụ Vạn Thịnh Phát giai đoạn 2 (xấp xỉ 36.000 người)... Thực tiễn này đòi hỏi một nguồn lực rất lớn về con người, đặc biệt là đội ngũ Chấp hành viên cho các cơ quan THADS trực tiếp tổ chức thi hành các vụ việc. Đội ngũ này phải nắm chắc các kiến thức, quy định của pháp luật và kỹ năng xử lý các vụ việc để đảm bảo thu hồi kịp thời, tối đa tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng *Sổ tay hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế* là cần thiết và có ý nghĩa thiết thực, hỗ trợ cho Chấp hành viên và những người làm công tác THADS trong việc tổ chức thi hành án các vụ việc này.

Với vai trò là cơ quan trực thuộc Bộ Tư pháp, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về công tác thi hành án dân sự, Tổng cục THADS đã phối hợp với Cục Phòng, chống ma túy và thực thi pháp luật quốc tế (INL), Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xây dựng **Sổ tay hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế** (Sổ tay).

2. MỤC ĐÍCH

Sổ tay được xây dựng với mục đích:

- Hướng dẫn về quy trình, thủ tục THADS nhằm thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và các lưu ý trong quá trình xử lý vụ việc.
- Nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, người làm công tác THADS liên quan đến thu hồi tài sản đáp ứng yêu cầu của công cuộc phòng, chống tham nhũng của Việt Nam nói riêng và yêu cầu của UNCAC nói chung.
- Nâng cao hiệu quả công tác THADS của hệ thống THADS.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG SỔ TAY

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế;

- Luật THADS năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022;
- Luật Đất đai (năm 2013, 2024);
- Luật Đấu giá tài sản năm 2016;
- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;
- Luật Giá năm 2023 và các luật khác có liên quan (Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư...);
- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
- Thông tư số liên tịch số 11/2016/TT-BTP ngày 01/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS;
- Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong THADS;
- Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC);
- Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế;
- Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan THADS ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ-TCTHADS ngày 01/6/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS;

- Các Công văn hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp và Tổng cục THADS và nhiều văn bản khác có liên quan.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

1. PHẠM VI

- Sổ tay tập trung vào quy trình, thủ tục tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, các lưu ý trong quá trình giải quyết các vụ việc thu hồi.

Các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế trong phạm vi Sổ tay này bao gồm các vụ án trong đó bị can, bị cáo bị truy tố, kết án về các tội phạm tham nhũng (quy định tại mục 1 Chương XXIII), các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (quy định tại chương XVIII) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo.

- Sổ tay không phân tích các nội dung mang tính học thuật.

2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Sổ tay là tài liệu được dùng để tham khảo cho các đối tượng là Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký THADS, những người làm công tác THADS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tài liệu cũng có thể được sử dụng với mục đích tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách, nghiên cứu lập pháp, các cơ sở đào tạo cũng như các cán bộ của các Bộ, ngành có liên quan khi nghiên cứu, tìm hiểu về hoạt động THADS.

IV. CƠ CẤU, CÁCH THỨC XÂY DỰNG VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ TAY

1. CƠ CẤU VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY

Sổ tay gồm 3 phần:

Phần I: Giới thiệu chung về Sổ tay

Phần II: Nội dung hướng dẫn, gồm có:

1. Những đặc thù của các vụ việc thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế
2. Quy trình tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế

Phần III: Những vấn đề cần lưu ý trong một số trường hợp

Phần này nhận diện những vấn đề cần lưu ý trong một số trường hợp đối với Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự về thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

Ngoài ra Sổ tay có **03 Phụ lục** về các nội dung:

- Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế;
- Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan THADS ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ-TCTHADS ngày 01/6/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS;
- Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC).

2. CÁCH THỨC XÂY DỰNG SỔ TAY

Sổ tay hướng dẫn (cẩm nang về thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế trong giai đoạn THADS) cho Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký THADS, những người làm công tác THADS tra cứu, nghiên cứu khi thực hiện.

Trên cơ sở đúc kết, tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, điều ước quốc tế và thực tiễn, Sổ tay cung cấp thông tin chi tiết về quy trình, thủ tục thi hành án đối với các vụ việc liên quan đến thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

Đặc biệt, Sổ tay đưa ra những **lưu ý** (được trình bày đóng khung riêng) để người sử dụng tránh cách hiểu chưa chính xác.

3. YÊU CẦU XÂY DỰNG SỔ TAY

- Nội dung phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Kết cấu hợp lý, thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng.

4. CÁCH THỨC SỬ DỤNG SỔ TAY

Sổ tay cung cấp thông tin chi tiết về quy trình, thủ tục thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Vì vậy, các đối tượng sử dụng nói chung có thể nghiên cứu Sổ tay như một tài liệu tham khảo.

Chấp hành viên hoặc những người trực tiếp thực hiện có thể tra cứu Sổ tay để tiến hành từng bước trong quá trình tổ chức thi hành án các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Quá trình tra cứu, cần lưu ý một số nội dung sau:

(i) **Đọc kỹ các thông tin** về quy trình tổ chức thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế;

(ii) **Ghi nhớ các lưu ý** được trình bày đóng khung tại các phần tương ứng để việc thực hiện được nhanh chóng, tránh sai sót;

(iii) **Thường xuyên cập nhật thông tin** khi có thay đổi trong các quy định của pháp luật.



NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

1. NHỮNG ĐẶC THÙ CỦA CÁC VỤ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ

Thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt là một quá trình trải qua nhiều khâu từ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và THADS, mỗi khâu là một “mắt xích”, trong đó, THADS có vị trí quan trọng. Về mặt bản chất, các vụ việc thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế là những quan hệ về nghĩa vụ tài sản, tuy nhiên, so với các quan hệ tài sản khác thì thu hồi tài sản có một số đặc thù sau:

- *Một là*, Nhà nước thường là một bên đương sự (người được thi hành án) trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Nội dung cơ quan THADS tổ chức thi hành trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, về cơ bản gồm một hoặc một số nội dung được tuyên trong các bản án, quyết định của Tòa án, cụ thể:

(i) Hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, lệ phí;

(ii) Tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu vật chứng, tài sản;

(iii) Thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước;

(iv) Khoản truy thu thuế; khoản viện trợ cho Nhà nước; khoản bồi thường cho Nhà nước, cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý tham nhũng, kinh tế;

(v) Khoản thu nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước.

Về nguyên tắc với tư cách là một bên được thi hành án, Nhà nước cũng có những quyền và nghĩa vụ của bên được thi hành án theo quy định của pháp luật THADS. Tuy nhiên, hiện nay Luật THADS chưa có quy định cơ quan nào là đại diện cho Nhà nước để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án trong quá trình cơ quan THADS tổ chức thi hành án. Do đó, quá trình tổ chức thi hành án thu hồi tài sản cho Nhà nước trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, việc áp dụng các quy định của pháp luật THADS hiện hành về trình tự, thủ tục thi hành án cần có những điều chỉnh cho phù hợp.

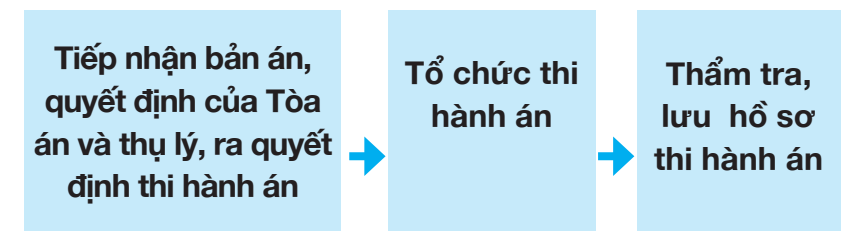
- *Hai là*, trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, về cơ bản đã có tài sản bị kê biên, phong tỏa, tạm dừng dịch chuyển để bảo đảm thi hành án của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, do tội phạm tham nhũng được xếp vào nhóm tội phạm có “xu hướng ẩn” và “chuyển hóa” cao và chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn, có hiểu biết nên trước khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội đã có nhiều biện pháp để xóa dấu

vết, tiêu hủy tài liệu, chứng cứ, tẩu tán tài sản có được do tham nhũng. Vì vậy, quá trình xử lý tài sản bị kê biên, phong tỏa hoặc tuyên xử lý trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế đòi hỏi có những đặc thù, tránh việc lợi dụng các quy định về trình tự, thủ tục thi hành án chung để người phạm tội có cơ hội tiếp tục tẩu tán tài sản.

Như vậy, mặc dù pháp luật THADS hiện hành chưa có quy định quy trình riêng để tổ chức thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế trong giai đoạn THADS, việc thực hiện các trình tự, thủ tục đối với các loại vụ việc này vẫn được thực hiện theo quy trình tổ chức THADS chung. Tuy nhiên, xuất phát từ những đặc thù nêu trên trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, quá trình thực hiện, Chấp hành viên và công chức THADS vẫn cần có những lưu ý riêng, bảo đảm thu hồi kịp thời, thu hồi tối đa tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt.

2. QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN THU HỒI TÀI SẢN TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ

Như trên đã đề cập ở trên, việc tổ chức thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế cũng giống như quy trình tổ chức thi hành án trong các vụ án khác, bao gồm các bước cơ bản sau:



Trên cơ sở các quy định của pháp luật THADS hiện hành về trình tự, thủ tục thi hành án, trong phạm vi Sổ tay, nội dung sau sẽ đề cập một số trình tự, thủ tục cụ thể trong tổ chức thi hành án thu hồi tài sản tham nhũng, kinh tế.

2.1. Tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án và thụ lý, ra quyết định thi hành án

2.1.1. Tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án

- Căn cứ pháp lý: Điều 28, Điều 29 Luật THADS.

- Quy định lưu ý: Khoản 4 Điều 28 Luật THADS *“Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã kê biên tài sản, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc thu giữ các tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án thì khi chuyển giao bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự, Tòa án phải gửi kèm theo bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan”*

- Thực tiễn và yêu cầu: Trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, phần lớn đều có tài sản bị kê biên, phong tỏa, tạm dừng dịch chuyển từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Một số vụ việc, khi chuyển giao bản án, quyết định, Tòa án chuyển giao không đủ các tài liệu kèm theo như biên bản kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng... nhưng cơ quan THADS vẫn tiếp tục nhận bản án, quyết định và ra quyết định thi hành án. Do không nhận được đủ tài liệu nên sau khi ra quyết định thi hành án cơ quan THADS không thể tổ chức thi hành và phải có văn bản đề nghị Tòa án bổ sung tài liệu, vật chứng hoặc giải thích, đính chính bản án, quyết định làm chậm tiến độ tổ chức thi hành án. Để khắc phục thực tế này, ngày 18/9/2020, Tổng cục THADS

đã có Công văn số 3166/TCTHADS-NV2 hướng dẫn thống nhất việc tiếp nhận bản án, quyết định do Tòa án chuyển giao gửi Cục trưởng Cục THADS các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó yêu cầu khi tiến hành tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án phải chỉ đạo:

+ Rà soát kỹ nội dung bản án, quyết định;

+ Thực hiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật THADS;

+ Đối với trường hợp bản án, quyết định tuyên kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng, hoặc thu giữ tài liệu khác có liên quan đến việc thi hành án nhưng Tòa án không chuyển giao hoặc chuyển giao không đầy đủ vật chứng, tài liệu có liên quan thì cơ quan THADS không nhận bản án, quyết định và đề nghị Tòa án bổ sung đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Lưu ý:

Thực tế, trong một số vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế khi tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án và các biên bản, lệnh kê biên tài sản vẫn còn có sự sai sót, nhầm lẫn giữa bản án với biên bản, lệnh kê biên tài sản của cơ quan điều tra; giữa biên bản kê biên với lệnh kê biên; giữa biên bản, lệnh kê biên tài sản với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Để hạn chế những sai sót này, nhất là trong các vụ án lớn với nhiều tài sản và để bảo đảm thuận lợi cho việc xử lý tài sản trong giai đoạn THADS, ngày 21/4/2023, Ban cán

sự đảng Bộ Tư pháp đã có Công văn số 494-CV/BCSD đề nghị Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm chỉ đạo thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, trong đó đề nghị “Chỉ đạo các cơ quan chức năng áp dụng kịp thời các biện pháp tạm giữ, kê biên, phong tỏa, xử lý tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử theo quy định và yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tham gia, phối hợp ngay từ đầu với các cơ quan chức năng trong các vụ việc thuộc danh sách Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo dõi, chỉ đạo, để khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực có thể tổ chức thi hành được ngay”. Do đó, cơ quan THADS cần căn cứ văn bản của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp nêu trên để chủ động tham gia, phối hợp ngay từ giai đoạn đầu của vụ việc để khi bản án có hiệu lực pháp luật có thể tổ chức thi hành ngay.

2.2.2. Thụ lý, ra quyết định thi hành án

- Căn cứ pháp lý: Điều 36 Luật THADS; Điều 6, 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ).

- Thực tiễn và lưu ý: Trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế thông thường phần quyết định của bản án, quyết định tuyên hình phạt phạt tiền, truy thu tiền,

tài sản thu lợi bất chính; tịch thu sung quỹ nhà nước; bồi thường cho nhà nước, cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tịch thu tiêu huỷ vật chứng, tài sản; thu hồi quyền sử dụng đất và tài sản khác thuộc diện sung quỹ nhà nước... do đó, căn cứ khoản 2 Điều 36 Luật THADS thuộc trường hợp cơ quan THADS chủ động ra quyết định thi hành án.

Cần lưu ý 03 trường hợp:

+ Một là, đối với “khoản bồi thường cho Nhà nước, cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng” là việc thi hành án chủ động. Các trường hợp còn lại không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP và cơ quan nhà nước, doanh nghiệp được thi hành án đối với khoản tiền, tài sản thuộc sở hữu nhà nước thì cơ quan THADS ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu. Trường hợp này cần lưu ý nếu cơ quan nhà nước, doanh nghiệp được thi hành án đối với các khoản tiền, tài sản thuộc sở hữu nhà nước mà hết 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà cơ quan nhà nước, doanh nghiệp không yêu cầu thi hành án thì cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; cơ quan đại diện chủ sở hữu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó có trách nhiệm chỉ đạo việc yêu cầu thi hành án.

+ Hai là, đối với khoản thu hồi quyền sử dụng đất trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, thực tiễn bản án, quyết định của Tòa tuyên theo một trong hai cách thức, đó là:

(i) Thu hồi quyền sử dụng đất giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp

luật. Trường hợp này, cơ quan THADS căn cứ Điều 36 Luật THADS để ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành theo quy định của pháp luật về THADS.

(ii) Giao UBND có thẩm quyền thu hồi. Trường hợp này, cơ quan THADS không ra quyết định thi hành án mà do UBND được giao trách nhiệm trong bản án, quyết định của Tòa án ra quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quản lý tài sản thu hồi, như pháp luật về đất đai trong trường hợp bản án tuyên UBND cấp có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất.

+ **Ba là**, khi ra quyết định thi hành án về khoản hình phạt tiền, cần lưu ý quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án. Cụ thể tại Điều 60 Bộ luật Hình sự quy định: *“Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật này (BLHS) quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên”* và khoản 2 Điều này quy định thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với hình phạt tiền là 05 năm được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp trong thời hạn này người bị kết án lại thực hiện hành vi phạm tội mới thì thời hiệu được tính từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới hoặc trường hợp người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ.

Như vậy, mặc dù hình phạt tiền là nội dung thuộc diện cơ quan THADS ra quyết định thi hành án chủ động (không phải áp dụng quy định về thời hiệu yêu cầu thi hành án trong Luật THADS), song cơ quan THADS phải bảo đảm việc ra quyết định thi hành án đối với nội dung hình phạt tiền bảo đảm phù hợp với quy định của

Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án hình sự như đã đề cập ở trên.

Tình huống:

Bản án hình sự sơ thẩm số 461/2024/HSST ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H tuyên: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho 6.000 bị hại tổng số tiền trên 8.000 tỷ đồng. Ghi nhận, bị cáo C đã nộp đủ số tiền đã nêu để khắc phục hậu quả của vụ việc.

Câu hỏi thảo luận:

- Cơ quan THADS sẽ ra quyết định thi hành án chủ động hay theo yêu cầu?

- Khó khăn, vướng mắc mà cơ quan THADS phải đối mặt?

- Giải pháp?

Gợi ý:

- Căn cứ khoản 1 Điều 36 Luật THADS, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP), cơ quan THADS sẽ ra quyết định thi hành án khi nhận được yêu cầu thi hành án của các bị hại (người được thi hành án) và mỗi yêu cầu sẽ ra 01 quyết định thi hành án trừ trường hợp nhiều yêu cầu thi hành án vào cùng một thời điểm (xem khoản 1 Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP). Như vậy, với số lượng 6.000 bị hại, cơ quan THADS sẽ phải tiếp nhận, kiểm tra và ra nhiều nghìn quyết định thi hành án.

- *Khó khăn, vướng mắc:* Cơ quan THADS sẽ phải thụ lý, thông báo và ra quyết định thi hành án với số lượng người được thi hành án đông.

- **Giải pháp:** Trong trường hợp này, cơ quan THADS có thể căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 7a Luật THADS về quyền của người phải thi hành án “*Tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật này*” để hướng dẫn người phải thi hành án thực hiện yêu cầu thi hành án và ra 01 quyết định thi hành án chung cho 6.000 người được thi hành án để tổ chức thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP).

2.2. Tổ chức thi hành án

2.2.1. Thông báo thi hành án

- **Căn cứ pháp lý:** Theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42, 43 Luật THADS thì việc thông báo thi hành án nói chung và thông báo thi hành án trong thi hành án thu hồi tài sản được thực hiện theo các hình thức như sau:



Theo đó, việc thông báo thi hành án phải thực hiện theo tuần tự thông báo trực tiếp, niêm yết công khai. Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc khi đương sự có yêu cầu. Hiện nay, Nghị định số 152/2024/ NĐ-CP ngày 15/11/2024 tại khoản 4 Điều 1 quy định việc thông báo thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Luật THADS được thực hiện lần đầu. Trường hợp người được thông báo đồng ý thì từ lần thông báo thứ hai trở đi, cơ quan THADS có thể thực hiện thông báo qua VNeID hoặc trang thông tin điện tử của Cục THADS và cổng thông tin điện tử của THADS. Ngoài ra, Chấp hành viên cần căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 62/2015/ NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS quy định “*Trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận thông báo bằng điện tín, fax, email hoặc hình thức khác thì việc thông báo trực tiếp có thể được thực hiện theo hình thức đó nếu không gây trở ngại cho cơ quan thi hành án dân sự*” để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi phải tổ chức thi hành các vụ việc có số lượng đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đông.

Tình huống:

Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh H, xét xử vụ án Đỗ Văn B và đồng phạm phạm tội: “*Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng*”, buộc B phải bồi thường cho 10.000 người bị hại, tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản đối với 700 quyền sử dụng đất để bảo đảm thi hành án.

Câu hỏi thảo luận:

- Khó khăn, vướng mắc trong thông báo thi hành án đối với vụ việc là gì?

- Giải pháp?

Gợi ý:

- *Khó khăn, vướng mắc:* Theo quy định, cơ quan THADS sẽ phải thực hiện thông báo trực tiếp cho 10.000 người bị hại theo quy định tại Điều 41 Luật THADS (giả thiết người phải thi hành án yêu cầu thi hành toàn bộ bản án hoặc 10.000 người bị hại yêu cầu thi hành án). Trường hợp không thông báo được trực tiếp phải thực hiện niêm yết công khai theo quy định tại Điều 42 Luật THADS. Điều này tạo áp lực công việc đặc biệt lớn cho cơ quan THADS; gây tổn kém kinh phí tổng đạt và không thể thực hiện được trong thời hạn Luật định (thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản) và làm kéo dài quá trình tổ chức thi hành án.

- *Giải pháp:* Pháp luật THADS và các văn bản hướng dẫn hiện hành chưa có quy định vụ việc có nhiều đương sự thuộc trường hợp thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, vì vậy, việc thực hiện thông báo về thi hành án trên phương tiện thông tin đại chúng trong trường hợp này được thực hiện khi đương sự có yêu cầu. Do đó, ngay từ giai đoạn đầu, khi đương sự đến làm đơn yêu cầu thi hành án, Chấp hành viên cần căn cứ khoản 4 Điều 1 Nghị định số 152/2024/ NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS hướng dẫn đương sự về quyền được thông báo thi hành án và

quyền được lựa chọn hình thức thông báo thi hành án bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu chi phí, rút ngắn thời gian thi hành án để đương sự hiểu và lựa chọn hình thức phù hợp thuận lợi cho người dân, đồng thời giải quyết được khó khăn cho cơ quan THADS. Nên xây dựng sẵn form yêu cầu thông báo thi hành án với nhiều hình thức để đương sự chủ động lựa chọn.

Lưu ý:

Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS cần giải thích để đương sự lựa chọn hình thức nhận thông báo về thi hành án phù hợp, thuận lợi cho đương sự cũng như việc tổ chức thi hành vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020).

2.2.2. Xác minh, thu thập thông tin, xác định quyền sở hữu đối với tài sản, nhất là tài sản thuộc quyền sở hữu chung

a) Xác minh, thu thập thông tin:

- Việc xác minh trong THADS nói chung và xác minh, thu thập thông tin trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế được quy định tại Điều 44 Luật THADS, Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020), Điều 4 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của liên ngành Bộ Tư pháp,

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS.

Lưu ý:

Cần xác minh cụ thể về tài sản, thu nhập, các điều kiện khác để thi hành án; xác minh qua ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, qua UBND các tỉnh, thành phố, Ủy ban chứng khoán nhà nước...; đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm thì còn phải xác minh tại cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch đó...; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải thi hành án; yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh trong trường hợp cần thiết; lập biên bản thể hiện đầy đủ kết quả xác minh có xác nhận của UBND hoặc Công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh.

- Thực tiễn và lưu ý: Về cơ bản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản hoặc tạm dừng giao dịch đối với tài sản của người phạm tội hoặc liên quan đến người phạm tội. Quá trình xử lý các tài sản này, cơ quan THADS cần:

+ Có văn bản gửi các cơ quan quản lý nhà nước về tài sản, Sở Tư pháp là cơ quan quản lý nhà nước về công chứng nơi có tài sản để thông báo về việc tài sản bị kê biên, phong tỏa, tạm dừng dịch chuyển...

+ Tiếp tục xác minh và khi xác minh phải làm rõ được thực trạng tài sản, thực trạng việc sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản... so với bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên (ví dụ: số tiền thực có trong tài khoản bị phong tỏa; diện tích quyền sử dụng đất, diện tích đất và tình trạng tài sản, công trình gắn liền với đất; tình trạng tranh chấp nếu có...). Trên cơ sở kết quả xác minh, đối chiếu với nội dung bản án, lệnh kê biên, biên bản của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định của Tòa án nếu xác định có sự khác nhau hoặc chưa rõ ràng thì chưa đủ căn cứ để tổ chức thi hành án.

Lưu ý:

Trường hợp có sự khác nhau giữa thực tế tài sản và biên bản kê biên, bản án cơ quan THADS phải yêu cầu, kiến nghị Tòa án giải thích, đính chính, sửa chữa, bổ sung, giải quyết yêu cầu, kiến nghị đối với bản án, quyết định theo quy định tại Điều 179 Luật THADS, các Điều 261, 365 và 366 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoặc yêu cầu cơ quan điều tra đính chính, sửa đổi, bổ sung lệnh kê biên, biên bản kê biên bảo đảm thống nhất với tình trạng pháp lý của tài sản.

+ Thực hiện xác minh các tài sản khác của người phải thi hành án để bảo đảm việc thi hành án: Theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng “*chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại...*”;

quy định Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì không “*tịch thu tài sản*” đối với tội phạm ít nghiêm trọng và kết quả định giá sơ bộ tài sản của bị can, bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử không còn phù hợp với giá trị tài sản thực tế khi đến giai đoạn thi hành án nên vẫn còn có trường hợp tài sản để thi hành án không được kê biên trong giai đoạn tố tụng. Do đó, cùng với việc xử lý các tài sản đã được bản án, quyết định tuyên kê biên, phong tỏa, tạm dừng giao dịch... như đã nêu ở trên, để thu hồi tối đa tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Chấp hành viên cần tăng cường xác minh để tìm tài sản khác của người phạm tội để kê biên, xử lý bảo đảm thi hành án.

Tình huống:

Theo Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử Bùi Văn G và đồng phạm phạm tội: “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng; Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*” xảy ra tại Công ty Cổ phần X, buộc Bùi Văn G phải nộp sung quỹ nhà nước 700 tỷ đồng. Để đảm bảo thi hành án cho Bùi Văn G, bản án tuyên tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản là xử lý phần vốn góp 82,2 tỷ đồng (tám mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng) đứng tên Công ty cổ phần tập đoàn K tại Công ty cổ phần BOT.

Giải pháp: Để xử lý phần vốn góp 82,2 tỷ đồng nêu trên, Chấp hành viên lưu ý xác minh đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần BOT như: xác minh tại cơ quan có thẩm quyền (cơ quan có thẩm quyền ký Hợp đồng BOT, cơ quan thuế, cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và đầu tư...); bổ sung, làm rõ

thêm các nội dung: tài sản hiện có của Công ty (tiền, bất động sản...), Hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp, khoản vay ngân hàng, dư nợ, tài sản góp vốn của người phải thi hành án, tỷ lệ phần vốn góp..., làm căn cứ xác định giá trị vốn góp của người phải thi hành án theo nội dung bản án tuyên tính đến thời điểm xử lý vốn góp.

b) Xác định quyền sở hữu đối với tài sản, nhất là tài sản thuộc quyền sở hữu chung:

Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ **yêu cầu Tòa án giải quyết** theo thủ tục tố tụng dân sự

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên **thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án** xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì **Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định** phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự. Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án

Tình huống:

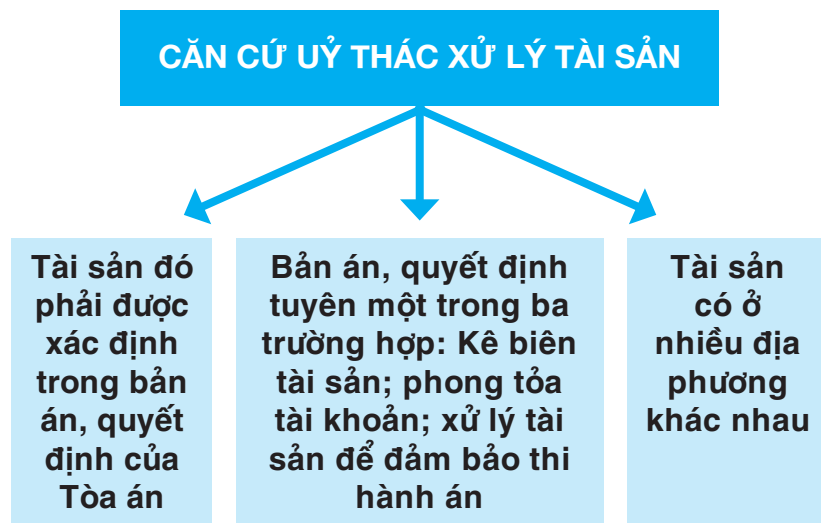
Bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử vụ án Nguyễn Văn T và đồng phạm phạm tội “*vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí; vi phạm các quy định về quản lý đất đai*”, buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho UBND tỉnh H số tiền 5.000 tỷ đồng. Để đảm bảo thi hành án cho T, phần xử lý vật chứng của bản án tuyên tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản đối với 40 nhà, đất. Sau khi thụ lý ra quyết định thi hành án, hết thời hạn tự nguyện thi hành án nhưng T không thi hành, cơ quan THADS xác minh để xử lý 40 nhà, đất mà bản án tuyên tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản.

Giải pháp: Trước khi thực hiện việc thẩm định giá, Chấp hành viên lưu ý không tự xác định, phân chia phần sở hữu tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020) và chứng kiến/công nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của các bên đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp này, Chấp hành viên hướng dẫn đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS; trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khởi kiện thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung làm căn cứ tổ chức thi hành án.

Lưu ý:

Trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Chấp hành viên không sử dụng kết quả thỏa thuận phân chia tài sản của người phải thi hành án với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được cho rằng là đồng chủ sở hữu tài sản đối với người phạm tội cũng như không tự xác định, phân chia phần sở hữu tài sản theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020). Trong trường hợp này, Chấp hành viên hướng dẫn đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS; trường hợp đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khởi kiện thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung làm căn cứ tổ chức thi hành án.

2.2.3. Ủy thác xử lý tài sản



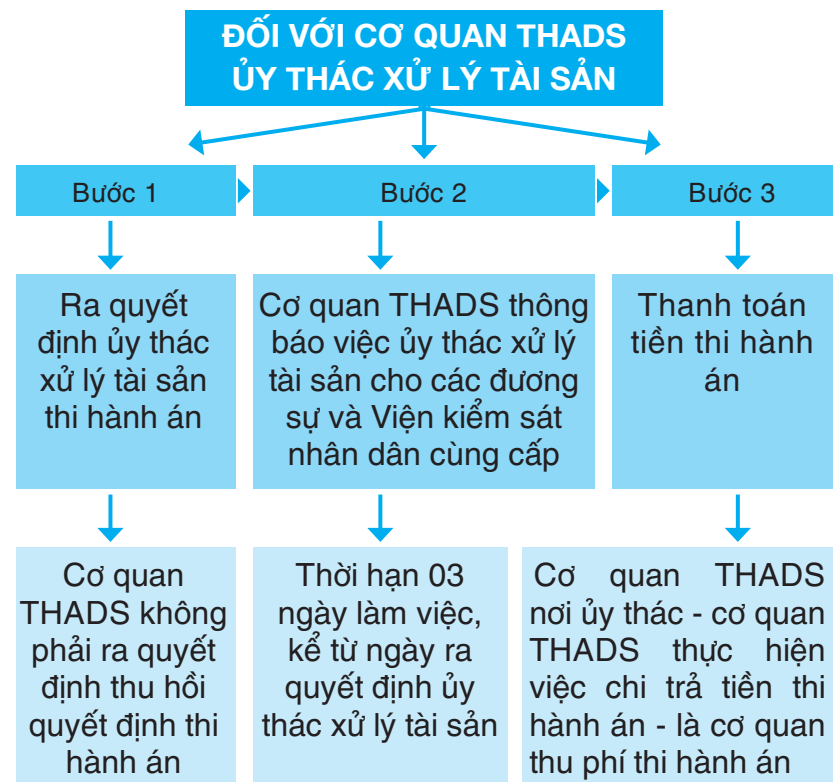
Tình huống:

Bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử Nguyễn H và đồng phạm phạm tội: “Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát lãng phí”. Buộc Nguyễn H phải nộp lại số tiền 500 tỷ đồng để sung quỹ Nhà nước. Tài sản bảo đảm không có. Tài sản cơ quan THADS xác minh, truy tìm được trong giai đoạn thi hành án 10 tài sản (ở 4 tỉnh/thành phố khác nhau).

Giải pháp: Trong trường hợp này, Chấp hành viên lưu ý không áp dụng khoản 2 Điều 55 Luật THADS để ủy thác xử lý tài sản. Chấp hành viên xử lý xong tài sản ở địa phương này mới ủy thác đi địa phương khác để thi hành. Khi xác minh được các tài sản, Chấp hành viên cần áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định tại Điều 66 Luật THADS.

Lưu ý:

Đối với những tài sản không được bản án, quyết định tuyên mà do cơ quan THADS tự xác minh, truy tìm được thì không thuộc trường hợp ủy thác xử lý tài sản. Bên cạnh đó, trường hợp bản án, quyết định tuyên “kê biên, phong tỏa hoặc xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án” ở đây phải là trường hợp không xác định nghĩa vụ được bảo đảm là bao nhiêu. Vì trường hợp “bảo đảm cho khoản phải thi hành án cụ thể” thì cơ quan THADS phải thực hiện việc ủy thác thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Luật THADS.

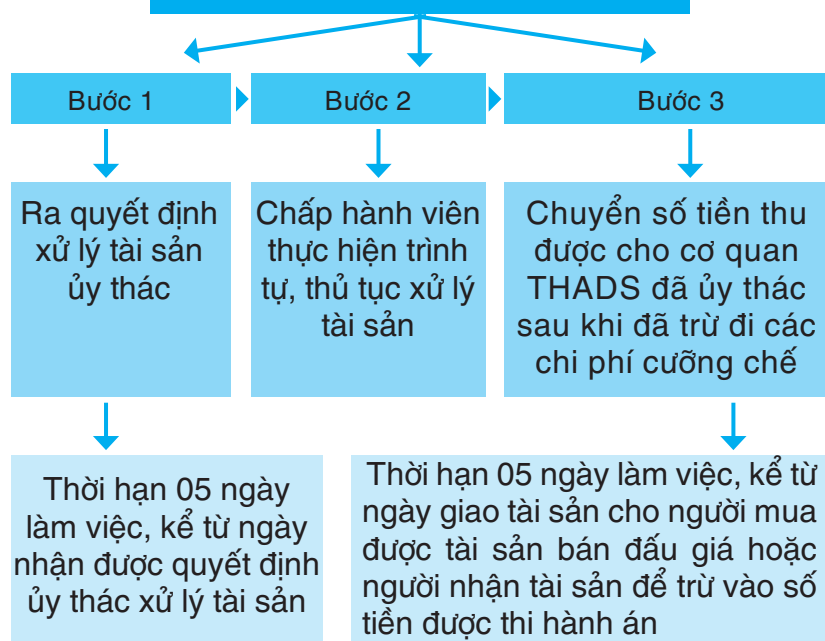


Lưu ý:

- Biểu mẫu ban hành quyết định ủy thác xử lý tài sản: A56-THADS đối với Cục THADS và B56-THADS đối với Chi cục THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp.

- Trong quá trình xử lý tài sản cơ quan THADS nơi ủy thác xử lý tài sản phải theo dõi, đôn đốc cơ quan THADS nhận ủy thác trong việc tiếp nhận hồ sơ ủy thác và xử lý tài sản (việc thẩm định giá, bán đấu giá); kịp thời xử lý các tình huống phát sinh nhằm hạn chế tối đa việc xử lý tài sản vượt quá nghĩa vụ của người phải thi hành án (đã thu đủ tiền của người phải thi hành án, các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án...)

ĐỐI VỚI CƠ QUAN THADS NHẬN XỬ LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

**Lưu ý:**

- Biểu mẫu ban hành quyết định xử lý tài sản: A57-THADS đối với cấp Cục THADS và số B57-THADS đối với cấp Chi cục THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp.

- Thông báo ngay bằng văn bản kết quả thẩm định giá, thời điểm bán đấu giá, kết quả xử lý tài sản cho cơ quan THADS đã ủy thác, kèm theo bản sao các tài liệu có liên quan; thực hiện việc tạm dừng hoặc chấm dứt xử lý tài sản theo yêu cầu của cơ quan THADS đã ủy thác.

- Cơ quan THADS nhận ủy thác không được từ chối thực hiện quyết định ủy thác thi hành án, ủy thác xử lý tài sản, trừ trường hợp quyết định ủy thác có sự nhầm lẫn, sai sót về nội dung hoặc thẩm quyền của cơ quan THADS nhận ủy thác.

2.2.4. Thẩm định giá tài sản, bán đấu giá tài sản

- Về cơ bản, việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản để thi hành án thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế được thực hiện như việc thẩm định giá, bán đấu giá tài sản để thi hành án thông thường, theo quy định tại các Điều 98, 99, 101 Luật THADS; Điều 35, 37 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2024); Điều 25, 26, 27 và Điều 31 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

- Chấp hành viên cần nắm được các bước của quy trình thẩm định giá quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính; Điều 5 Thông

tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của liên ngành Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS.

- Về xử lý tài sản không có người tham gia đấu giá, bán đấu giá không thành, khoản 4 Điều 104 Luật THADS quy định: “Đối với tài sản bán đấu giá để thi hành các khoản nợ ngân sách nhà nước, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc tài sản đưa ra bán đấu giá nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành thì Chấp hành viên quyết định giảm giá để tiếp tục bán đấu giá tài sản”. Theo đó, đối với các trường hợp xử lý tài sản để thi hành các khoản nợ ngân sách nhà nước, cơ quan THADS không áp dụng khoản 2 Điều 104 Luật THADS quy định về trường hợp người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án.

Lưu ý:

- Nghiên cứu kỹ và nắm chắc nội dung việc thi hành án, hồ sơ thi hành án; các quy định về trình tự, thủ tục cưỡng chế kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án.

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý của Tổ chức thẩm định giá để xác định rõ chức năng thẩm định giá tài sản của Tổ chức thẩm định giá và tư cách pháp lý của Thẩm định viên về giá thông qua việc xem xét Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền, Thẻ thẩm định viên về giá.

- Rà soát lại toàn bộ hồ sơ pháp lý tài sản để nghị thẩm định giá trước khi Chấp hành viên gửi Tổ chức thẩm định giá, đảm bảo Chấp hành viên cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá cho tổ chức thẩm định giá.

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý của tổ chức bán đấu giá tài sản thi hành án để xác định rõ chức năng hoạt động đấu giá tài sản của Tổ chức bán đấu giá, của Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá thông qua việc xem xét Quyết định thành lập tổ chức bán đấu giá, Giấy đăng ký hoạt động, Điều lệ của doanh nghiệp (đối với công ty đấu giá hợp danh) và Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Đấu giá viên.

- Giám sát việc bán đấu giá tài sản thi hành án tại cuộc đấu giá, Chấp hành viên cần theo dõi diễn biến cuộc đấu giá để xác định các thao tác nghiệp vụ của Tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật, từ đó linh hoạt, nhạy bén khi xử lý các tình huống phát sinh. Trường hợp có vi phạm thì yêu cầu khắc phục vi phạm, bảo đảm cho việc đấu giá tài sản đạt hiệu quả, đúng pháp luật, Việc tổng hợp các nội dung đưa vào Biên bản đấu giá phải đảm bảo đầy đủ và khách quan, trường hợp phát hiện chưa đúng, chưa đầy đủ thì phải có ý kiến, yêu cầu bổ sung.

- Không áp dụng quy định về quyền nhận tài sản của người được thi hành án để căn trừ vào số tiền được thi hành án quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật THADS.

2.2.5. Thanh toán tiền thi hành án

Việc thanh toán tiền thi hành án được quy định tại Điều 47 Luật THADS; Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020).

Lưu ý:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật THADS, số tiền thu được từ tài sản đã được bản án tuyên kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, chi phí cưỡng chế và khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật THADS (hỗ trợ tiền thuê nhà cho người phải thi hành án trong trường hợp xử lý tài sản là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án). Thực tiễn phát sinh trường hợp một, một số người được thi hành không yêu cầu thi hành án mặc dù đã hết thời hạn thông báo của cơ quan THADS. Trường hợp này, sau khi xử lý tài sản kê biên, cơ quan THADS cần xác định kỹ phần được chi trả của tất cả những người được thi hành án trong bản án, thanh toán theo kỹ phần cho những người đã có yêu cầu thi hành án và cơ quan THADS đã ra quyết định thi hành án.

Đối với những trường hợp người được thi hành án chưa có yêu cầu thi hành án, thì gửi số tiền kỹ phần mà những người này được nhận vào ngân hàng, sau 05 năm kể từ ngày bản án, quyết

định có hiệu lực mà những người được thi hành án này vẫn chưa có yêu cầu thi hành án thì tiếp tục thanh toán số tiền chưa nhận đủ theo bản án cho những người đã yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, nếu còn thừa trả lại cho người phải thi hành án.

Đây là điểm khác biệt giữa thanh toán tiền thi hành án theo quy định tại khoản 3 với thanh toán tiền theo khoản 2 Điều 47 Luật THADS

2.3. Thẩm tra, lưu hồ sơ thi hành án

Chấp hành viên rà soát, hoàn thiện hồ sơ gửi Thẩm tra viên hoặc Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thẩm tra trước khi trình Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt đưa vào lưu trữ. Hồ sơ thi hành án sau khi thẩm tra đảm bảo đầy đủ, đúng quy định thì đưa vào lưu trữ.

PHẦN III

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP

1. VẤN ĐỀ THỎA THUẬN THI HÀNH ÁN

- Hiện nay, Luật THADS và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định cơ quan nào đại diện cho Nhà nước với tư cách là bên được thi hành án. Do vậy, khi pháp luật chưa có quy định cơ quan đại diện cho Nhà nước là bên được thi hành án, điều đó đồng nghĩa với việc các trường hợp Luật THADS quy định quyền thỏa thuận của đương sự trong quá trình tổ chức THADS nói chung sẽ không đáp ứng điều kiện có bên được và bên phải thi hành án để thực hiện quyền thỏa thuận trong THADS (ví dụ như thỏa thuận về giá khởi điểm, về tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá tài sản...).

- Ngoài ra, việc thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa người phải thi hành án và đồng chủ sở hữu (nếu có), do tài sản của người phải thi hành án trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế có thể là tài sản do phạm tội mà có, việc các bên tự thỏa thuận phân chia tài sản hoặc phân chia tài sản theo pháp luật về

hôn nhân, gia đình chứa đựng nguy cơ tẩu tán tài sản, trong khi đó bản thân cơ quan THADS, Chấp hành viên không có thẩm quyền chứng minh tài sản do đâu mà có cũng như thẩm quyền xác định chủ sở hữu tài sản.

Hơn nữa, đối với các tài sản này cần làm rõ nguồn gốc, đóng góp của mỗi người trong khối tài sản chung, tránh ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Nhà nước, nhất là đối với những tài sản được hình thành trong giai đoạn phạm tội của người phạm tội. Do đó, khi có yêu cầu hoặc tranh chấp về tài sản chung trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Chấp hành viên, cơ quan THADS không chứng kiến việc thỏa thuận hoặc tự ý phân chia, xác định tài sản mà hướng dẫn các bên khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản; trường hợp các bên không khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thì Chấp hành viên đề nghị Tòa án phân chia tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật THADS. Cơ quan THADS, Chấp hành viên căn cứ quyết định của Tòa án để tổ chức thi hành vụ việc.

Lưu ý:

Trong quá trình xử lý tài sản để thi hành án các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Chấp hành viên không chứng kiến việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa người phải thi hành án và đồng chủ sở hữu tài sản với người phải thi hành án; không chứng kiến việc thỏa thuận về thẩm định giá, bán đấu giá tài sản trong trường hợp một bên đương sự là Nhà nước (người được thi hành án).

2. VIỆC THẨM ĐỊNH GIÁ, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

Số TT	TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ	NỘI DUNG	LƯU Ý
1	Xử lý quyền sử dụng đất nông nghiệp kê biên để đảm bảo thi hành án hết thời hạn sử dụng	Khoản 1 Điều 174 Luật Đất đai năm 2024: “ <i>Trường hợp nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất của cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thông qua nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan Thi hành án đã được thi hành mà hết thời hạn sử dụng đất thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại Điều 172 của Luật này mà không phải làm thủ tục gia hạn</i> ”.	Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên cần xác minh cụ thể về thực trạng đất, loại đất, thông tin về quy hoạch sử dụng đất trước khi xử lý tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp hết thời hạn sử dụng. Đồng thời, khi bán đấu giá tài sản cần thông báo rõ người tham gia đấu giá phải đáp ứng các điều kiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai.
2	Đối với tài sản là các quyền sử dụng đất giáp ranh, liền kề	Chấp hành viên, cơ quan THADS căn cứ thực tiễn tài sản để đề xuất phương án và lấy ý kiến của liên ngành địa phương về phương thức bán gộp hoặc bán riêng từng thửa đất.	Khi thẩm định giá, phải tính đến mục đích sử dụng đất đã được phê duyệt quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch và các lợi thế khác của khu đất, bảo đảm giá trị tối đa khi đưa ra bán đấu giá.

	Thực tiễn liên ngành Trung ương trong một số vụ việc cụ thể đã thống nhất hướng dẫn phương thức bán theo hướng: Việc bán gộp các quyền sử dụng đất chung ranh, liền kề phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: (i) Tăng giá trị quyền sử dụng đất được đưa ra bán đấu giá; thu hồi tối đa tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế. (ii) Chỉ thực hiện bán gộp đối với các thửa đất giáp ranh, liền kề và có bao bọc lẫn nhau, nếu bán riêng từng thửa sẽ làm giảm giá trị của thửa đất. Đối với các thửa đất giáp ranh, liền kề nhưng không bao bọc thì chỉ thực hiện việc bán gộp nếu bán riêng từng thửa sẽ làm giảm giá trị của thửa đất. (iii) Quyền sử dụng đất được đưa ra bán đấu giá phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật. Sau khi lựa chọn phương án bán đấu giá đối với các quyền sử dụng đất	
--	--	--

		chung ranh, liền kề, cơ quan THADS tổ chức họp với các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương (có sự tham gia của đại diện: Viện kiểm sát nhân dân, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố nơi có đất và các cơ quan có liên quan) để thống nhất, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo THADS trước khi thực hiện.	
3	Đối với việc xử lý chứng khoán	(i) Đối với chứng khoán đã được niêm yết hoặc đã được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thì căn cứ các quy định pháp luật chứng khoán, cơ quan THADS bán trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức khớp lệnh với mức giá nằm trong biên độ giá giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày thực hiện giao dịch. Cơ quan THADS không phải thực hiện thủ tục thẩm định giá khi bán chứng khoán theo phương thức này.	

		(ii) Đối với chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thì cơ quan THADS áp dụng biện pháp cưỡng chế, thẩm định giá và bán đấu giá theo quy định của pháp luật về THADS.	
4	Đối với việc xử lý phần vốn góp	Khi xử lý tài sản là vốn góp (vốn góp đã được kê biên trong bản án hoặc do cơ quan THADS, Chấp hành viên xác minh, kê biên) thì Chấp hành viên thực hiện định giá vốn góp đã được kê biên theo quy định tại Điều 98 Luật THADS để bán theo quy định tại Điều 101 Luật THADS	- Chú ý đến các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 về các điều kiện chuyển nhượng vốn góp đối với từng loại hình doanh nghiệp để thực hiện nguyên tắc ưu tiên cho đồng chủ sở hữu tài sản chung mua. Nếu các đồng chủ sở hữu chung không mua khi đó mới thực hiện việc bán đấu giá. - Chấp hành viên kê biên, xử lý phần vốn góp của người phải thi hành án trong doanh nghiệp, không kê biên tài sản đã góp vốn, trừ trường hợp doanh nghiệp đồng ý (vì khi tài sản của thành viên công ty đã được góp vốn vào doanh nghiệp thì những tài sản này

			sẽ được chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp chính là chủ sở hữu, sử dụng đối với tài sản mà thành viên đã góp vốn, còn thành viên góp vốn chỉ là chủ sở hữu của phần giá trị đã góp vào doanh nghiệp. Khi kê biên phần vốn góp cũng chỉ là kê biên một phần giá trị của công ty mà người phải thi hành án đang sở hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của họ)
5	Đối với tài sản chỉ có 01 người đăng ký, một người tham gia, một người trả giá, một người chấp nhận giá	Điều 49 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2024) tại Điều 49 quy định: <i>“1. Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá được thực hiện như sau:</i> <i>a) Trường hợp đấu giá tài sản theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều</i>	Khoản 31 Điều 1 Luật Đấu giá tài sản sửa đổi, bổ sung năm 2024 không còn quy định điều kiện: <i>“chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành”</i>

		<i>người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá hoặc có nhiều người tham dự phiên đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hợp lệ hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó;</i> <i>b) Trường hợp đấu giá theo phương thức đặt giá xuống mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham dự phiên đấu giá và chấp nhận giá khởi điểm hoặc chấp nhận mức giá sau khi đã giảm thì tài sản được bán cho người đó.”;</i>	
6	Xử lý tài sản được bản án tuyên kê biên, phong tỏa, tạm dừng giao dịch đang ở nước ngoài	Khi xử lý tài sản được bản án tuyên kê biên, phong tỏa, tạm dừng giao dịch đang ở nước ngoài: (i) Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao - cơ quan Trung ương của Việt Nam về tương trợ tư pháp đề nghị xử lý tài sản theo kênh tương trợ tư pháp về hình sự;	

		(ii) Trường hợp không thể thực hiện theo kênh tương trợ tư pháp về hình sự thì cơ quan THADS hướng dẫn người được thi hành án hoặc tự mình đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại tại nơi có tài sản bị tuyên kê biên, phong tỏa, tạm dừng giao dịch để thực hiện công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án của Việt Nam ở nước ngoài. Trường hợp này cơ quan THADS cần nghiên cứu các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự đã được ký kết giữa Việt Nam và các Quốc gia để tổ chức thực hiện. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc cần đề nghị Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật quốc tế) hướng dẫn, hỗ trợ.	
7	Xử lý tài sản là dự án đầu tư, tài sản hình thành trong tương lai	Chấp hành viên căn cứ vào quy định tại Luật Đầu tư Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này để xác minh tại cơ quan có thẩm quyền các nội dung như: việc chấp thuận chủ trương đầu tư; việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu	

		tư; việc phê duyệt dự án đầu tư, loại đất; mục đích, thời hạn sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án; việc cấp giấy phép xây dựng; nghĩa vụ tài chính về đất đai của dự án gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất...	
--	--	---	--

3. ĐỐI VỚI VIỆC XỬ LÝ TIỀN THI HÀNH ÁN

SỐ TT	LOẠI TIỀN	CÁCH THỨC XỬ LÝ	CƠ SỞ PHÁP LÝ
1	Số tiền, tài sản tạm giữ mà chưa thanh toán được theo quy định thì hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà đương sự không đến nhận tiền	Gửi tiền vào Ngân hàng theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn	Khoản 2 Điều 126 Luật THADS
2	Khoản tiền thi hành án mà cơ quan THADS thu được nhưng chưa xác định được địa chỉ của người được nhận hoặc khoản tiền hết thời hạn 15	Gửi tiền vào Ngân hàng theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn	Điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ

	ngày, kể từ ngày thông báo mà người được thi hành án đã yêu cầu thi hành án không đến nhận trừ trường hợp người được thi hành án là doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội		
3	Đối với khoản tiền, tài sản đã thu nhưng việc thi hành án bị hoãn, tạm đình chỉ để xem xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	Gửi tiền vào Ngân hàng theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn	Điểm b khoản 5 Điều 49 Nghị định 62/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ
4	Đối với khoản tiền bán đấu giá tài sản (người trúng đấu giá đã nộp đủ) nhưng chưa giao được tài sản thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày người mua được tài sản bán đấu giá nộp đủ tiền	Cơ quan THADS làm thủ tục đứng tên gửi số tiền đó vào Ngân hàng theo hình thức gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng cho đến khi giao được tài sản, phần lãi tiền gửi được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thi hành án; trường hợp không giao được tài sản thì phần lãi tiền gửi	- Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016;

		thuộc về người mua được tài sản bán đấu giá, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật quy định khác	- Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ
5	Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại mà cơ quan thi hành án dân sự chưa chi trả số tiền thi hành án đã thu được (kể cả trường hợp thu qua việc bán tài sản của người phải thi hành án)	Cơ quan THADS làm thủ tục đứng tên gửi số tiền thi hành án đã thu được vào Ngân hàng theo kỳ hạn 01 tháng. Phần lãi suất tiền gửi tiết kiệm sẽ được cộng vào số tiền gửi ban đầu để thực hiện theo bản án, quyết định mới có hiệu lực pháp luật	Khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016
6	Đối với khoản tiền không đủ điều kiện gửi vào ngân hàng; khoản tiền trước thời điểm người mua được tài sản bán đấu giá nộp đủ tiền mua tài sản	Gửi tiền vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc	- Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023; - Khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016

4. VỀ THU PHÍ THI HÀNH ÁN

Trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, nhất là các vụ án mới đưa ra xét xử thời gian gần đây cho thấy có những vụ việc bị can/bị cáo đã tự nguyện nộp tiền cho cơ quan điều tra hoặc cơ quan THADS để khắc phục hậu quả trước khi có bản án hoặc trước khi cơ quan THADS ra quyết định thi hành án. Trong trường hợp này Chấp hành viên, cơ quan THADS không thực hiện việc thu phí thi hành án khi thanh toán tiền thi hành án cho những người được thi hành án.

Tình huống: Bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử Nguyễn Văn A và đồng phạm phạm tội “*Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí*”, buộc Nguyễn Văn A và đồng phạm phải bồi thường cho các bị hại 3.000 tỷ đồng. Trong giai đoạn điều tra, Nguyễn Văn A đã xin được cho khắc phục toàn bộ hậu quả và đã nộp trực tiếp số tiền 3.000 tỷ đồng vào Kho bạc Nhà nước.

Giải pháp: Đối với vụ việc này, khi thụ lý, ra quyết định thi hành án, Chấp hành viên lưu ý không thực hiện việc thu phí thi hành án. Bởi lẽ, trường hợp cụ thể này đương sự đã nộp trước khi cơ quan THADS ra quyết định thi hành án và nộp tại cơ quan điều tra trước khi có Bản án, quyết định của tòa án nên về bản chất thì đây là trường hợp tự nguyện thi hành án.



PHỤ LỤC

STT	SỐ PHỤ LỤC	NỘI DUNG
1	Phụ lục I	Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế - được thực hiện bởi bà Elena Pavlova, chuyên gia UNDP
2	Phụ lục II	Quy trình tổ chức thi hành án trong nội bộ cơ quan THADS ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ-TCTHADS ngày 01/6/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS
3	Phụ lục III	Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng

PHỤ LỤC I: THỰC TIỄN, KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

I. GIỚI THIỆU

1. Vào ngày 30 tháng 5 năm 2024, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã ký hợp đồng với Elena Pavlova (Nhà thầu cá nhân) để thực hiện các dịch vụ như được mô tả trong Điều khoản tham chiếu (TOR).

2. Báo cáo tóm tắt này do Nhà thầu cá nhân chuẩn bị theo TOR. Báo cáo tổng hợp các kết quả nghiên cứu và phân tích trong lĩnh vực thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng và kinh tế ở cấp độ quốc tế và quốc gia.

3. Báo cáo tóm tắt này nêu tóm tắt các luật và tiêu chuẩn quốc tế về thu hồi tài sản theo UNCAC, tổng quan về khung pháp lý về thu hồi tài sản ở Việt Nam, đánh giá và phân tích các thực tiễn tốt nhất về thu hồi tài sản và thi hành án trong các vụ án tham nhũng và kinh tế ở Úc, Trung Quốc và Ý và đề xuất các khuyến nghị cho Việt Nam. Nội dung của báo cáo này chỉ phản ánh ý kiến của Nhà thầu cá nhân.

II. PHÁP LUẬT VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ THU HỒI TÀI SẢN THEO UNCAC

4. Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc (gọi tắt là UNCAC hay Công ước) là một công cụ chống tham nhũng phổ quát có tính ràng buộc về mặt pháp lý. Công ước này điều chỉnh năm lĩnh vực chính trong lĩnh vực

chống tham nhũng, bao gồm các biện pháp phòng ngừa, hợp tác quốc tế và các biện pháp thu hồi tài sản¹.

5. Công ước này là một điều ước, theo đó, các quốc gia thành viên phê chuẩn Công ước này đã đồng Ý tuân thủ các điều khoản và yêu cầu của Công ước. Chương II UNCAC quy định các biện pháp phòng ngừa, chính sách và thực tiễn về phòng, chống tham nhũng, bao gồm các biện pháp phòng, chống rửa tiền (Điều 14). Chương V UNCAC quy định các điều khoản về thu hồi tài sản (Điều 51 - 59).

6. Điều 51 UNCAC (Điều khoản chung) nêu rõ việc hoàn trả tài sản là nguyên tắc cơ bản của Công ước và các Quốc gia thành viên sẽ hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong việc triển khai thực hiện Công ước.

7. Điều 52 UNCAC (Ngăn chặn và phát hiện việc chuyển tiền do phạm tội mà có) quy định mỗi Quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết, phù hợp với luật pháp trong nước của mình, nhằm tăng cường giám sát tài khoản của quan chức, thành viên gia đình họ và cộng sự thân cận của họ; thiết lập các hệ thống công khai tài chính hiệu quả cho một số đối tượng các quan chức nhà nước thích hợp và quy định các chế tài thỏa đáng đối với những hành vi không tuân thủ.

8. Điều 53 UNCAC (Các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp) quy định rằng mỗi Quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết để xác lập quyền sở hữu đối với tài sản có được do phạm tội theo Công ước; cho phép tòa án của mình bồi thường hoặc bồi thường

1. Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, 2003, Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc số 58/4, ngày 31 tháng 10 năm 2003, UNODC (31 tháng 5 năm 2024), https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/tools_and_publications/UN-quy-uc-cong-tham-nhung.html

thiệt hại cho một Quốc gia thành viên khác bị tổn hại bởi những hành vi phạm tội này và công nhận yêu cầu của Quốc gia thành viên khác với tư cách là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

9. Điều 54 UNCAC đặt ra các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản, bao gồm tương trợ tư pháp và các biện pháp cần thiết khác để cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mỗi quốc gia thi hành lệnh tịch thu do tòa án của một Quốc gia thành viên khác ban hành, cũng như cho phép cơ quan có thẩm quyền của mỗi quốc gia phong tỏa hoặc tịch thu tài sản theo lệnh phong tỏa hoặc tịch thu do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên khác ban hành.

10. Điều 55 UNCAC (Hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu tài sản) quy định các biện pháp hợp tác quốc tế của các Quốc gia thành viên nhằm mục đích tịch thu tài sản do phạm tội mà có, các thủ tục gửi yêu cầu giữa các quốc gia và các biện pháp nhằm xác định, truy tìm và phong tỏa hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, hoặc thiết bị cùng chung mục đích.

11. Điều 56 UNCAC quy định các biện pháp hợp tác đặc biệt đối với các Quốc gia thành viên trong việc tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến các hành vi phạm tội thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

12. Điều 57 UNCAC (Hoàn trả tài sản và xử lý tài sản) quy định tài sản bị tịch thu bởi một Quốc gia thành viên, theo quy định của Công ước, phải được xử lý hoặc trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó, và mỗi Quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để cho phép các cơ quan

có thẩm quyền trả lại tài sản bị tịch thu theo yêu cầu của một Quốc gia thành viên khác.

13. Điều 58 UNCAC quy định các về hợp tác giữa các Quốc gia thành viên nhằm mục đích ngăn ngừa và phòng, chống việc chuyển tiền thu được từ hành vi phạm tội bằng cách mỗi Quốc gia thành viên thành lập một đơn vị tình báo tài chính chịu trách nhiệm tiếp nhận, phân tích và thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền các báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.

14. Điều 59 UNCAC khuyến khích các Quốc gia thành viên ký kết các hiệp định hoặc thỏa thuận song phương hoặc đa phương nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản theo Công ước.

15. Theo các điều khoản UNCAC nêu trên, quy trình thu hồi tài sản bao gồm:

- a) Thu thập thông tin, theo dõi, truy tìm tài sản;
- b) Ngăn chặn, đấu tranh việc chuyển tiền do phạm tội mà có;
- (c) Công tác phối hợp trong nước, bao gồm việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thiết lập các cơ chế thu hồi tài sản trực tiếp và hoàn trả tài sản;
- d) Hợp tác quốc tế nhằm mục đích tịch thu, hoàn trả tài sản thông qua tương trợ tư pháp, hợp tác trong công tác điều tra, tố tụng, các hiệp định song phương và đa phương.

16. Tuyên bố Chính trị “Cam kết chung trong việc giải quyết hiệu quả các thách thức và thực hiện các biện pháp ngăn chặn, chống tham nhũng cũng như tăng cường hợp tác quốc tế” đã được thông qua tại Nghị quyết S-32/1 của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 2

tháng 6 năm 2021. Trong tuyên bố này (Trang 33), các Quốc gia Thành viên - các bên tham gia Công ước thừa nhận “việc liên lạc và hợp tác hiệu quả và kịp thời giữa các cơ quan có thẩm quyền có thể là một yếu tố quan trọng trong việc hạn chế việc di chuyển xuyên biên giới của những đối tượng có liên quan đến các tội phạm tham nhũng và tài sản tham nhũng, bao gồm cả tiền có được từ hành vi tham nhũng”, và có thể góp phần vào nỗ lực ngăn chặn và phòng, chống các dòng tài chính bất hợp pháp có nguồn gốc từ tham nhũng².

17. Với mục đích điều tra và truy tố tội phạm tham nhũng, các Quốc gia thành viên cũng nhất trí trao đổi thông tin với nhau theo các thỏa thuận hiện hành, thông qua các diễn đàn hoặc mạng lưới quốc tế chính thức, bao gồm Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL), Sáng kiến Thu hồi Tài sản bị Đánh cắp (StAR), Mạng lưới đầu mối toàn cầu về thu hồi tài sản và Mạng lưới hoạt động toàn cầu mới của các cơ quan thực thi pháp luật phòng, chống tham nhũng.

18. Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư kèm theo (UNTOC) quy định các biện pháp đối với các quốc gia thành viên trong công tác phòng, chống rửa tiền (Điều 7), bao gồm các biện pháp phát hiện và giám sát việc chuyển tiền mặt và các công cụ chuyển nhượng khác qua biên giới; thúc đẩy hợp tác khu vực, tiểu khu vực và song phương giữa các cơ quan tư pháp, thực thi pháp luật và quản lý tài chính nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

2. Nghị quyết S-32/1, Đại hội đồng Liên hợp quốc, ngày 2 tháng 6 năm 2021 “Cam kết chung trong việc giải quyết hiệu quả các thách thức và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, chống tham nhũng cũng như tăng cường hợp tác quốc tế”, Thư viện Kỹ thuật số Liên hợp quốc (ngày 3 tháng 6 năm 2024)

19. Điều 12 UNTOC quy định về tịch thu và thu hồi tài sản do phạm tội mà có và tài sản có nguồn gốc từ các hành vi phạm tội được quy định trong Công ước, khuyến khích các Quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp cần thiết để xác định, truy tìm, phong tỏa hoặc tịch thu bất kỳ đồ vật nào liên quan đến số tiền thu được hoặc tài sản đó³.

20. Điều 13 UNTOC quy định về hợp tác quốc tế nhằm mục đích tịch thu tài sản thông qua việc gửi yêu cầu cho nhau và thực hiện các biện pháp để xác định, truy tìm và phong tỏa hoặc thu giữ tiền và tài sản do phạm tội mà có.

21. Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép ma túy và các chất hướng thần quy định về tịch thu tiền, tài sản, công cụ hoặc bất kỳ đồ vật nào khác liên quan đến việc buôn bán trái phép ma túy và các chất hướng thần có quy mô quốc tế (Điều 5), tương trợ tư pháp giữa các quốc gia thành viên (Điều 7), các hình thức hợp tác và thương mại khác (Điều 8, 9), hợp tác quốc tế (Điều 10), phù hợp với các quy định liên quan của UNCAC.

22. Đặc biệt, Điều 5 (Tịch thu tài sản) của Công ước này quy định “mỗi Bên sẽ cho phép cho tòa án của mình hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác ra lệnh công bố hoặc tịch thu hồ sơ ngân hàng, tài chính hoặc thương mại. Mỗi Bên không được từ chối không tuân thủ các quy định của khoản này vì lý do bí mật ngân hàng.”

3. Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư kèm theo, 2000, Nghị quyết 55/25 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, ngày 15 tháng 11 năm 2000, UNODC (3 tháng 6 năm 2024), <https://www.unodc.org/unodc/en/tổ-chức-crime/intro/UNTOC.html>

23. Chỉ thị 2014/42/EU của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 3 tháng 4 năm 2014 về phong tỏa và tịch thu các công cụ và tiền thu được từ tội phạm trong Liên minh Châu Âu đưa ra một định nghĩa rộng về tài sản có thể bị phong tỏa và tịch thu, bao gồm các tài liệu pháp lý hoặc công cụ chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó theo luật pháp quốc gia⁴.

24. Điều 4 (Tịch thu) của Chỉ thị cho phép các Quốc gia Thành viên thực hiện các biện pháp cần thiết trong trường hợp tịch thu các công cụ, tiền thu được hoặc tài sản theo bản án hình sự cuối cùng đã tuyên.

25. Theo Điều 9 (Tịch thu và thực thi hiệu quả) của Chỉ thị, các Quốc gia Thành viên sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để cho phép phát hiện và truy tìm tài sản bị phong tỏa và tịch thu và đảm bảo thực hiện hiệu quả lệnh tịch thu.

26. Điều 10 (Quản lý tài sản bị phong tỏa và tịch thu) của Chỉ thị quy định các Quốc gia Thành viên phải thực hiện các biện pháp cần thiết, bao gồm thành lập các cơ quan đầu mối, một nhóm các văn phòng chuyên môn hoặc các thiết chế tương đương, để đảm bảo quản lý hiệu quả tài sản bị phong tỏa có thể tiếp tục bị tịch thu tiếp và các biện pháp cho phép sử dụng tài sản bị tịch thu vào phục vụ lợi ích công cộng hoặc mục đích xã hội.

4. Chỉ thị 2014/42/EU, Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu, ngày 3 tháng 4 năm 2014, Giám sát của EU (ngày 1 tháng 6 năm 2024), <https://www.eumonitor.eu/9353000/1/j9vvik7m1c3gyxp/vjwzitr9nzz>

27. Nhóm Công tác Chống Tham nhũng G20 được thành lập năm 2010 để báo cáo với các Lãnh đạo G20 về vấn đề chống tham nhũng. Các lĩnh vực trọng tâm theo chủ đề bao gồm hợp tác trong lĩnh vực công pháp quốc tế, thu hồi tài sản, tính minh bạch về quyền sở hữu hưởng lợi, các lĩnh vực dễ bị tổn thương và tăng cường năng lực.

28. Chín nguyên tắc chính của G20 về thu hồi tài sản đã được xác định trong cuộc họp của nhóm công tác ở Paris năm 2011, bao gồm các yếu tố chính của khuôn khổ thể chế phục vụ quá trình thu hồi tài sản hiệu quả⁵.

29. Một trong những yếu tố đó là triển khai các công cụ để định vị và phong tỏa tài sản nhanh chóng thông qua (các) sổ đăng ký tài khoản ngân hàng mà cơ quan có thẩm quyền có thể truy cập trực tiếp hoặc thông qua một hệ thống đặc biệt cho phép cơ quan có thẩm quyền kịp thời thu được thông tin liên quan từ ngân hàng. Hệ thống cũng cần cho phép cơ quan có thẩm quyền phong tỏa tài sản nhanh chóng thông qua các biện pháp hành chính đặc biệt trên cơ sở tạm thời khi truy tố hoặc bắt giữ tội phạm theo quyết định của tòa án hoặc công tố viên.

30. Một cơ chế thu hồi tài sản quan trọng khác là thành lập các nhóm - đơn vị chuyên môn về thu hồi tài sản (văn phòng thu hồi tài sản có thể đảm nhận vai trò này), chuyên thu hồi tài sản. Các đơn vị này cần có nguồn lực phù hợp, được đào tạo và có kiến thức

5. G20, Chín nguyên tắc chính về thu hồi tài sản, UNODC, (01/06/2024), <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/g20-anti-corruption-resources/by-thematic-area.html>

chuyên môn, đồng thời có quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu, sổ đăng ký và thông tin tài chính liên quan để cho phép những người thực hiện xác định, định vị và phong tỏa tài sản. Các đơn vị này cũng phải có thẩm quyền hợp tác với các cơ quan nước ngoài có nhiệm vụ tương tự (bao gồm cả cơ quan thực thi pháp luật và tư pháp) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật trong việc truy tìm tài sản theo yêu cầu của cơ quan nước ngoài.

31. Việc tích cực tham gia mạng lưới hợp tác quốc tế cũng rất quan trọng. Cần thiết lập các khuôn khổ thể chế quốc gia để đảm bảo rằng các cơ quan nước ngoài có thể được tiếp cận tất cả các thông tin liên quan về tài sản tham nhũng một cách kịp thời và cho phép hành động pháp lý nhanh chóng để thực hiện các yêu cầu của nước ngoài.

32. Các nguyên tắc tương tự nhằm tăng cường cơ chế thu hồi tài sản nhằm phòng, chống tham nhũng đã được tái khẳng định trong Nguyên tắc cấp cao G20 về Tăng cường cơ chế thu hồi tài sản nhằm phòng, chống tham nhũng tại Hội nghị Bộ trưởng Chống tham nhũng G20 ở Kolkata, Ấn Độ vào ngày 12 tháng 8 năm 2023.

III. BỐI CẢNH QUỐC GIA

Tổng quan về khuôn khổ pháp lý về thu hồi tài sản ở Việt Nam

33. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 và nộp lưu chiểu văn kiện phê chuẩn cho Tổng thư ký Liên hợp quốc vào ngày 19 tháng 8 năm 2009.

34. Khoản 13 Điều 3 của Luật Phòng, chống rửa tiền của Việt Nam, có định nghĩa về “ngân hàng vô bọc”, là một ngân hàng không có hiện diện thực tế tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tại đó ngân hàng phải được thành lập và cấp phép, đồng thời không có liên kết hoặc kiểm soát của bất kỳ định chế tài chính nào đã được quản lý và giám sát⁶. Tuy nhiên, định nghĩa này cần phải chi tiết hơn và phản ánh được toàn bộ bản chất của ngân hàng vô bọc.

35. Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền yêu cầu các đối tượng báo cáo áp dụng thẩm định khách hàng (CDD) và các biện pháp khác liên quan đến cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị (PEP), cũng như cha mẹ, vợ/chồng, con trai/con gái, anh/em trai/em gái độ thân của cá nhân. Công dân Việt Nam là cá nhân có ảnh hưởng chính trị và tất cả các thành viên trực tiếp trong gia đình cá nhân có ảnh hưởng chính trị như đối tác, anh chị em ruột đều nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Luật Phòng, chống rửa tiền.

36. Chương III của Luật Phòng, chống rửa tiền phân bổ trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, Luật Phòng, chống rửa tiền không quy định việc thành lập một trung tâm phòng, chống rửa tiền duy nhất nhằm điều phối hoạt động của các cơ quan nhà nước.

37. Theo Khoản 1 Điều 91 của Luật Phòng, chống tham nhũng của Việt Nam, cơ quan chức năng Việt Nam có trách nhiệm hợp tác với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trong việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, thu giữ hoặc tịch thu tài sản vi phạm pháp

6. Luật Phòng, chống rửa tiền, số 14/2022/QH15 năm 2022, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2022

luật và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp dựa trên các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ký kết và các quy định pháp luật của Việt Nam. Khoản 2 Điều 91 đề cập đến hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản liên quan đến tương trợ tư pháp theo yêu cầu của bên nước ngoài⁷.

38. Khoản 1 Điều 93 của Luật Phòng, chống tham nhũng quy định tài sản tham nhũng sẽ được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp hoặc bị tịch thu. Tuy nhiên, điều này không áp dụng cho việc trả lại hoặc tịch thu tài sản nước ngoài.

39. Các quy định nêu trên tại Điều 91 và 93 của Luật Phòng, chống tham nhũng là phù hợp với Đoạn 2 và 3 của Điều 57 UNCAC, cho phép các cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia thành viên Công ước trả lại tài sản bị tịch thu cho Quốc gia thành viên khác trực tiếp theo yêu cầu của Quốc gia thành viên này, có tính đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

40. Theo Điều 507 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để khám xét, phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản (tài sản do phạm tội mà có) ở tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự và phù hợp với pháp luật Việt Nam.⁸ Tài sản được xử lý theo thoả thuận quốc tế hoặc theo từng trường hợp cụ thể. BLTTHS không quy định thủ tục tịch thu tài sản trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài như yêu cầu của UNCAC (Đoạn 3 Điều 57).

7. Luật Phòng, chống tham nhũng, số 36/2018/QH14 năm 2018, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 20 tháng 11 năm 2018

8. Bộ luật Tố tụng hình sự, số 101/2015/QH13, 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 27 tháng 11 năm 2015.

41. Nghĩa vụ trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người có quyền khác đối với tài sản của người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản đó cũng như hoàn trả lợi ích từ việc sử dụng tài sản đó trong các vụ án dân sự được quy định tại Điều 579 - 583 của BLDS⁹.

42. Tuy nhiên, thủ tục trả lại tài sản và lợi ích từ việc sử dụng tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp liên quan đến trách nhiệm dân sự của người tham gia vào thủ tục tố tụng hình sự chưa được quy định trong BLDS, BLSH và BLTTDS, BLTTHS của Việt Nam¹⁰.

43. Theo Khoản 5 Điều 27 BLTTDS, Tòa án có thẩm quyền dân sự giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự hoặc quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài¹¹.

44. Thủ tục công nhận và thi hành tại Việt Nam các bản án và quyết định của tòa án nước ngoài được quy định tại Điều 432-438 của BLTTDS, theo đó các bản án này có thể được công nhận và có hiệu lực tại Việt Nam, và những người có quyền và lợi ích hợp pháp có thể nộp đơn tới Bộ Tư pháp Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước có Tòa án nước ngoài hoặc theo yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự đó.

9. Bộ luật Dân sự, số 91-2015-QH13, 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 24 tháng 11 năm 2015

10. Bộ luật Hình sự, số 100/2015/QH13, 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 27 tháng 11 năm 2015

11. Bộ luật Tố tụng dân sự, số 92/2015/QH13 năm 2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 25 tháng 11 năm 2015

IV. NHỮNG THỰC TIỄN TỐT NHẤT TRONG THU HỒI TÀI SẢN VÀ THỰC HIỆN ÁN TRONG CÁC VỤ ÁN THAM NHŨNG VÀ KINH TẾ Ở ÚC, TRUNG QUỐC VÀ Ý

Khung pháp lý và thực tiễn thu hồi tài sản ở Úc

46. Úc đã phê chuẩn UNCAC vào ngày 7 tháng 12 năm 2005. Úc là một nước dân chủ lập hiến với một hệ thống liên bang với ba cấp chính quyền: Khối thịnh vượng chung (liên bang), các tiểu bang và vùng lãnh thổ và cấp địa phương.

47. Theo Mục 209 của Đạo luật tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố năm 2006 (Đạo luật AML/CTF), Trung tâm Phân tích và Báo cáo Giao dịch Australia đã được thành lập, còn được gọi là AUSTRAC¹². AUSTRAC là đơn vị tình báo tài chính, đồng thời là cơ quan quản lý tài chính chống rửa tiền và chống khủng bố.

48. Theo Mục 209 (3) AML/CTF, AUSTRAC bao gồm Giám đốc điều hành AUSTRAC và các nhân viên của AUSTRAC. Chức năng của AUSTRAC là hỗ trợ Giám đốc điều hành AUSTRAC thực hiện các chức năng của Giám đốc điều hành AUSTRAC, bao gồm lưu giữ, biên soạn, phân tích và phổ biến thông tin AUSTRAC; để cung cấp quyền truy cập và chia sẻ thông tin của AUSTRAC nhằm hỗ trợ các nỗ lực trong nước và quốc tế trong phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và các tội phạm nghiêm trọng khác; để tạo điều kiện tiếp cận kịp thời các thông tin tài chính, hành chính và thực thi pháp luật; thúc đẩy việc tuân thủ Đạo luật và quy định

12. Đạo luật tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố 2006, Số 169, 2006, sửa đổi: Biên soạn số 56, ngày 20 tháng 10 năm 2023, Chính phủ Úc (12 tháng 6 năm 2024), <https://www.legislation.gov.au/C2006A00169/latest/text>

AML/CTF; để hỗ trợ phát triển chính sách của chính phủ và nghiên cứu học thuật (Mục 210, 212 AML/CTF).

49. Mục 36 AML/CTF yêu cầu thẩm định khách hàng liên tục. Theo Mục 40 AML/CTF, đơn vị báo cáo phải cung cấp cho AUSTRAC các báo cáo về các vấn đề đáng ngờ, bao gồm cả các giao dịch ngưỡng. Nếu một người gửi hoặc nhận yêu cầu chuyển tiền quốc tế, người đó phải cung cấp cho AUSTRAC một báo cáo về yêu cầu này.

50. Theo Mục 41 AML/CTF, các vấn đề đáng ngờ bao gồm các vấn đề có thể hỗ trợ việc thực thi luật của Úc tương ứng với Đạo luật về Tài sản do phạm tội mà có năm 2002 hoặc các quy định theo Đạo luật này hoặc có thể liên quan đến việc điều tra hoặc truy tố các tội liên quan đến thuế, rửa tiền, tài trợ khủng bố và các tội phạm khác.

51. Theo Mục 83 AML/CTF, chương trình tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố bao gồm: chương trình tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố tiêu chuẩn (Mục 84), hoặc một chương trình chung về chống rửa tiền và chương trình tài trợ chống khủng bố (Mục 85), hoặc chương trình tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố đặc biệt (Mục 86). Việc áp dụng chương trình nào phụ thuộc vào mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố.

52. Theo Mục 88 AML/CTF, mỗi chương trình có các quy trình nhận dạng khách hàng khác nhau, tùy thuộc vào các loại khách hàng khác nhau hoặc các loại dịch vụ được chỉ định khác nhau hoặc các trường hợp khác nhau.

53. Theo Mục 127 AML/CTF, Giám đốc điều hành AUSTRAC có thể tiết lộ thông tin AUSTRAC cho chính

phủ nước ngoài hoặc cho cơ quan nước ngoài mà Giám đốc điều hành AUSTRAC cho là phù hợp, chính phủ nước ngoài hoặc cơ quan nước ngoài đã đưa ra cam kết liên quan và việc thực hiện cam kết đó là phù hợp trong mọi trường hợp. Theo các điều khoản này của Đạo luật, Giám đốc điều hành của AUSTRAC có thể chủ động tiết lộ thông tin của AUSTRAC cho chính phủ nước ngoài không cần phải theo yêu cầu.

54. Theo Mục 15.8 Quy tắc AML/CTF, chương trình thẩm định khách hàng nâng cao được áp dụng đối với các vấn đề đáng ngờ, những người có liên quan đến chính trị trong nước và quốc tế, khi những người này được coi là có nguy cơ cao hoặc khi một trong các bên của giao dịch đáng ngờ có liên quan đến nước ngoài¹³.

55. Chương trình thẩm định khách hàng nâng cao bao gồm phân tích chi tiết hơn về thông tin khách hàng, thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, nguồn tài sản của khách hàng và từng chủ sở hữu hưởng lợi; nguồn vốn của khách hàng và của từng chủ sở hữu hưởng lợi; phân tích và giám sát chi tiết hơn các giao dịch của khách hàng - cả trong quá khứ và tương lai, mục đích, lý do và bản chất của các giao dịch cụ thể; bản chất và mức độ mong đợi của hành vi giao dịch.

56. Theo Đạo luật Phần 15 AML/CTF,

“(1) Ngân hàng vỏ bọc là một công ty:

(a) được thành lập ở nước ngoài; và

13. Công cụ quy tắc tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố năm 2007 (Số 1) được ban hành theo Mục 229 của Đạo luật tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố năm 2006, được sửa đổi: Biên soạn số 74, ngày 26 tháng 1 năm 2024, Chính phủ Úc (Ngày 12 tháng 6 năm 2024), <https://www.legislation.gov.au/F2007L01000/latest/text>

(b) được phép thực hiện hoạt động kinh doanh ngân hàng tại quốc gia thành lập; và

(c) không có hiện diện thực tế tại quốc gia thành lập; và

(d) không phải là công ty liên kết của một công ty khác:

(i) được thành lập ở một quốc gia cụ thể; và

(ii) được phép thực hiện hoạt động kinh doanh ngân hàng tại quốc gia thành lập; và

(iii) có hiện diện thực tế tại quốc gia thành lập.

Khi một công ty có sự hiện diện thực tế ở một quốc gia

(2) Nhằm mục đích xác định thế nào là ngân hàng vỏ bọc, một công ty có hiện diện thực tế ở một quốc gia khi và chỉ khi:

(a) công ty tiến hành hoạt động kinh doanh ngân hàng tại một địa điểm ở quốc gia đó; và

(b) ít nhất một nhân viên toàn thời gian của công ty thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến ngân hàng tại địa điểm đó.

Khi một công ty liên kết với một công ty khác

(3) Nhằm mục đích xác định thế nào là ngân hàng vỏ bọc, một công ty được liên kết với một công ty khác khi và chỉ khi:

(a) công ty là công ty con của công ty khác; hoặc

(b) ít nhất một cá nhân vượt qua bài kiểm tra kiểm soát đối với cả hai công ty; hoặc

(c) theo quy định, cả hai công ty đều chịu sự kiểm soát chung.”

57. Theo Mục 94 AML/CTF, các tổ chức tài chính không được tham gia vào mối quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng vỏ bọc hoặc tổ chức tài chính khác có mối quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng vỏ bọc.

58. Theo Mục 11 (Yêu cầu của nước ngoài) của Đạo luật Tương trợ tư pháp hình sự 1987 (MACMA), nước ngoài có thể gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự tới Bộ trưởng Tư pháp bằng văn bản.¹⁴ Nếu một quốc gia nước ngoài gửi yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự tới tòa án ở Úc, tòa án phải chuyển yêu cầu đó đến Bộ trưởng Tư pháp.

59. Theo Mục 32 (Yêu cầu thi hành lệnh) của Đạo luật Tương trợ tư pháp hình sự, Australia có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phù hợp của nước ngoài sắp xếp việc thi hành lệnh tịch thu của Australia đối với tài sản nằm ở quốc gia đó hoặc lệnh phong tỏa của Australia đối với tài sản ở quốc gia đó, nếu lệnh được đưa ra đối với một hành vi phạm tội nghiêm trọng.

60. Theo Mục 33 (Yêu cầu ban hành lệnh ở nước ngoài) Đạo luật Tương trợ tư pháp hình sự, khi một thủ tục tố tụng hình sự hoặc điều tra hình sự đối một hành vi phạm tội nghiêm trọng bắt đầu được tiến hành ở Australia, Australia có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xin lệnh cho phép, lệnh yêu cầu hoặc công cụ khác, bao gồm cả lệnh cấm.

61. Theo Mục 34 (Yêu cầu thi hành lệnh nước ngoài) Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự, nếu một quốc gia yêu cầu Bộ trưởng Tư pháp tổ chức thi hành

lệnh tịch thu của nước ngoài, được đưa ra đối với một hành vi phạm tội nghiêm trọng ở nước ngoài, đối với tài sản có trụ sở tại Australia và Bộ trưởng Tư pháp cảm thấy thỏa đáng với việc một đối tượng đã bị kết án về hành vi phạm tội này, Bộ trưởng Tư pháp có thể ủy quyền bằng văn bản cho cơ quan có liên quan nộp đơn xin đăng ký lệnh.

62. Nếu một quốc gia yêu cầu Bộ trưởng Tư pháp sắp xếp việc thi hành lệnh tịch thu của nước ngoài, Bộ trưởng Tư pháp có thể ủy quyền bằng văn bản cho cơ quan có liên quan nộp đơn xin đăng ký lệnh này.

63. Nếu một quốc gia yêu cầu Bộ trưởng Tư pháp sắp xếp việc thi hành lệnh cấm của nước ngoài, Bộ trưởng Tư pháp có thể ủy quyền bằng văn bản cho cơ quan có liên quan nộp đơn xin đăng ký lệnh này.

64. Theo Mục 34B (Thi hành lệnh tịch thu nước ngoài) Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự, lệnh tịch thu nước ngoài được đăng ký tại tòa án, theo Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự, có hiệu lực và có thể được thi hành.

65. Theo Mục 34C (Hiệu lực đối với bên thứ ba trong việc đăng ký lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài, Đơn đăng ký của bên thứ ba) Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự, nếu tòa án đăng ký theo mục 34A lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài đối với tài sản, người yêu cầu quyền lợi đối với tài sản, và không bị kết án về một hành vi phạm tội nghiêm trọng ở nước ngoài liên quan đến lệnh đã được đưa ra, có thể nộp đơn lên tòa án để xin lệnh thích hợp và tòa án phải ra lệnh tuyên bố tính chất, mức độ và giá trị phần lợi ích của người nộp đơn đối với tài sản; và chỉ đạo Liên bang chuyển tiền phần

14. Đạo luật tương trợ trong các vấn đề hình sự 1987, số 85, 1987, sửa đổi: Bản số 41, ngày 14 tháng 9 năm 2023, Chính phủ Úc (ngày 12 tháng 6 năm 2024), <https://www.legislation.gov.au/C2004A03494/latest/chu>

lợi ích này cho người nộp đơn hoặc chỉ đạo Liên bang thanh toán cho người nộp đơn một số tiền bằng giá trị tài sản đã kê khai.

66. Theo Mục 34E (Thi hành lệnh cấm của nước ngoài) Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự, lệnh cấm của nước ngoài được đăng ký tại tòa án Australia có hiệu lực và có thể được thi hành.

67. Chương 2 của Đạo luật Tài sản do phạm tội mà có năm 2002 (POCA) quy định về kế hoạch tịch thu tài sản.¹⁵ Một kế hoạch tịch thu bao gồm các biện pháp tịch thu sau đây. Theo Mục 15A POCA, lệnh phong tỏa tài khoản có thể được đưa ra đối với tài khoản trong một tổ chức tài chính, nếu có cơ sở nghi ngờ số dư tài khoản phản ánh số tiền thu được hoặc một công cụ phạm tội nhất định và thẩm phán cảm thấy thỏa đáng rằng nếu không ban hành lệnh, sẽ có nguy cơ số dư tài khoản sẽ bị giảm nhằm đảm bảo một người không bị tước đoạt toàn bộ hoặc một phần số tiền thu được hoặc công cụ phạm tội.

68. Trình tự thực hiện tương tự việc lập lệnh phong tỏa và hiệu lực của lệnh phong tỏa được quy định trong Mục 15B-15M POCA.

69. Theo Mục 16 POCA, các lệnh cấm có thể được ban hành đối với tài sản liên quan đến một số tội phạm nhất định (bao gồm tham nhũng, rửa tiền và các tội phạm nghiêm trọng khác), trên cơ sở liên quan đến các lệnh thu giữ hoặc tịch thu có thể liên quan đến các tội phạm đó. (Không yêu cầu một người phải bị kết án về tội này trong mọi trường hợp)

15. Đạo luật Kỷ lục Tội phạm 2002, Số 85, 2002, sửa đổi: Biên soạn số 54, ngày 1 tháng 7 năm 2023, Chính phủ Úc (ngày 12 tháng 6 năm 2024), <https://www.legislation.gov.au/C2004A01022/latest/text>

70. Thủ tục ra lệnh cấm và thi hành lệnh cấm được quy định tại các Mục 17-20, 25-27, 33-37 POCA.

71. Theo Mục 46 POCA, lệnh tịch thu có thể được ban hành, tịch thu tài sản cho Khối thịnh vượng chung, liên quan đến một số hành vi phạm tội nhất định (bao gồm tham nhũng, rửa tiền và các hành vi phạm tội nghiêm trọng khác). (Không yêu cầu một người phải bị kết án về tội danh này trong mọi trường hợp) Lệnh được ban hành theo đơn đề nghị của cơ quan điều tra tội phạm (Giám đốc Cơ quan Cảnh sát Liên bang hoặc Giám đốc Cơ quan Công tố (DPP)).

72. Thủ tục lập lệnh tịch thu và hiệu lực của lệnh tịch thu được quy định tại Mục 47-52, 66-71 POCA. Theo Mục 70-71 POCA, một người sẽ phạm tội nếu người đó định đoạt hoặc xử lý tài sản trước khi xét đến lợi ích của Liên bang đã được đăng ký trong sổ đăng ký phù hợp. Trong trường hợp đó, Người được ủy thác chính thức được chỉ định để xử lý tài sản và có thể nắm giữ và kiểm soát bất kỳ phần hoặc toàn bộ tài sản nào có lệnh tịch thu.

73. Người được ủy thác chính thức (OT), thay mặt tiểu bang và ngay khi có thể, phải xử lý bất kỳ tài sản nào được chỉ định theo lệnh không phải là tiền và sử dụng bất kỳ số tiền nào nhận được từ việc xử lý đó và bất kỳ tài sản nào được chỉ định theo lệnh là tiền để thanh toán thù lao của người được ủy thác chính thức và các chi phí, phí tổn khác mà người được ủy thác chính thức phải trả hoặc phát sinh liên quan đến việc xử lý, đồng thời ghi có số tiền và số tiền còn lại nhận được vào Tài khoản Tài sản bị tịch thu. Quỹ tài sản bị tịch thu đã được thành lập nhằm phục vụ các mục đích này theo POCA (phần 4-3).

74. Theo Mục 259 (Trả lại tài sản bị tịch thu cho bên thứ ba) POCA, một người yêu cầu quyền lợi đối với một đồ vật đã bị tịch thu theo lệnh khám xét có thể nộp đơn lên tòa án để ra lệnh trả lại đồ vật này cho người đó. Tòa án phải ra lệnh cho người trông coi có trách nhiệm trả lại đồ vật đó cho người nộp đơn, nếu tòa án thấy thỏa đáng rằng người nộp đơn có quyền sở hữu đồ vật đó và người bị nghi ngờ thực hiện hoặc bị kết án về một hành vi phạm tội dẫn đến việc tịch thu đồ vật, không có hứng thú với đồ vật này.

75. Năm 2017, AUSTRAC đã tài trợ cho Liên minh Fintel, một đối tác công tư nhằm chia sẻ thông tin tình báo tài chính và hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật trong việc phòng, chống tội phạm nghiêm trọng và giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia^{16, 17}. Liên minh Fintel bao gồm đại diện từ các tổ chức đối tác công và tư nhân cùng nhau hợp tác để chống lại các tội phạm nghiêm trọng.

76. Có hai trung tâm chia sẻ thông tin trong các lĩnh vực hợp tác của các đối tác: Trung tâm điều hành - không gian vật lý nơi các đối tác trao đổi và phân tích thông tin tài chính theo thời gian thực, sử dụng các công cụ theo dõi dữ liệu và các phương pháp thực hành tốt nhất; Trung tâm Đổi mới, nơi các đối tác đồng thiết kế và thử nghiệm các giải pháp công nghệ mới và sáng tạo để hỗ trợ thu thập và phân tích thông tin tài chính, bao gồm các công nghệ như chuỗi khối và tiền kỹ thuật số hoặc tiền điện tử.

77. Australia là thành viên của Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về rửa tiền (APG), Mạng lưới liên ngành thu

16. Liên minh Fintel, AUSTRAC (ngày 8 tháng 6 năm 2024), <https://www.austrac.gov.au/about-us/fintel-alliance>

17. Liên minh Fintel, AUSTRAC (ngày 8 tháng 6 năm 2024), <https://www.austrac.gov.au/about-us/fintel-alliance>

hồi tài sản - Châu Á-Thái Bình Dương (ARIN-AP) và là quan sát viên của Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản Camden (CARIN)¹⁸. CARIN và ARIN-AP là mạng lưới liên ngành không chính thức dành cho cơ quan thực thi pháp luật và những cán bộ hành nghề pháp lý, chuyên truy tìm, phong tỏa, thu giữ và tịch thu tài sản. Mỗi Quốc gia Thành viên được đại diện bởi một quan chức thực thi pháp luật và một chuyên gia pháp lý (công tố viên, thẩm phán điều tra, v.v., tùy thuộc vào hệ thống pháp luật). Mục đích của CARIN và ARIN-AP là tăng cường hiệu quả thu hồi tài sản của các thành viên.

78. Australia là thành viên sáng lập của Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính (FATF), với nỗ lực thúc đẩy các chính sách và chương trình hành động quốc gia nhằm thu hồi tài sản thành công, hợp tác hoạt động ở mọi cấp độ và chia sẻ thông tin giữa khu vực công và tư¹⁹. Khuyến nghị của FATF, được sửa đổi vào tháng 10 năm 2023, thiết lập một khuôn khổ các biện pháp toàn diện để giúp các quốc gia giải quyết các dòng tài chính bất hợp pháp, bao gồm khung pháp lý và các giải pháp hoạt động để đảm bảo chính quyền quốc gia có thể phát hiện và ngăn chặn hiệu quả các dòng tài chính thúc đẩy tội phạm và áp dụng chế tài đối với những đối tượng phải chịu trách nhiệm về hoạt động bất hợp pháp²⁰.

18. Nhóm Châu Á / Thái Bình Dương về rửa tiền, APG (12 tháng 6 năm 2024) <https://apgml.org/default.aspx>

19. Khuyến nghị của FATF, FATF (12 tháng 6 năm 2024), <https://www.fatf-gafi.org/en/topics/fatf-recommendations.html>

20. Thông tin liên quan có thể được tìm thấy trong chu kỳ đánh giá Báo cáo Đánh giá Quốc gia 2016-2021 và Tóm tắt Đánh giá việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng của Australia, Nhóm đánh giá thực hiện, phiên họp thứ 10, Vienna, ngày 27-29 tháng 5 năm 2019, UNODC, Hồ sơ quốc gia, Úc, Chu kỳ đánh giá 2 (ngày 5 tháng 6 năm 2024), <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/country-profile/index.html>

79. Tóm lại, những ưu điểm của khung pháp lý và thủ tục thu hồi tài sản cũng như những thực tiễn tốt nhất trong lĩnh vực này ở Australia liên quan đến các vụ việc tham nhũng và kinh tế bao gồm:

A. Hệ thống pháp luật về phòng, chống rửa tiền được xây dựng tốt nhằm cung cấp nhiều biện pháp và công cụ thu thập bằng chứng và truy tìm tài sản, chẳng hạn như các chương trình tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố cũng như các thủ tục nhận dạng khách hàng khác nhau, được quy định trong Đạo luật tài trợ chống rửa tiền và chống khủng bố năm 2006.

B. Khung pháp lý và chính sách toàn diện về thu hồi tài sản theo Đạo luật tài sản do phạm tội mà có năm 2002 (POCA), bao gồm kế hoạch tịch thu, cung cấp các loại lệnh tịch thu khác nhau và cơ sở pháp lý để xác định, phong tỏa, tịch thu và trả lại tài sản có được từ việc thu hồi tài sản đối với hành vi phạm tội.

C. Các biện pháp phối hợp trong nước: thành lập đơn vị tình báo tài chính AUSTRAC, Liên minh Fintel, Quỹ tài sản bị tịch thu và Tài khoản tài sản bị tịch thu theo POCA để thu hồi tài sản thay mặt cho Khối thịnh vượng chung.

D. Hợp tác quốc tế: khuôn khổ pháp lý toàn diện để hỗ trợ và thực thi các lệnh từ/ gửi ra nước ngoài theo Đạo luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 1987, tham gia Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính (FATF), Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về rửa tiền (APG), Mạng lưới liên ngành về thu hồi tài sản - Châu Á-Thái Bình Dương (ARIN-AP) và Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản Camden (CARIN).

Khung pháp lý và thực tiễn thu hồi tài sản ở Trung Quốc

80. Trung Quốc đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC hay “Công ước”) vào ngày 13 tháng 1 năm 2006. Nguyên tắc quản trị ở Trung Quốc là chủ nghĩa xã hội mang đặc điểm Trung Quốc. Hệ thống tư pháp Trung Quốc không công nhận tiền lệ tư pháp, không có án lệ. Tuy nhiên, tòa án các cấp phải tuân thủ giải thích tư pháp của Tòa án nhân dân tối cao (SPC) và giải thích tư pháp do TAND tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao (SPP) cùng ban hành.

81. Điều 64 Bộ luật Hình sự Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CL), quy định rằng tất cả tài sản mà người phạm tội chiếm được một cách bất hợp pháp phải được thu hồi hoặc người phạm tội sẽ bị yêu cầu hoàn lại hoặc bồi thường²¹.

Tài sản hợp pháp của người bị hại phải được trả lại ngay. Mọi tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản riêng của tội phạm được sử dụng để phạm tội đều bị tịch thu.

82. Theo Điều 395 Bộ luật Hình sự, nếu tài sản hoặc chi tiêu của công chức vượt quá đáng kể thu nhập hợp pháp của họ thì họ phải giải trình nguồn gốc của những tài sản và chi tiêu đó. Nếu họ không thực hiện, những tài sản hoặc nguồn thu nhập đó sẽ bị coi là thu nhập bất hợp pháp và các quan chức nhà nước có thể bị phạt tù không quá 5 năm hoặc bị giam giữ hình sự.

21. Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được thông qua: Quyết định của Kỳ họp thứ hai Quốc hội lần thứ V, ngày 1 tháng 7 năm 1979; sửa đổi: Quyết định của Kỳ họp thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ 8, ngày 14 tháng 3 năm 1997, Warnath Group (66 tháng 6 năm 2024), <https://www.warnathgroup.com/wp-content/uploads/2015/03/China-Bộ luật hình sự.pdf>

Khoản chênh lệch giữa các nguồn thu nhập hợp pháp và bất hợp pháp sẽ bị tịch thu.

83. Cán bộ nhà nước có tiền gửi tiết kiệm ở nước ngoài phải kê khai thông tin về số tiền gửi tiết kiệm của mình. Những người không tuân thủ có thể bị phạt tù không quá hai năm hoặc bị giam giữ hình sự. Đối với những tội ít nghiêm trọng hơn, có thể áp dụng hình thức xử phạt hành chính đối với cán bộ nhà nước.

84. Theo Điều 36 Bộ luật Hình sự, trong trường hợp nạn nhân bị thiệt hại về kinh tế do hành vi phạm tội gây ra thì ngoài việc bị xử lý hình sự, người phạm tội còn phải bồi thường thiệt hại về kinh tế cho nạn nhân.

85. Theo Điều 77-78 của Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CPL), nạn nhân bị thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội gây ra có quyền nộp đơn kiện dân sự đối với người phạm tội trong vụ án hình sự²². Tòa án nhân dân có thể tịch thu tài sản của người phạm tội. Phần dân sự sẽ được xét xử cùng với vụ án hình sự. Tòa án này có thể tiếp tục xét xử phần dân sự sau khi kết thúc việc xét xử vụ án hình sự chỉ nhằm mục đích ngăn chặn tình trạng chậm trễ quá mức trong xét xử vụ án hình sự.

86. Theo Điều 117 Bộ luật Tố tụng hình sự, cơ quan kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan công an, trong quá trình điều tra, có thể yêu cầu hoặc ra lệnh phong tỏa tiền gửi tiết kiệm hoặc tiền của người bị tình nghi phạm tội theo các quy định liên quan.

22. Luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thông qua: Quyết định của Kỳ họp thứ hai Quốc hội lần thứ V, ngày 1 tháng 7 năm 1979; sửa đổi: Quyết định của Kỳ họp thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ VIII, ngày 17 tháng 3 năm 1996, WIPO (6 tháng 6 năm 2024), <https://www.wipo.int/ với ipolex/en/text/337115>

87. Theo Điều 16 Bộ luật Tố tụng hình sự, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự sẽ được áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

88. Thủ tục thi hành bản án dân sự (Thủ tục thi hành án) được quy định tại Điều 224-235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (BLTTDS)²³. Bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm nơi có tài sản thi hành án (Điều 224 BLTTDS) cho thi hành.

89. Bất kỳ bên nào tham gia tố tụng tại tòa án hoặc bất kỳ bên liên quan nào khác có quyền gửi đơn khiếu nại lên Tòa án nhân dân nếu cho rằng việc thi hành án là trái với quy định của pháp luật. Trong trường hợp đó, Tòa án nhân dân phải xem xét các tình tiết của vụ án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản đối (Điều 225 BLTTDS).

90. Việc thi hành án do người thi hành án thực hiện. Sau khi thi hành án xong, nội dung phải được lập biên bản, có chữ ký hoặc đóng dấu của những người có mặt (Điều 228 BLTTDS).

91. Trường hợp trong quá trình thực hiện các bên tự có thỏa thuận hòa giải thì chấp hành viên lập biên bản nội dung thỏa thuận và hai bên ký tên hoặc đóng dấu vào biên bản. Trường hợp người yêu cầu thi hành án đạt được thỏa thuận hòa giải với người phải thi hành án do bị

23. Luật Tố tụng dân sự nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thông qua: Quyết định của Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa VII, ngày 9 tháng 4 năm 1991; sửa đổi: ngày 27 tháng 6 năm 2017, Tòa án Thương mại Quốc tế Trung Quốc CICC (11 tháng 6 năm 2024), <https://cicc.court.gov.cn/html/1/219/199/200/644.htm>

lừa dối, ép buộc hoặc nếu một bên không thực hiện thỏa thuận hòa giải thì Tòa án nhân dân có thể, theo yêu cầu của bên kia, khôi phục thủ tục thi hành án trên cơ sở văn bản pháp luật có hiệu lực ban đầu (Điều 230 BLTTDS).

92. Theo Điều 241-242 BLTTDS, các biện pháp thi hành án được tòa án áp dụng khi người phải thi hành án không thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong văn bản pháp luật theo thông báo thi hành án. Trong trường hợp đó, Tòa án nhân dân có quyền chỉ đạo các cơ quan có liên quan truy xét tài sản, tiền đặt cọc, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ của người bị thi hành án và có quyền kê biên, phong tỏa, chuyển nhượng, bán tài sản của người đó nhưng không vượt quá phạm vi nghĩa vụ của người phải thi hành án. Tòa án nhân dân ra quyết định và ra thông báo thi hành án cho cơ quan hữu quan, yêu cầu có biện pháp xử lý thích hợp.

93. Theo Điều 10 của Luật Phòng, chống rửa tiền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Luật AML), cơ quan phòng, chống rửa tiền trực thuộc Hội đồng Nhà nước sẽ thành lập một trung tâm thông tin chống rửa tiền, chịu trách nhiệm thu thập và phân tích thông tin về giao dịch tiền tài sản lớn và giao dịch đáng ngờ, báo cáo kết quả phân tích cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Hội đồng Nhà nước²⁴.

94. Theo Điều 16 Luật Phòng, chống rửa tiền, các tổ chức tài chính phải xây dựng hệ thống nhận dạng

khách hàng, yêu cầu khách hàng xuất trình giấy chứng nhận nhận dạng cá nhân và các giấy tờ nhận dạng cá nhân khác, tiến hành xác minh khi cung cấp dịch vụ tài chính một lần cho khách hàng, như chuyển tiền mặt, đổi tiền mặt, thanh toán các hóa đơn có giá trị đáng kể. Trong trường hợp người khác thay mặt khách hàng và được sự đồng ý của khách hàng thì tổ chức tài chính phải tiến hành xác minh, đăng ký giấy tờ chứng thực cá nhân và các giấy tờ chứng thực cá nhân khác của đại lý. Điều này cũng áp dụng với những người thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

95. Theo Điều 20 Luật Phòng, chống rửa tiền, các tổ chức tài chính phải thực hiện hệ thống báo cáo về các giao dịch lớn và đáng ngờ và báo cáo ngay cho trung tâm thông tin phòng, chống rửa tiền về các giao dịch đó ngay lập tức.

96. Theo Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền, trong trường hợp khách hàng yêu cầu chuyển tiền từ tài khoản của họ có liên quan đến điều tra hình sự, sau khi được cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Hội đồng Nhà nước phê duyệt, các tổ chức tài chính có thể áp dụng các biện pháp phong tỏa tạm thời đối với các tài khoản đó với thời hạn lên tới 48 giờ.

97. Chức năng của đơn vị tình báo tài chính ở Trung Quốc được phân chia giữa hai đơn vị của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC): Cục Phòng, chống rửa tiền (AMLB) và Trung tâm Phân tích và Giám sát phòng, chống rửa tiền Trung Quốc (CAMLMAC). Các cơ quan và ban ngành chống tham nhũng đặc biệt đã được thành lập trong các cơ quan thực thi pháp luật.

24. Luật Chống rửa tiền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, được thông qua: Phiên họp thứ 24 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội lần thứ 10, ngày 31 tháng 10 năm 2006, UNNODC (7 tháng 6 năm 2024), https://sherloc.unodc.org/cld/uplo_a_ds/res/document/anti-money-laundering-law-of-the-peoples-republic-of-china_html/China_Anti-Money_Laundering_Law_EN.pdf

Trung Quốc đã thực hiện các tiêu chuẩn và khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính (FATF).

98. Vào tháng 8 năm 2014, tại Hội nghị Bộ trưởng APEC, các Quốc gia Thành viên Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đã thông qua Tuyên bố Bắc Kinh về Phòng, chống tham nhũng nhằm xử lý các trường hợp tham nhũng thông qua tất cả các biện pháp khả thi trong khuôn khổ luật pháp và quy định quốc gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các thỏa thuận hành chính để quan chức các nước thành viên APEC hợp tác với nhau²⁵.

99. Các thành viên APEC tái khẳng định việc thành lập Mạng lưới các cơ quan phòng, chống tham nhũng và cơ quan thực thi pháp luật APEC (ACT-NET), một mạng lưới không chính thức để chia sẻ thông tin và trao đổi các kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất giữa các cơ quan thực thi pháp luật và phòng, chống tham nhũng ở châu Á -Vùng Thái Bình Dương²⁶.

ACT-NET tập trung vào việc kết nối các cán bộ phòng, chống tham nhũng và thực thi pháp luật để tăng cường hợp tác xuyên biên giới không chính thức trong việc điều tra và truy tố tham nhũng, hối lộ, rửa tiền và buôn bán bất hợp pháp; xác định và hoàn trả số tiền thu được do phạm tội. Mạng lưới này hoạt động dưới hình thức một nền tảng không chính thức nhằm tư vấn, điều

25. Tuyên bố Bắc Kinh về chống tham nhũng, Hội nghị Bộ trưởng APEC 2014, APEC (06/06/2024), https://www.apec.org/meeting-papers/annual-ministerial-meetings/2014/2014_amm/annexh

26. Chống tham nhũng và minh bạch, APEC (06/06/2024), <https://www.apec.org/gr o up / som-steering-committee-on-kinh-tế-and-Technology-cooper/working-groups/anti-corruption-and-transparency>

phối và chia sẻ các thực tiễn, kinh nghiệm, nghiên cứu, kỹ thuật và công cụ điều tra hiệu quả²⁷.

100. Tóm lại, những ưu điểm của khung pháp lý và thủ tục thu hồi tài sản cũng như những thực tiễn tốt nhất liên quan đến các vụ việc tham nhũng và kinh tế của Trung Quốc bao gồm:

A. Hệ thống pháp luật toàn diện liên quan đến thu thập chứng cứ và truy tìm tài sản, tiến hành tố tụng và thi hành án, bao gồm các quy định rõ ràng và chặt chẽ của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Phòng, chống rửa tiền và thủ tục thi hành án theo Bộ luật Tố tụng dân sự của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

B. Các biện pháp phối hợp trong nước: thành lập đơn vị tình báo tài chính Trung Quốc, bao gồm hai đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC): Cục Chống rửa tiền (AMLB) và Trung tâm Phân tích và Giám sát Chống rửa tiền Trung Quốc (CAMMAC).

C. Hợp tác quốc tế: tham gia APEC và Mạng lưới các cơ quan chống tham nhũng và cơ quan thực thi pháp luật APEC (ACT-NET).

Khung pháp lý và thực tiễn thu hồi tài sản ở Ý.

101. Ý đã phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng vào ngày 3 tháng 8 năm 2009. Với mục đích thu thập thông tin và truy tìm tài sản, theo

27. Thông tin liên quan có thể được tham khảo trong Bản tóm tắt đánh giá việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng của Trung Quốc, Nhóm đánh giá thực hiện, phiên họp thứ 8, Vienna, 19-23 tháng 6 năm 2017, UNODC, Hồ sơ quốc gia, Trung Quốc, Chu kỳ đánh giá 1 (ngày 5 tháng 6 năm 2024), <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/c hoặc untry-profile/index.html>

Khoản 2 Điều 3 của Nghị định lập pháp số 90 ngày 25 tháng 5 năm 2017 (Luật Phòng, chống rửa tiền hoặc Luật AML), các yêu cầu về thẩm định khách hàng (CDD) áp dụng cho nhiều tổ chức có liên quan, bao gồm ngân hàng, Tổ chức tiền điện tử (EMI), Tổ chức thanh toán (PI), công ty đầu tư của Ý, công ty quản lý tài sản, Công ty đầu tư mở (OEIC) và các công ty khác²⁸.

102. Theo Điểm b-d, khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống rửa tiền, thẩm định khách hàng bao gồm việc xác minh danh tính của khách hàng, thu thập và đánh giá thông tin về mục đích và bản chất của mối quan hệ kinh doanh hoặc dịch vụ nghề nghiệp, giám sát liên tục mối quan hệ kinh doanh hoặc dịch vụ nghề nghiệp.

103. Theo Điều 74-76 của Bộ luật Tố tụng hình sự Ý (BLTTHS), người bị thương do hành vi phạm tội có thể khởi kiện dân sự tại tòa án hình sự để yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị cáo và người khác có nghĩa vụ dân sự đối với thiệt hại²⁹. Một vụ kiện dân sự được đưa ra trước tòa án dân sự có thể được chuyển sang tố tụng hình sự. Nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng hình sự với tư cách là một bên dân sự ở bất kỳ giai đoạn nào trong quy trình tố tụng hình sự, đòi hỏi việc không tiến hành phiên tòa dân sự. Tòa án hình sự sẽ quyết định chi phí tố tụng dân sự.

104. Theo Điều 263 BLTTHS, việc hoàn trả các đồ vật bị tịch thu sẽ được thực hiện theo lệnh của tòa án

nếu không có nghi ngờ gì về quyền sở hữu của chúng. Sau khi ra bản án cuối cùng, Tòa án thi hành án quyết định việc hoàn trả đồ vật bị thu giữ. Tòa án thi hành án (SEC) là một công cụ pháp lý độc đáo của hệ thống tư pháp Ý, có thẩm quyền ra quyết định và thực thi các quyết định này (Điều 665 BLTTHS).

105. Thủ tục thi hành án được quy định tại Điều 666 BLTTHS, được khởi xướng trước SEC bởi Công tố viên, người có liên quan hoặc luật sư của người đó. Thẩm phán duy nhất sẽ ấn định ngày diễn ra phiên điều trần tại các phòng và phải đảm bảo rằng các bên và luật sư của họ được thông báo về ngày đó bằng cách đưa ra thông báo tối đa năm ngày trước phiên điều trần. Phiên điều trần phải diễn ra với sự tham gia bắt buộc của luật sư và kiểm sát viên. Người có liên quan yêu cầu được xét xử sẽ được tòa án xét xử trực tiếp. Tòa án sẽ ra lệnh gửi ngay cho các bên và luật sư của họ. Theo Điều 676 BLTTHS, SEC cũng có thẩm quyền ra lệnh tịch thu hoặc bồi thường đối với các đồ vật bị tịch thu.

106. Luật Hình sự của Ý quy định thủ tục chi tiết về việc công nhận các quyết định của tòa án nước ngoài về tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Theo Điều 731 BLTTHS, nếu Bộ trưởng Bộ Tư pháp tin rằng, theo một thỏa thuận quốc tế, bản án hình sự được đưa ra ở nước ngoài phải được thi hành ở Ý thì Bộ trưởng sẽ yêu cầu việc công nhận thi hành. Để thực hiện mục đích này, Bộ trưởng Bộ Tư pháp phải chuyển cho Tổng Công tố một bản sao phán quyết và yêu cầu của Nhà nước nước ngoài. Tổng công tố sẽ bắt đầu việc công nhận bằng

28. Nghị định lập pháp số 90, ngày 25 tháng 5 năm 2017, UNODC, Thư viện pháp luật (9 tháng 6 năm 2024), <https://track.unodc.org/track/trackview/search.html#/search>

29. Bộ luật tố tụng hình sự của Ý, 1988, Quốc hội, ngày 22 tháng 9 năm 1988, Cơ sở dữ liệu công cụ pháp lý của ICC (ngày 8 tháng 6 năm 2024), <https://www.legal-tools.org/doc/aee4e8>

cách gửi yêu cầu lên Tòa phúc thẩm. Theo Điều 734 BLTTHS, Tòa phúc thẩm sẽ quyết định công nhận bản án của tòa án nước ngoài.

107. Theo Điều 740 BLTTHS, nếu thỏa thuận quốc tế liên quan có hiệu lực ở Ý, tài sản bị tịch thu theo phán quyết chung thẩm của tòa án hoặc quyết định chung thẩm của cơ quan khác sẽ được chuyển giao cho Nhà nước nước ngoài. Sau khi công nhận bản án nước ngoài, Tòa án cấp phúc thẩm ra lệnh chuyển giao đồ vật bị tịch thu. Việc chuyển giao sẽ được thực hiện nếu Nhà nước nước ngoài có yêu cầu rõ ràng về việc chuyển giao đồ vật bị tịch thu. Một bản sao quyết định sẽ được gửi ngay cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp để quyết định thủ tục chuyển giao với Quốc gia yêu cầu.

108. Luật pháp Ý bảo vệ quyền được trả lại tài sản của nạn nhân. Theo Điều 316 BLTTHS, bên dân sự trong vụ án hình sự có thể nộp đơn lên tòa án yêu cầu tịch thu tài sản của bị cáo hoặc người khác phải chịu trách nhiệm dân sự về mất mát và thiệt hại. Việc tịch thu tài sản có lợi cho bên dân sự cũng có thể được ra lệnh theo yêu cầu của Công tố viên. Tòa án xét xử vụ án hình sự sẽ ra lệnh tịch thu tài sản nhằm mục đích thu giữ tài sản.

109. Theo Điều 741 BLTTHS, theo yêu cầu của người có liên quan và thủ tục quy định tại Điều 731 và 734 BLTTHS, một phần của bản án hình sự nước ngoài liên quan đến trách nhiệm dân sự yêu cầu người phạm tội phải bồi thường có thể được thi hành ở Ý.

110. Theo Điều 737-738 của BLTTHS, theo yêu cầu của Tổng Công tố, Tòa phúc thẩm có thể ra lệnh

tịch thu các tài sản bị thu giữ sau khi công nhận phán quyết của nước ngoài về việc thi hành lệnh tịch thu phù hợp với Điều 740 BLTTHS. Việc tịch thu sẽ được thực thi theo luật pháp Ý. Bản án đã được thi hành tại quốc gia tuyên án sẽ được tính phục vụ thi hành án.

111. Theo Điều 240 của Bộ luật Hình sự (BLHS), tòa án có thể ra lệnh tịch thu những tài sản đã được sử dụng hoặc có Ý định sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội hoặc những tài sản cấu thành sản phẩm hoặc lợi nhuận của đối tượng³⁰. Việc tịch thu luôn được tiến hành với những đồ vật cấu thành tội phạm; tài sản, công cụ máy tính, điện tử được sử dụng toàn bộ hoặc một phần để thực hiện tội phạm; tài sản cấu thành lợi nhuận, sản phẩm hoặc số tiền; tài sản hoặc tài sản khác mà người phạm tội có được khi không thể tịch thu lợi nhuận trực tiếp hoặc sản phẩm; những đồ vật mà việc sản xuất, sử dụng, vận chuyển, sở hữu hoặc định đoạt cấu thành tội phạm mặc dù chưa có bản án nào được thông qua.

112. Theo Điều 240 BLHS, trong trường hợp bị kết án hoặc áp dụng hình phạt đối với một số tội danh nhất định, bao gồm tội nhận hối lộ và tham nhũng (Điều 322 BLHS), các tội do thành viên của các hiệp hội kiểu Mafia thực hiện (Điều 416 BLHS), theo yêu cầu của các bên tham gia tố tụng, luôn phải ra lệnh tịch thu tiền, tài sản hoặc tài sản khác mà người bị kết án không thể chứng minh được nguồn gốc và tài sản thuộc sở hữu của hoặc vì bất kỳ lý do nào có thể nằm trong tầm tiếp cận của người bị kết án.

30. Bộ luật Hình sự Ý, 1930, Nghị định Hoàng gia số 1398, ngày 19 tháng 10 năm 1930, UNODC (9 tháng 6 năm 2024) , https://sherloc.unodc.org/cld/document/ita/1930/codice_penale.html

113. Theo Điều 416 BLHS (các hiệp hội kiểu mafia, bao gồm cả các hiệp hội nước ngoài), bất kỳ người nào tham gia một hiệp hội kiểu mafia, gồm ba người trở lên sẽ bị phạt tù từ mười đến mười lăm năm. Hiệp hội được coi là thuộc loại mafia khi thành viên thành lập hiệp hội này nhằm phạm tội, trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền quản lý hoặc trong mọi trường hợp, kiểm soát các hoạt động kinh tế, nhượng quyền, ủy quyền, hợp đồng và dịch vụ công, hoặc để thu được lợi nhuận hoặc lợi thế không công bằng cho bản thân hoặc người khác, hoặc để ngăn chặn hoặc cản trở việc tự do thực hiện quyền bầu cử hoặc để giành được phiếu bầu cho chính mình hoặc người khác trong dịp bầu cử.

114. Nếu các hoạt động kinh tế mà các bên liên quan dự định tiếp quản hoặc duy trì quyền kiểm soát được tài trợ toàn bộ hoặc một phần bằng giá cả, sản phẩm hoặc lợi nhuận của tội phạm thì mức phạt sẽ tăng từ một phần ba lên đến một nửa. Những đồ vật đã được sử dụng hoặc có ý định sử dụng để thực hiện tội phạm, cũng như các sản phẩm hoặc lợi nhuận từ việc sử dụng chúng luôn bị tịch thu bắt buộc từ người phạm tội. Các quy định trên áp dụng đối với các hiệp hội không phụ thuộc vào tên gọi địa phương của các hiệp hội này, kể cả các hiệp hội nước ngoài, có liên quan đến các hiệp hội kiểu mafia.

115. Theo Quyết định của Hội đồng EU, Cảnh sát trưởng Ý đã chỉ định một cơ quan đặc biệt, Cơ quan Hợp tác Cảnh sát Quốc tế, là đầu mối liên lạc duy nhất (“Spoc”) cho các cơ quan thực thi pháp luật (LEA) và Thu hồi Tài sản của Văn phòng (ARO). ARO đã thành

lập một nhóm làm việc nhằm mục đích giải quyết các yêu cầu thu hồi tài sản trên toàn thế giới. “Spoc” là một công cụ để truy tìm và nhận dạng tài sản trong quá trình điều tra xuyên biên giới.

116. Cảnh sát Ý hợp tác với Interpol. Ý là thành viên của Mạng lưới liên cơ quan thu hồi tài sản Camden (CARIN), một mạng lưới không chính thức dành cho các cơ quan thực thi pháp luật và tư pháp nhằm hỗ trợ quá trình truy tìm, phong tỏa, phong tỏa và tịch thu tài sản³¹.

117. Đơn vị thông tin tài chính của Ý (UIF) được thành lập trong Ngân hàng Ý (BoI) vào tháng 1 năm 2008. Theo Điều 6 của Luật Phòng, chống rửa tiền, UIF có tính tự chủ và hoạt động độc lập.

UIF có quyền nhận Báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR), phân tích các luồng tài chính nhằm xác định và ngăn chặn hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố; có thể tạm dừng các giao dịch đáng ngờ trong tối đa năm ngày làm việc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; ban hành tài liệu để đăng trên Công báo của Cộng hòa Ý (Gazzetta Ufficiale della Repubblica Italiana) liên quan đến dữ liệu và thông tin về các giao dịch đáng ngờ; ban hành và cập nhật các chỉ số bất thường định kỳ để công bố trên Công báo của Cộng hòa Ý và trong phần theo dõi trên trang web của tổ chức UIF; tiến hành kiểm tra/kiểm toán, thanh tra và cung cấp báo cáo giao dịch đáng ngờ phối hợp với NSPV của Guardia di Finanza; cung cấp cho Ban Giám đốc Chống Mafia và Chống khủng bố Quốc gia Ý (DNAA) dữ liệu, thông tin và phân tích; thực hiện nghiên cứu và phân tích các bất thường riêng lẻ liên quan

31. CARIN (ngày 9 tháng 6 năm 2024), <https://www.carin.network>

đến rửa tiền và tài trợ cho khủng bố trong các lĩnh vực kinh tế cụ thể có rủi ro cao, các loại công cụ thanh toán, các chiến lược kinh tế và tài chính khu vực tuân theo các nguyên tắc phân tích rủi ro quốc gia do Ủy ban An ninh tài chính ban hành; phát triển và phổ biến các mô hình và dấu hiệu hành vi bất thường về kinh tế và tài chính liên quan đến hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố.

118. Tóm lại, những ưu điểm của khung pháp lý và thủ tục thu hồi tài sản cũng như những thực tiễn tốt nhất trong các vụ việc tham nhũng và kinh tế tại Ý bao gồm:

A. Hệ thống pháp luật toàn diện liên quan đến quá trình thu hồi tài sản, tố tụng tại tòa án và thi hành án, công nhận bản án nước ngoài, tịch thu tài sản do phạm tội mà có, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nạn nhân và bên thứ ba, thủ tục tại Tòa án Thi hành án, bao gồm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật hình sự.

B. Biện pháp phối hợp trong nước: thành lập Đơn vị thông tin tài chính của Ý (UIF) với nhiều chức năng nhằm mục đích chống rửa tiền và chống tham nhũng; Dịch vụ Hợp tác Cảnh sát Quốc tế, một đầu mối liên lạc duy nhất (“Spoc”) dành cho các cơ quan thực thi pháp luật của Ý (LEA) và Văn phòng Thu hồi Tài sản của Ý (ARO).

C. Hợp tác quốc tế: thi hành phán quyết nước ngoài trực tiếp theo thủ tục công nhận tại tòa án Ý, tham gia vào Mạng lưới liên ngành thu hồi tài sản Camden (CARIN)³².

32. Thông tin liên quan có thể được tìm thấy trong chu kỳ đánh giá Báo cáo đánh giá quốc gia 2016-2021 và Tóm tắt đánh giá việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng của Ý, Nhóm đánh giá thực hiện, phiên họp thứ 10, Vienna, 27-29 tháng 5 2019, UNODC, Hồ sơ quốc gia, Ý, Chu kỳ đánh giá 2 (ngày 3 tháng 6 năm 2024), <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/country-profile/index.html>

V. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

119. Dựa trên phân tích hệ thống pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế về thu hồi tài sản theo UNCAC và các thông lệ tốt nhất về thu hồi tài sản cũng như thi hành phán quyết trong các vụ án tham nhũng và kinh tế ở Úc, Trung Quốc và Ý, một số khuyến nghị cho Việt Nam bao gồm:

(1) Bổ sung trong Luật Phòng, chống tham nhũng và Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về thủ tục tịch thu, trả lại tài sản theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, phù hợp với Khoản 3 Điều 57 UNCAC.

(2) Bổ sung vào hệ thống pháp luật dân sự và/hoặc hình sự của Việt Nam quy định về thủ tục trả lại tài sản và lợi tức từ việc sử dụng tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp liên quan đến trách nhiệm dân sự của người có liên quan trong tố tụng hình sự.

(3) Bổ sung vào Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam thủ tục công nhận bản án nước ngoài theo yêu cầu của Tòa án nước ngoài hoặc yêu cầu của Bộ Tư pháp Việt Nam.

(4) Bổ sung các cá nhân có ảnh hưởng chính trị (bao gồm cả công dân Việt Nam) vào phạm vi điều chỉnh của Luật Phòng, chống rửa tiền (AML) của Việt Nam, cũng như áp dụng khái niệm người thân và cộng sự thân thiết (RCA), bao gồm tất cả các thành viên gia đình trực tiếp, bao gồm đối tác chung sống, vợ chồng, cha mẹ, anh chị em và con cái.

(5) Làm rõ định nghĩa về “ngân hàng vỏ bọc” trong Luật Phòng, chống rửa tiền (Khoản 13 Điều 3) bằng cách bổ sung chi tiết vào phạm vi ý nghĩa của thuật ngữ

này (ví dụ về định nghĩa về “ngân hàng vỏ bọc” trong luật của Úc được nêu tại Đoạn 56 của báo cáo này).

(6) Thành lập một trung tâm phòng, chống rửa tiền duy nhất có thể điều phối hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực thi Luật Phòng, chống rửa tiền của Việt Nam, một trung tâm phòng, chống tham nhũng duy nhất để thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng của Việt Nam hoặc một trung tâm phòng, chống rửa tiền và phòng, chống tham nhũng chung cho các mục đích tương tự.

(7) Thực hiện đa dạng các biện pháp và công cụ nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thu thập chứng cứ và truy tìm tài sản, tịch thu và trả lại tài sản, bao gồm cả các khu vực tài phán nước ngoài, chẳng hạn các chương trình phòng, chống rửa tiền, các kế hoạch tịch thu, các hình thức tịch thu, lệnh tịch thu của Tòa án và căn cứ pháp lý để xác định, tạm giữ, tịch thu, hoàn trả tài sản do phạm tội mà có; các công cụ để định vị và phong tỏa tài sản nhanh chóng, hệ thống đặc biệt cho phép cơ quan có thẩm quyền thu thập thông tin liên quan từ ngân hàng một cách kịp thời và phong tỏa tài sản nhanh chóng thông qua các biện pháp hành chính đặc biệt được áp dụng tạm thời khi truy tố hoặc bắt giữ tội phạm theo quyết định của tòa án hoặc công tố viên.

(8) Thực hiện các biện pháp tăng cường phối hợp trong nước, chẳng hạn như thành lập các cơ quan và bộ phận chống tham nhũng đặc biệt trong các cơ quan thực thi pháp luật, Quỹ tài sản tịch thu và Tài khoản tài sản tịch thu để thu hồi tài sản nhân danh Nhà nước Việt Nam, một đầu mối liên hệ duy nhất (“Spoc”) hoặc mạng

lưới địa phương dành cho các cơ quan thực thi pháp luật và thu hồi tài sản quốc gia; nhóm - đơn vị thu hồi tài sản (văn phòng thu hồi tài sản có thể đảm nhận vai trò này) chuyên thu hồi tài sản. Các đơn vị này phải có nguồn lực hợp lý, có kiến thức chuyên môn và đào tạo phù hợp, đồng thời có quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu, sổ đăng ký và thông tin tài chính liên quan để cho phép cán bộ phụ trách xác định, định vị và phong tỏa tài sản, cũng như hợp tác với các cơ quan nước ngoài có nhiệm vụ và quyền hạn tương tự và hỗ trợ kỹ thuật trong việc truy tìm tài sản theo yêu cầu của cơ quan chức năng nước ngoài.

(9) Cải thiện hợp tác quốc tế thông qua việc tham gia vào các nhóm và mạng lưới thu hồi tài sản, tham gia các hiệp định quốc tế song phương và đa phương về thu hồi tài sản. Các thỏa thuận này có thể bao gồm các quy định về tịch thu trực tiếp và trả lại tài sản theo yêu cầu của các Quốc gia thành viên hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp của Quốc gia được yêu cầu trong trường hợp khẩn cấp và các trường hợp khác.

PHỤ LỤC II: QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

QUY TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 442/QĐ-TCTHADS ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục, thời hạn, nhiệm vụ và quyền hạn của công chức, lãnh đạo cơ quan thi hành án dân sự (THADS) liên quan đến thụ lý, tổ chức thi hành án, thẩm tra, duyệt hồ sơ thi hành án đưa vào lưu trữ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với Thủ trưởng cơ quan THADS và người được Thủ trưởng cơ quan THADS ủy quyền (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan THADS), Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Kế toán nghiệp vụ, Thư ký thi hành án, Chuyên viên, Văn thư,

Lưu trữ và công chức khác của cơ quan THADS được phân công nhiệm vụ tổ chức THADS.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật về THADS, quy định pháp luật có liên quan và quy trình này.
2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân.
3. Các trình tự thủ tục tổ chức thi hành án từ khi tiếp nhận bản án, quyết định, yêu cầu thi hành án đến khi kết thúc hồ sơ thi hành án được cập nhật đầy đủ trên cơ sở các tính năng của phần mềm Thụ lý.

CHƯƠNG II.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

MỤC 1. THỤ LÝ, RA QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN

Điều 4. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án chủ động

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS; Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Bộ phận một cửa tiếp nhận, chuyển cho Thẩm tra viên hoặc công chức được phân công (sau đây gọi chung là Thẩm tra viên) kiểm tra, xử lý.

b) Bước 2: Tiếp nhận Bản án, Quyết định

Người được phân công thụ lý khi trực tiếp nhận Bản án, Quyết định do công chức Tòa án, Thừa phát lại hoặc đương sự chuyển giao phải lập biên bản giao nhận có chữ ký của các bên. Trường hợp nhận chuyển giao qua đường Bưu điện, thì dự thảo văn bản thông báo cho Tòa án, Trọng tài thương mại đã chuyển giao.

c) Bước 3: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:

+ Vào Sổ nhận Bản án, Quyết định;

+ Dự thảo Quyết định thi hành án trên phần mềm Quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo Thống kê THADS (gọi tắt là “Phần mềm thụ lý”), xuất tệp dữ liệu;

+ Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;

+ Vào Sổ thụ lý, giao Quyết định thi hành án và tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành;

+ Chuyển Quyết định thi hành án cho Kế toán nghiệp vụ, Sở Tư pháp (đối với Quyết định thi hành án phần dân sự trong các bản án hình sự), Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản đề nghị gửi bổ sung tài liệu có liên quan hoặc văn bản đề nghị giải thích, sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Bản án, Quyết định.

b) Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thực hiện ngay.

c) Đối với Quyết định của Tòa án giải quyết phá sản: 03 ngày làm việc.

Điều 5. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS; Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu thi hành án

Bộ phận một cửa tiếp nhận; viết phiếu nhận đơn hoặc lập biên bản đối với trường hợp yêu cầu trực tiếp bằng lời nói; vào Sổ công văn đến và chuyển cho Thẩm tra viên kiểm tra, xử lý.

b) Bước 2: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:
- + Vào sổ nhận yêu cầu thi hành án;
- + Dự thảo Quyết định thi hành án theo yêu cầu trên phần mềm thụ lý;
- + Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;
- + Vào Sổ thụ lý, giao Quyết định thi hành án và tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công;
- + Chuyển Quyết định thi hành án cho Kế toán nghiệp vụ, Sở Tư pháp (đối với Quyết định thi hành án phần dân sự trong các bản án hình sự), Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) cùng cấp.

- Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo cho người yêu cầu thi hành án lý do từ chối hoặc không tiếp nhận yêu cầu thi hành án (hoặc văn bản hướng dẫn bổ sung tài liệu, văn bản hướng dẫn yêu cầu thi hành án tại cơ quan THADS có thẩm quyền) trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

Điều 6. Thụ lý, ra Quyết định thi hành án trong trường hợp nhận ủy thác

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng cơ quan THADS, Thẩm tra viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công thụ lý thi hành án.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ ủy thác thi hành án

Bộ phận một cửa tiếp nhận, chuyển người được phân công thụ lý nhập trên Phần mềm Thụ lý.

b) Bước 2: Kiểm tra điều kiện, ra Quyết định thi hành án

- Trường hợp đủ điều kiện:
- + Vào Sổ nhận hồ sơ ủy thác;
- + Dự thảo Quyết định thi hành án trên Phần mềm Thụ lý, xuất tệp dữ liệu;
- + Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký ban hành Quyết định thi hành án và văn bản thông báo cho cơ quan đã ủy thác việc đã nhận hồ sơ ủy thác;

+ Vào Sổ thụ lý;

+ Giao quyết định thi hành án, tài liệu kèm theo cho Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành.

- Trường hợp không đủ điều kiện nhận ủy thác thi hành án: Dự thảo văn bản thông báo cho cơ quan THADS đã ủy thác lý do từ chối không tiếp nhận trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác.

b) Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra quyết định thi hành án ngay.

MỤC 2. TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Điều 7. Lập hồ sơ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Nhận Quyết định thi hành án và các tài liệu kèm theo.

b) Bước 2: Ghi chép Bìa hồ sơ, lưu biên lai và hồ sơ nhập kho vật chứng (nếu có).

c) Bước 3: Cập nhật đầy đủ và đánh bút lục các tài liệu từ khi thụ lý cho đến khi tổ chức thi hành xong vụ việc vào Bảng Danh mục tài liệu.

3. Thời hạn thực hiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án cho đến khi hồ sơ được đưa vào lưu trữ.

Điều 8. Thông báo Quyết định và các văn bản về thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên hoặc Thư ký, Chuyên viên và công chức được phân công.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định người cần thông báo, địa chỉ thực hiện việc thông báo, hình thức thông báo.

b) Bước 2: Thực hiện việc thông báo

- Đối với hình thức thông báo trực tiếp:

+ Giao trực tiếp văn bản cho người cần thông báo hoặc giao cho một trong số những người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người cần thông báo (nếu người cần thông báo vắng mặt);

+ Lập biên bản về việc giao nhận, thông báo về thi hành án, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người nhận thông báo;

+ Trường hợp người được thông báo từ chối nhận thông báo: Lập biên bản, có chữ ký của người chứng kiến.

- Đối với hình thức niêm yết công khai:

+ Lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo, có chữ ký của người chứng kiến;

+ Lập biên bản niêm yết công khai tại Trụ sở cơ quan THADS, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo.

- Đối với hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

+ Trường hợp xác định đương sự đang có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú: Thông báo trên báo ngày trong 02 số liên tiếp hoặc trên Đài phát thanh, Đài truyền hình cấp tỉnh 02 lần trong 02 ngày liên tiếp;

+ Trường hợp xác định đương sự không có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú: Thông báo trên báo ngày trong 02 số liên tiếp hoặc trên Đài phát thanh, Đài truyền hình trung ương 02 lần trong 02 ngày liên tiếp.

Lưu ý:

- Trường hợp người được thông báo yêu cầu được nhận thông báo bằng điện tín, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác thì việc thông báo trực tiếp có thể được thực hiện theo hình thức đó nếu không gây trở ngại cho cơ quan THADS.

- Trường hợp do đường sá xa xôi, giao thông không thuận tiện; người được thông báo có nhiều địa chỉ, nơi ở không cố định, thường vắng mặt ở nhà vào giờ hành chính; đương sự đang bị giam, tạm giam; người được thi hành án chưa yêu cầu thi hành án quy định tại

khoản 1 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ; các trường hợp khác mà việc thông báo trực tiếp có khó khăn thì thông báo qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm.

- Thông báo đối với người đang bị giam, tạm giam: Giám thị trại giam, tạm giam có trách nhiệm giao văn bản thông báo cho người được thông báo.

- Trường hợp có ủy quyền: Việc thông báo được thực hiện đối với người được ủy quyền.

c) Bước 3: Lưu kết quả thông báo vào hồ sơ thi hành án.

3. Thời hạn thực hiện

a) 03 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản.

b) Trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án: Thực hiện ngay.

Điều 9. Xác minh điều kiện thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định nội dung và hình thức xác minh; địa điểm, tổ chức và cá nhân phối hợp xác minh.

b) Bước 2: Thực hiện việc xác minh

- Đối với hình thức xác minh trực tiếp:

+ Yêu cầu người phải thi hành án tự kê khai thông tin về điều kiện thi hành án (nếu làm việc trực tiếp với người phải thi hành án);

+ Lập biên bản xác minh điều kiện thi hành án có xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi tiến hành xác minh (có thể yêu cầu cơ quan chuyên môn hoặc mời, thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung trong trường hợp cần thiết).

- Đối với hình thức xác minh bằng văn bản:

+ Dự thảo văn bản đề nghị xác minh, nêu rõ thời hạn cung cấp thông tin;

+ Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp thông tin.

- Đối với hình thức ủy quyền xác minh:

+ Dự thảo văn bản ủy quyền xác minh trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành;

+ Gửi văn bản ủy quyền cho cơ quan THADS có thẩm quyền tiến hành xác minh (văn bản nêu rõ nội dung ủy quyền và các thông tin cần thiết khác), gửi kèm theo bản sao các tài liệu có liên quan.

c) Bước 3: Xử lý kết quả xác minh

- Tiếp tục xác minh làm rõ thông tin khi kết quả xác minh chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành các quyết định hoặc văn bản về thi hành án theo thẩm quyền như: Quyết định chưa có điều kiện thi hành án, Quyết định hoãn thi hành án, Quyết định đình chỉ thi hành án, Quyết định ủy thác thi hành án, Quyết định ủy thác xử lý

tài sản, văn bản đề nghị giải thích hoặc xem xét lại bản án...(nếu có căn cứ);

- Áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế, xét miễn giảm thi hành án (nếu có căn cứ).

d) Bước 4: Xác minh định kỳ

- Thời hạn xác minh định kỳ: Ít nhất 6 tháng một lần.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án: Ít nhất 01 năm một lần;

- Thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh: Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án.

- Xử lý kết quả xác minh định kỳ:

+ Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại;

+ Lập Phiếu đề xuất trình Thủ trưởng cơ quan THADS quyết định chuyển sổ theo dõi riêng khi có đủ điều kiện theo quy định;

+ Thực hiện xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án khi có căn cứ theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật THADS.

e) Bước 5: Xác minh bổ sung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

3. Thời hạn xác minh

a) Xác minh lần đầu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành.

b) Xác minh ngay đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

c) Xác minh trong thời hạn tự nguyện thi hành án nếu cần thiết để làm căn cứ ban hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm theo quy định.

d) Trường hợp có kháng nghị của VKSND về kết quả xác minh hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và đương sự khác nhau: Xác minh lại trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của VKSND.

Điều 10. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp)

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ xác định việc chưa có điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 44a Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

Lưu ý: Trường hợp chưa xác định được địa chỉ và tài sản của người phải thi hành án hoặc chưa xác định được

địa chỉ của người phải thi hành án mà theo bản án, quyết định họ phải tự mình thực hiện nghĩa vụ thì Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án phải ghi rõ việc thi hành án bị hoãn theo điểm b khoản 1 Điều 48 Luật THADS.

c) Bước 3: Công khai thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành

- Lập danh sách trình Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục THADS và tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS; gửi danh sách cho UBND cấp xã nơi xác minh để niêm yết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án.

- Báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS bổ sung, sửa đổi thông tin và công khai nội dung thay đổi về tên, địa chỉ, nghĩa vụ và điều kiện thi hành án của người phải thi hành án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

- Báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS chấm dứt việc công khai thông tin khi có quyết định đình chỉ thi hành án hoặc có văn bản xác nhận việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

- Gửi quyết định đình chỉ thi hành án hoặc văn bản xác nhận việc người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án để UBND cấp xã chấm dứt niêm yết công khai.

Điều 11. Chuyển sổ theo dõi riêng

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp)

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ theo Khoản 5 Điều 9 Nghị định 62/2015/NĐ-CP, lập phiếu đề xuất trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký duyệt.

b) Bước 2: Chuyển bộ phận văn phòng vào Sổ theo dõi riêng.

c) Bước 3: Cập nhật nội dung thay đổi (người phải thi hành án có điều kiện thi hành án trở lại, xét miễn giảm thi hành án...) vào Sổ theo dõi riêng khi có căn cứ.

3. Thời hạn thực hiện: 3 ngày làm việc, kể từ khi có đủ điều kiện.

Điều 12. Hoãn thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ hoãn thi hành án theo Khoản 1 Điều 48 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi căn cứ hoãn thi hành không còn, hết thời hạn hoãn thi hành án theo yêu cầu của người có thẩm quyền, hoặc khi nhận được văn bản trả lời của người có thẩm quyền kháng nghị về việc không có căn cứ kháng nghị.

d) Bước 4: Thông báo Quyết định hoãn thi hành án, Quyết định tiếp tục thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi cho VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ hoãn thi hành án.

b) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít nhất 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế thi hành án đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế: Thủ trưởng cơ quan THADS ra ngay quyết định hoãn thi hành án.

c) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị ít hơn 24 giờ trước thời điểm cưỡng chế thi hành án đã được ấn định trong quyết định cưỡng chế: Thủ trưởng cơ quan THADS có quyền quyết định hoãn thi hành án khi xét thấy cần thiết.

d) Trường hợp nhận được yêu cầu hoãn của người có thẩm quyền mà vụ việc đã được thi hành một phần hoặc đã được thi hành xong: Gửi văn bản thông báo ngay cho người yêu cầu hoãn thi hành án.

Điều 13. Tạm đình chỉ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ tạm đình chỉ thi hành án theo Khoản 1, 2 Điều 49 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định tạm đình chỉ thi hành án (hoặc thông báo tạm đình chỉ thi hành án) trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành khi có căn cứ tại Khoản 3 Điều 49 Luật THADS.

d) Bước 4: Thông báo Quyết định tạm đình chỉ thi hành án (Thông báo tạm đình chỉ thi hành án), Quyết định tiếp tục thi hành án, cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện

a) 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

b) Trường hợp nhận được Quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm mà bản án đã được thi hành một phần hoặc toàn bộ: Thông báo ngay bằng văn bản cho người đã kháng nghị.

Điều 14. Đình chỉ thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ đình chỉ thi hành án theo Khoản 1 Điều 50 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định đình chỉ thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Thông báo Quyết định đình chỉ thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

3. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ.

Điều 15. Ủy thác thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ ủy thác thi hành án theo Khoản 1 Điều 55 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có), Quyết định ủy thác thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Gửi hồ sơ ủy thác cho cơ quan THADS nơi nhận ủy thác

Hồ sơ ủy thác thi hành án bao gồm: Quyết định ủy thác thi hành án; Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có); Quyết định thi hành án (nếu có); Bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định trong trường hợp ủy thác cho nhiều nơi, ủy thác theo điểm b khoản 1 Điều 55 Luật THADS; bản sao biên bản kê biên, tạm giữ tài sản và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

d) Bước 4: Thông báo Quyết định thu hồi quyết định thi hành án (nếu có), Quyết định ủy thác thi hành án cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi VKSND cùng cấp.

e) Bước 5: Thủ trưởng cơ quan THADS nhận ủy thác kiểm tra điều kiện nhận ủy thác, ra quyết định thi hành án.

- Trường hợp quyết định ủy thác có sự nhầm lẫn, sai sót về nội dung hoặc thẩm quyền của cơ quan THADS nhận ủy thác: Gửi trả hồ sơ ủy thác.

- Trường hợp đủ điều kiện nhận ủy thác:

+ Ra Quyết định thi hành án trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận ủy thác;

+ Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra ngay quyết định thi hành án;

+ Gửi thông báo nhận ủy thác cho cơ quan THADS đã ủy thác.

3. Thời hạn thực hiện ủy thác

a) 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định có căn cứ ủy thác.

b) Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ra quyết định ủy thác trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có căn cứ ủy thác.

Điều 16. Ủy thác xử lý tài sản

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký quyết định (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định căn cứ ủy thác xử lý tài sản theo Khoản 2 Điều 55 Luật THADS.

b) Bước 2: Dự thảo văn bản ủy quyền cho cơ quan THADS nơi có tài sản thực hiện việc xác minh đối với tài sản dự kiến sẽ ủy thác trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành (nếu cần thiết).

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định ủy thác xử lý tài sản trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

d) Bước 4: Gửi hồ sơ ủy thác cho cơ quan THADS nơi nhận ủy thác

Hồ sơ ủy thác xử lý tài sản bao gồm: Quyết định ủy thác xử lý tài sản; bản sao bản án, quyết định; quyết định thi hành án và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

e) Bước 5: Thông báo Quyết định ủy thác xử lý tài sản cho đương sự, tổ chức cá nhân có liên quan và gửi cho VKSND cùng cấp.

g) Bước 6: Liên hệ, phối hợp giữa cơ quan THADS ủy thác với cơ quan THADS nhận ủy thác trong quá trình xử lý tài sản ủy thác

- Đối với cơ quan THADS ủy thác:

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác để tạm dừng việc xử lý các tài sản còn lại nếu xác định việc xử lý một hoặc một số tài sản đủ để thanh toán nghĩa vụ của người phải thi hành án và các chi phí liên quan (trên cơ sở kết quả thẩm định giá, bán đấu giá tài sản do các cơ quan THADS nhận ủy thác cung cấp);

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác để tạm dừng việc xử lý các tài sản ủy thác trong trường hợp có quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành án;

+ Thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS nhận ủy thác về việc chấm dứt việc xử lý tài sản trong trường hợp đã thu đủ số tiền thi hành án và các chi phí liên quan hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án. Khi thanh toán tiền thi hành án, cơ quan THADS đã ủy thác phải thanh toán các chi phí thi hành án phát sinh trước thời điểm chấm dứt việc xử lý tài sản cho cơ quan THADS nhận ủy thác theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 của Luật THADS;

+ Tiếp nhận số tiền thi hành án thu được do cơ quan THADS nhận ủy thác gửi và thực hiện việc chi trả tiền thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật THADS.

- Đối với cơ quan THADS nhận ủy thác:

+ Thủ trưởng cơ quan THADS nhận ủy thác ra quyết định xử lý tài sản ủy thác, phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành và thông báo bằng văn bản cho cơ quan THADS đã ủy thác trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác xử lý tài sản;

+ Chấp hành viên căn cứ quyết định thi hành án, kết quả tổ chức thi hành án của cơ quan THADS đã ủy thác và quyết định xử lý tài sản ủy thác để tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục xử lý tài sản theo quy định của Luật THADS;

+ Thông báo ngay bằng văn bản kết quả thẩm định giá, thời điểm bán đấu giá, kết quả xử lý tài sản cho cơ quan THADS đã ủy thác, kèm theo bản sao các tài liệu có liên quan;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá hoặc người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, cơ quan THADS nhận ủy thác xử lý tài sản chuyển số

tiền thu được cho cơ quan THADS đã ủy thác, sau khi trừ chi phí thi hành án, đồng thời, thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan THADS đã ủy thác;

+ Thực hiện ngay việc ra quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt xử lý tài sản theo yêu cầu của cơ quan THADS đã ủy thác.

- Việc thông báo giữa cơ quan THADS ủy thác và nhận ủy thác được thực hiện bằng văn bản sử dụng chữ ký số. Đối với các văn bản theo quy định pháp luật phải là văn bản giấy thì đồng thời gửi bản giấy qua đường bưu điện, các cơ quan THADS có trách nhiệm gửi 01 bản chụp vào địa chỉ thư điện tử của cơ quan THADS phối hợp và địa chỉ email của Chấp hành viên phụ trách hồ sơ; Các Chấp hành viên phải thường xuyên chủ động phối hợp, cung cấp thông tin cho nhau qua điện thoại để kịp thời xử lý khi cần thiết.

Điều 17. Miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Kiểm tra, xác định điều kiện xét miễn giảm thi hành án theo Điều 61 LTHADS, Điều 4 và Điều 5 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC. Trường hợp người phải thi hành án có Đơn đề nghị xét miễn giảm nhưng không đủ điều kiện xét miễn, giảm: Gửi văn bản thông báo cho người phải thi hành án đã có đơn đề nghị biết, nêu rõ lý do.

b) Bước 2: Xác minh điều kiện để xét miễn giảm thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có điều kiện xét miễn giảm theo Điều 5 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC. Trường hợp người phải thi hành án có Đơn đề nghị xét miễn giảm hoặc VKSND cùng cấp yêu cầu lập hồ sơ đề nghị xét miễn giảm mà kết quả xác minh người phải thi hành án không đủ điều kiện: Gửi văn bản thông báo cho người phải thi hành án hoặc VKSND cùng cấp đã yêu cầu lập hồ sơ đề nghị xét miễn giảm biết, nêu rõ lý do trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

c) Bước 3: Dự thảo văn bản đề nghị xét miễn giảm thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

d) Bước 4: Gửi hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án gửi VKSND cùng cấp vào tuần đầu của mỗi tháng. Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 62 Luật THADS và Điều 6 Thông tư liên tịch 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC.

e) Bước 5: Chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét miễn, giảm sau khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của VKSND cùng cấp (trừ trường hợp xét miễn khoản tiền phạt theo quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật THADS, xét giảm việc chấp hành tiền phạt còn lại đối với người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Hình sự do VKSND cùng cấp chuyển).

g) Bước 6: Tham gia phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

h) Bước 7: Dự thảo Quyết định đình chỉ thi hành án khi có quyết định có hiệu lực của Tòa án về việc miễn thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

e) Bước 8: Thông báo Quyết định đình chỉ thi hành án cho người phải thi hành án và gửi cho VKSND cùng cấp.

Điều 18. Yêu cầu Tòa án giải thích Bản án, Quyết định

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ yêu cầu Tòa án giải thích theo Điều 486 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 179 Luật THADS, Điều 9 Thông tư số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC.

b) Bước 2: Dự thảo văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải thích bản án, quyết định trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 48 Luật THADS trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

d) Bước 4: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 5 ngày làm việc nếu hết thời hạn mà không nhận được văn bản trả lời hoặc nhận được văn bản trả lời theo nội dung Bản án, Quyết định đã ban hành.

e) Bước 5: Ra quyết định thi hành án, quyết định thu hồi hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án đã ban hành trên cơ sở nội dung văn bản trả lời của

Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời.

Điều 19. Kiến nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan THADS ký văn bản đề nghị (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (khoản 1 Điều 326, Điều 327 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015) hoặc căn cứ kháng nghị thủ tục theo tái thẩm (khoản Điều 352, 353 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 398 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015).

b) Bước 2: Dự thảo văn bản đề nghị người có thẩm quyền xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có căn cứ.

c) Bước 3: Dự thảo Quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại điểm đ khoản 1, Điều 48 Luật THADS trình Thủ trưởng cơ quan ký, ban hành.

d) Bước 4: Dự thảo văn bản thông báo cho Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND có thẩm quyền về việc không nhận được văn bản trả lời nếu hết thời hạn 03 tháng (trường hợp vụ việc phức tạp thì không quá 04 tháng) kể từ ngày có căn cứ xác định người có thẩm quyền đã nhận được kiến nghị mà không có văn bản trả lời trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành.

e) Bước 5: Dự thảo Quyết định tiếp tục thi hành án trình Thủ trưởng cơ quan THADS ký, ban hành trong trường hợp hết thời hạn mà không nhận được văn bản trả lời hoặc chưa hết thời hạn quy định mà nhận được văn bản trả lời của người có thẩm quyền về việc không có cơ sở chấp nhận kiến nghị, không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 20. Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên (Thư ký, chuyên viên và công chức khác có trách nhiệm phối hợp).

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định điều kiện, căn cứ áp dụng biện pháp bảo đảm.

b) Bước 2: Ban hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp bảo đảm mà chưa ban hành được Quyết định thì Chấp hành viên lập biên bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản phải ban hành Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm; biên bản và quyết định phải được gửi ngay cho VKSND cùng cấp.

c) Bước 3: Thông báo quyết định cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp các giấy tờ, tài liệu cần thiết để chứng minh quyền sở hữu, sử dụng; thông báo cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quyền khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ. Trường hợp cần thiết, Chấp hành viên phải tiến hành

xác minh làm rõ hoặc yêu cầu Tòa án, cơ quan có thẩm quyền xác định người có quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, giấy tờ tạm giữ; yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản theo quy định.

d) Bước 4: Xử lý quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm

- Trường hợp áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ: Ra quyết định cưỡng chế hoặc quyết định chấm dứt việc phong tỏa (nếu có căn cứ) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản.

- Trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ tài sản, giấy tờ của đương sự:

+ Áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án;

+ Ra quyết định trả lại giấy tờ, tài sản nếu có căn cứ xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án hoặc người phải thi hành án đã thi hành xong nghĩa vụ của mình.

- Trường hợp áp dụng biện pháp tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản:

+ Áp dụng biện pháp cưỡng chế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án;

+ Ra quyết định chấm dứt việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản nếu có căn cứ xác định tài sản không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án.

Điều 21. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án

1. Người chịu trách nhiệm thực hiện: Chấp hành viên chịu trách nhiệm chính; Thư ký, chuyên viên, công chức khác và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp.

2. Các bước thực hiện

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định cưỡng chế.

c) Bước 3: Dự trù chi phí cưỡng chế trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt.

d) Bước 4: Tổ chức họp bàn thống nhất việc tổ chức cưỡng chế (nếu cần thiết).

e) Bước 5: Lập kế hoạch cưỡng chế, trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt theo Điều 72 Luật THADS (nếu cần huy động lực lượng).

g) Bước 6: Gửi Kế hoạch cưỡng chế cho cơ quan Công an cùng cấp đề nghị xây dựng phương án bảo vệ cưỡng chế theo quy định; VKSND cùng cấp, UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án.

h) Bước 7: Báo cáo Ban chỉ đạo THADS cùng cấp để chỉ đạo các cơ quan, ban ngành thống nhất phối hợp đối với những vụ việc cưỡng chế đặc biệt phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, an toàn xã hội tại địa phương.

i) Bước 8: Ra Thông báo cưỡng chế thi hành án.

k) Bước 9: Gửi Giấy mời tham gia cưỡng chế cho các thành phần tham gia cưỡng chế.

l) Bước 10: Tổ chức cưỡng chế: công bố quyết định cưỡng chế; thực hiện nội dung cưỡng chế theo kế hoạch; lập biên bản cưỡng chế thi hành án và các biên bản cần thiết khác.

3. Tùy theo mỗi biện pháp cưỡng chế thi hành án, Chấp hành viên thực hiện các bước phù hợp theo Quy trình chung nêu trên hoặc theo quy định riêng tương ứng với mỗi biện pháp cưỡng chế thi hành án.

Điều 22. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

1. Các bước thực hiện biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản.

b) Bước 2: Ra quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải thi hành án. Quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản phải ghi rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

Lưu ý:

- Số tiền khấu trừ không được vượt quá nghĩa vụ thi hành án và chi phí cưỡng chế; số tiền khấu trừ được chuyển vào tài khoản cơ quan THADS hoặc chuyển cho người được thi hành án.

- Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế có mở tài khoản tiền gửi tại nhiều Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng khác thì Chấp hành viên căn cứ số dư tài khoản để quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản đối với một hoặc nhiều tài khoản để đảm bảo thu đủ tiền phải thi hành án và chi phí cưỡng chế thi hành án (nếu có).

c) Bước 3: Gửi quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền trong tài khoản cho cơ quan, tổ chức đang quản lý tài khoản; VKSND cùng cấp; thông báo cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

2. Các bước thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

b) Bước 2: Ra quyết định cưỡng chế

- Trường hợp người phải thi hành án có thu nhập từ hoạt động kinh doanh thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án. Khi thu tiền Chấp hành viên phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải thi hành án và gia đình.

- Trường hợp phát hiện người phải thi hành án đang giữ tiền mà có căn cứ xác định khoản tiền đó là của người phải thi hành án thì ra quyết định thu tiền để thi hành án.

- Trường hợp phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải thi hành án hoặc đang phải trả tiền, tài sản cho người phải thi hành án mà khoản tiền, tài sản đó đã được xác định bằng bản án, quyết định của Tòa án đang có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên ra quyết định thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ.

- Trường hợp phát hiện người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân đang giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án thì Chấp hành viên ra quyết định thu giữ giấy tờ có giá đó.

c) Bước 3: Xử lý tiền, giấy tờ có giá

- Trường hợp thu tiền: Chấp hành viên lập biên bản thu tiền, cấp biên lai thu tiền cho người phải thi hành án hoặc người thứ ba đang giữ tiền (trường hợp này phải thông báo cho người phải thi hành án), trường hợp người phải thi hành án hoặc người thứ ba đang giữ tiền không ký vào biên bản thì phải có chữ ký của người làm chứng.

- Trường hợp thu giữ giấy tờ có giá: Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân giữ giấy tờ có giá chuyển giao giấy tờ đó cho cơ quan THADS, trường hợp không thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chuyển giao giá trị của giấy tờ đó để thi hành án. Việc bán giấy tờ có giá được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

a) Bước 1: Kiểm tra căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án theo Khoản 2 Điều 78 Luật THADS.

b) Bước 2: Ban hành Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án. Mức khấu trừ thu nhập căn cứ Khoản 3 Điều 78 Luật THADS.

c) Bước 3: Gửi Quyết định trừ vào thu nhập của người phải thi hành án cho cơ quan, tổ chức, người sử dụng lao động, Bảo hiểm xã hội nơi người phải thi hành án nhận thu nhập và yêu cầu thực hiện theo quyết định cưỡng chế; gửi quyết định cho VKSND cùng cấp; thông báo quyết định cho các bên đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có).

Điều 24. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ

Các bước thực hiện theo quy trình chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án. Chú ý một số lưu ý khi thực hiện:

1. Đối với kê biên tài sản chung

a) Chỉ kê biên, xử lý đối với tài sản chung là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi các tài sản khác không đủ để thi hành án hoặc khi người phải thi hành án tự nguyện đề nghị kê biên tài sản cụ thể trong số nhiều tài sản mà không gây trở ngại cho việc thi hành án và tài sản đó đủ để thi hành án, các chi phí liên quan (trường hợp này Chấp hành viên lập biên bản giải thích cho họ về việc phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản đó và bị hạn chế quyền thực hiện giao dịch đối với các tài sản khác cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án).

b) Trường hợp đã xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung thì thực hiện theo khoản 2 Điều 74 Luật THADS.

c) Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án: Thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 Luật THADS hoặc thỏa

thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

d) Chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản thuộc sở hữu chung theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật THADS.

2. Trường hợp kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm

a) Trước khi kê biên

- Chấp hành viên yêu cầu cơ quan có chức năng đăng ký tài sản, giao dịch cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký.

- Chấp hành viên phối hợp với cơ quan quản lý đất đai (trường hợp cần thiết thuê cơ quan chuyên môn) tiến hành xác minh, đo đạc, xác định mốc giới, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có) hoặc hồ sơ đất; Phối hợp làm rõ diện tích đất thiếu hoặc thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng, nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất thừa...

Trường hợp cần thiết, có thể thực hiện xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở - xây dựng; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai thu hồi; trung tâm phát triển quỹ đất; cơ quan thuế... hoặc tại các cơ quan tổ chức khác có liên quan.

b) Sau khi kê biên: Thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm để phối hợp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 178 Luật THADS.

3. Kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp

a) Chỉ kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp trong trường hợp có đủ các điều kiện:

- Người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án;

- Giá trị của tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án;

- Tài sản đang cầm cố, thế chấp thuộc trường hợp được kê biên để thi hành án theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số: 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

b) Khi kê biên: Thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp.

c) Khi xử lý tài sản kê biên: Người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật THADS.

d) Trường hợp giá của tài sản sau khi giảm giá không lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án: Ra ngay quyết định thu hồi quyết định cưỡng chế, kê biên, xử lý tài sản theo quy định tại điểm

c khoản 1 Điều 37 Luật THADS; gửi văn bản cho người nhận cầm cố, thế chấp biết nghĩa vụ của người phải thi hành án và yêu cầu khi thanh toán hết nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc khi xử lý tài sản cầm cố, thế chấp phải thông báo cho cơ quan THADS biết, giữ lại sổ tiền còn lại (nếu có) để cơ quan THADS giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Kê biên tài sản của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ mà người thứ ba không tự nguyện giao tài sản thì cưỡng chế buộc họ phải giao tài sản để thi hành án. Trường hợp tài sản kê biên đang cho thuê thì người thuê được tiếp tục thuê theo hợp đồng đã giao kết.

5. Kê biên vốn góp

a) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức nơi người phải thi hành án có vốn góp cung cấp thông tin về phần vốn góp của người phải thi hành án để kê biên phần vốn góp đó.

b) Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định phần vốn góp của người phải thi hành án; trưng cầu tổ chức, cá nhân có chuyên môn xác định phần giá trị vốn góp của người phải thi hành án để cưỡng chế thi hành án.

c) Đường sự có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần vốn góp của người phải thi hành án.

6. Kê biên đồ vật bị khóa, đóng gói

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý đồ vật mở khoá, mở gói; nếu họ không mở hoặc cố tình vắng mặt thì Chấp hành viên tự mình hoặc có thể thuê cá nhân, tổ chức khác mở khoá, phá khoá hoặc mở gói.

b) Trường hợp cần thiết, sau khi mở khoá, phá khoá, mở gói, Chấp hành viên niêm phong đồ vật và giao bảo quản theo quy định tại Điều 58 Luật THADS.

c) Các biên bản mở khoá, phá khoá, mở gói hoặc niêm phong phải có chữ ký của những người tham gia và người làm chứng.

7. Kê biên phương tiện giao thông

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng phương tiện giao thông phải giao giấy đăng ký phương tiện đó khi kê biên.

b) Trường hợp phương tiện giao thông đang được khai thác sử dụng thì sau khi kê biên Chấp hành viên thu giữ hoặc giao cho người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng tiếp tục khai thác sử dụng, bảo quản nhưng không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp.

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấm chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho thuê hoặc hạn chế giao thông đối với phương tiện bị kê biên trong trường hợp cần thiết.

d) Việc kê biên đối với tàu bay, tàu biển để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về bắt giữ tàu bay, tàu biển (Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Pháp lệnh số 11/2010/UBTVQH12...).

8. Kê biên hoa lợi là lương thực, thực phẩm thì khi kê biên, phải để lại một phần để người phải thi hành án và gia đình họ sinh sống theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 87 Luật THADS.

9. Kê biên tài sản gắn liền với đất: Khi kê biên tài sản là công trình xây dựng gắn liền với đất phải kê biên cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quyền sử dụng

đất không được kê biên theo quy định của pháp luật hoặc việc tách rời tài sản kê biên và đất không làm giảm đáng kể giá trị tài sản đó.

10. Kê biên nhà ở

a) Chỉ kê biên nhà ở là nơi ở duy nhất của người phải thi hành án và gia đình sau khi xác định người đó không có các tài sản khác hoặc có nhưng không đủ để thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án đồng ý kê biên nhà ở để thi hành án.

b) Khi kê biên nhà ở phải kê biên cả quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng của người khác và người có quyền sử dụng đất đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở và quyền sử dụng đất để thi hành án; trường hợp nhà ở gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng đất của người khác và người có quyền sử dụng đất không đồng ý thì chỉ kê biên nhà ở của người phải thi hành án, nếu việc tách rời nhà ở và đất không làm giảm đáng kể giá trị căn nhà.

c) Kê biên nhà ở của người phải thi hành án đang cho thuê, cho ở nhờ: Thông báo ngay cho người đang thuê, đang ở nhờ biết. Trường hợp tài sản kê biên là nhà ở, cửa hàng đang cho thuê được bán đấu giá mà thời hạn thuê hoặc thời hạn lưu cư vẫn còn thì người thuê có quyền tiếp tục được thuê hoặc lưu cư theo quy định của Bộ luật dân sự.

d) Việc kê biên nhà ở bị khoá được thực hiện theo quy định về kê biên đồ vật bị khoá, đóng gói tại Điều 93 Luật THADS.

11. Kê biên quyền sử dụng đất

a) Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp giấy tờ đó cho cơ quan THADS.

b) Khi kê biên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án có tài sản gắn liền với đất:

- Nếu tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án thì kê biên cả quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;

- Nếu tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của người khác thì chỉ kê biên quyền sử dụng đất và thông báo cho người có tài sản gắn liền với đất.

Điều 25. Cưỡng chế khai thác tài sản của người phải thi hành án

1. Các trường hợp cưỡng chế

a) Tài sản của người phải thi hành án có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để thi hành án.

b) Người được thi hành án đồng ý cưỡng chế khai thác tài sản để thi hành án nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

2. Trình tự thực hiện: Theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Lưu ý:

- Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản ghi rõ hình thức khai thác; số tiền, thời hạn, thời điểm, địa điểm, phương thức nộp tiền cho cơ quan THADS để thi hành án.

- Các hình thức khai thác tài sản

+ Người phải thi hành án đang trực tiếp khai thác tài sản hoặc cho người khác khai thác thì được tiếp tục khai thác tài sản;

+ Trường hợp tài sản (bao gồm cả quyền sử dụng đất) mà chưa khai thác thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án ký hợp đồng khai thác tài sản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác tài sản. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu mà người phải thi hành án không ký hợp đồng khai thác với người khác thì Chấp hành viên kê biên, xử lý tài sản đó để thi hành án.

- Gửi ngay Quyết định cưỡng chế khai thác tài sản cho cơ quan có thẩm quyền quản lý, đăng ký đối với tài sản đó và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản.

- Việc thực hiện giao dịch, chuyển giao quyền sở hữu tài sản đối với tài sản đang khai thác phải được sự đồng ý của chấp hành viên.

3. Xử lý quyết định cưỡng chế khai thác tài sản

a) Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản, tiếp tục kê biên và xử lý tài sản đó để thi hành án trong trường hợp:

- Việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở thi hành án;

- Người phải thi hành án, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của Chấp hành viên về việc khai thác.

b) Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản, quyết định giải toả việc cưỡng chế khai thác tài sản (trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt việc cưỡng chế

khai thác tài sản) và trả lại tài sản cho người phải thi hành án trong trường hợp:

- Người phải thi hành án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án và các chi phí về thi hành án;
- Có quyết định đình chỉ thi hành án.

Điều 26. Cường chế buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ

1. Cường chế trả vật

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế. Lưu ý:

- Tiến hành xác minh làm rõ người phải thi hành án hay người khác đang quản lý, sử dụng vật phải trả. Trường hợp người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng vật phải trả có thể tẩu tán, hủy hoại vật đó thì Chấp hành viên có quyền áp dụng ngay biện pháp bảo đảm thi hành án quy định tại Điều 68 của Luật THADS.

- Đối với vật đặc định

+ Yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý, sử dụng trả vật. Nếu người đó không thi hành thì Chấp hành viên thu hồi vật để trả cho người được thi hành án.

+ Trường hợp vật phải trả giảm giá trị mà người được thi hành án không đồng ý nhận thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thỏa thuận việc thi hành án và thực hiện theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên cưỡng chế trả vật cho người được thi hành án, giải thích cho đương sự có quyền khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả bị giảm giá trị;

+ Trường hợp vật không còn hoặc bị hư hỏng đến mức không sử dụng được mà đương sự có thỏa thuận khác về việc thi hành án thì Chấp hành viên thi hành theo thỏa thuận.

Trường hợp đương sự không thỏa thuận được thì Chấp hành viên trình Thủ trưởng cơ quan ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 44a Luật THADS, thông báo cho đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thiệt hại do vật phải trả không còn hoặc hư hỏng đến mức không sử dụng được.

- Đối với vật cùng loại: Trường hợp vật phải trả không còn hoặc hư hỏng, giảm giá trị thì Chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án trả vật cùng loại hoặc thanh toán giá trị của vật cùng loại, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác.

2. Cường chế trả nhà, giao nhà

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế. Lưu ý:

- Chấp hành viên buộc người phải thi hành án và những người khác có mặt trong nhà ra khỏi nhà, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra khỏi nhà; nếu không tự nguyện thực hiện thì Chấp hành viên yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nhà.

Trường hợp họ từ chối nhận tài sản, Chấp hành viên phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan

THADS và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày thông báo theo quy định mà người có tài sản bảo quản không đến nhận, Chấp hành viên tiến hành xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật THADS, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Trường hợp người phải thi hành án cố tình vắng mặt mặc dù đã được thông báo quyết định cưỡng chế thì Chấp hành viên vẫn thực hiện việc cưỡng chế theo quy định.

- Trường hợp cưỡng chế giao nhà là nhà ở duy nhất của người phải thi hành án cho người mua được tài sản bán đấu giá, nếu xét thấy sau khi thanh toán các khoản nghĩa vụ thi hành án mà người phải thi hành án không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được thi hành án, Chấp hành viên trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền để người phải thi hành án thuê nhà phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm. Nghĩa vụ thi hành án còn lại được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp cưỡng chế để trả lại công trình xây dựng, vật kiến trúc theo bản án, quyết định được thực hiện như quy định cưỡng chế giao nhà, trả nhà.

3. Cưỡng chế giao, trả giấy tờ

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế. Lưu ý:

- Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại thì Chấp hành viên yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được thi hành án, người trúng đấu giá tài sản thi hành án.

- Trường hợp không thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và giấy tờ về tài sản khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 106 của Luật THADS.

- Trường hợp giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại thì Chấp hành viên trình Thủ trưởng cơ quan ra Quyết định về việc chưa có điều kiện theo quy định tại Điều 44a của Luật THADS.

4. Cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất

Các bước thực hiện theo trình tự chung về áp dụng biện pháp cưỡng chế. Lưu ý:

- Phải tiến hành xác minh, kiểm tra hiện trạng diện tích đất phải chuyển giao (có thừa, thiếu so với bản án, quyết định; ai đang là người thực tế đang quản lý, sử dụng đất...); trường hợp có tài sản gắn liền với đất phải làm rõ thời điểm hình thành để có căn cứ xử lý, giải quyết.

- Khi tiến hành giao đất phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất được chuyển giao.

- Xử lý tài sản gắn liền với đất được chuyển giao

- + Trường hợp tài sản gắn liền với đất hình thành sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì Chấp hành viên yêu cầu người có tài sản đó tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao cho người được thi hành án. Nếu người có tài sản không thực hiện thì cưỡng chế tháo dỡ hoặc chuyển tài sản ra khỏi diện tích đất phải chuyển giao, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Chi phí cưỡng chế do người có tài sản chịu.

Trường hợp người có tài sản gắn liền với đất từ chối nhận tài sản thì Chấp hành viên lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, giao tài sản cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan THADS và thông báo địa điểm, thời gian để người có tài sản nhận lại tài sản.

Hết thời hạn thông báo mà người có tài sản không đến nhận thì tài sản được xử lý theo quy định tại Điều 126 của Luật THADS.

+ Trường hợp tài sản gắn liền với đất có trước khi có bản án, quyết định sơ thẩm nhưng bản án, quyết định được thi hành không tuyên rõ việc xử lý đối với tài sản đó thì cơ quan THADS yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyết định giải thích rõ việc xử lý đối với tài sản hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét lại nội dung bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Cường chế giao quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá hoặc cho người nhận quyền sử dụng đất để trừ vào số tiền được thi hành án được thực hiện như xử lý tài sản gắn liền với đất được chuyển giao nêu trên.

Điều 27. Cường chế buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định

1. Cường chế thi hành nghĩa vụ buộc thực hiện công việc nhất định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cường chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định về việc cường chế buộc thực hiện công việc, thông báo ấn định thời gian cho người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

c) Bước 3: Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ.

d) Bước 4: Trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền (theo điểm a khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 85 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP), ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

e) Bước 5: Trường hợp hết thời hạn đã ấn định mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì thực hiện như sau:

- Nếu công việc có thể giao cho người khác thực hiện thay thì Chấp hành viên giao cho người có điều kiện thực hiện; chi phí thực hiện do người phải thi hành án chịu;

- Nếu công việc phải do chính người phải thi hành án thực hiện thì Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

2. Cường chế thi hành nghĩa vụ không được thực hiện công việc nhất định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cường chế.

b) Bước 2: Ra Quyết định về việc cường chế không được thực hiện công việc, thông báo ấn định thời gian cho người phải thi hành án thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

c) Bước 3: Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ.

d) Bước 4: Chấp hành viên trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền (theo điểm b khoản 3 Điều 64, khoản 3 Điều 85 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ), trong trường hợp cần thiết có thể yêu cầu người phải thi hành án khôi phục hiện trạng ban đầu.

e) Bước 5: Đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án đối với trường hợp người phải thi hành án vẫn không chấm dứt công việc không được làm, không khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

3. Cường chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra quyết định về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng.

c) Bước 3: Chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương đó thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án.

d) Bước 4: Trường hợp người phải thi hành án hoặc người đang trông giữ người chưa thành niên không giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng thì Chấp hành viên lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, báo cáo Chi cục trưởng hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ, trình Cục trưởng Cục THADS ra quyết định phạt tiền; ấn định thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người đó giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng.

e) Bước 5: Hết thời hạn đã ấn định mà người đó không thực hiện thì Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế buộc giao người chưa thành niên hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

4. Cường chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc

a) Bước 1: Xác định căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế.

b) Bước 2: Ra quyết định về việc cưỡng chế nhận người lao động trở lại làm việc.

c) Bước 3: Trường hợp người sử dụng lao động không nhận người lao động trở lại làm việc theo bản án, quyết định thì ra quyết định phạt tiền đối với người sử dụng lao động là cá nhân hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, đồng thời ấn định thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định phạt tiền để người sử dụng lao động thực hiện việc nhận người lao động trở lại làm việc.

e) Bước 4: Hết thời hạn đã ấn định mà không thực hiện thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

Lưu ý:

- Trường hợp không thể bố trí người lao động trở lại làm công việc theo nội dung bản án, quyết định thì người sử dụng lao động phải bố trí công việc khác với mức tiền lương tương đương theo quy định của pháp luật lao động. Nếu người lao động không chấp nhận công việc được bố trí và yêu cầu người sử dụng lao động thanh toán các chế độ theo quy định của pháp

luật lao động thì người sử dụng lao động phải thực hiện việc thanh toán để chấm dứt nghĩa vụ thi hành án.

- Người sử dụng lao động phải thanh toán cho người lao động khoản tiền lương trong thời gian chưa bố trí được công việc theo bản án, quyết định, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người lao động được nhận trở lại làm việc hoặc được giải quyết thuộc trường hợp 2 nêu trên.

Điều 28. Định giá tài sản kê biên

1. Ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thoả thuận được về giá tài sản thì Chấp hành viên lập biên bản về thoả thuận đó, giá tài sản do đương sự thoả thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá.

Trường hợp đương sự có thoả thuận về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá đó.

2. Chấp hành viên thực hiện lựa chọn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp đương sự không thoả thuận được về giá và không thoả thuận được việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá; hoặc tổ chức thẩm định giá do đương sự lựa chọn từ chối việc ký hợp đồng dịch vụ.

a) Chấp hành viên kiểm tra trình tự, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ thi hành án (*tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này*), báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS trước khi ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản (*danh mục hồ sơ báo cáo tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này và các tài liệu khác nếu có*). Thủ trưởng chỉ đạo thực hiện kiểm tra trước khi ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản để tránh sai sót.

b) Các bước thực hiện: Theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản hiện hành của Tổng cục THADS để thi hành án.

c) Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày kê biên tài sản.

3. Chấp hành viên xác định giá tài sản trong các trường hợp

a) Không thực hiện được việc ký hợp đồng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 98 Luật THADS, khoản 1 Điều 26 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

b) Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng hoặc có giá trị nhỏ (tại thời điểm xác định giá, tài sản giống hết hoặc tương tự chưa qua sử dụng có giá mua bán trên thị trường không quá 10.000.000 đồng) mà đương sự không thoả thuận được với nhau về giá.

Trước khi xác định giá, Chấp hành viên phải tham khảo ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực của tài sản kê biên; việc tham khảo ý kiến phải lập thành văn bản hoặc biên bản.

4. Khi có căn cứ định giá lại tài sản, Chấp hành viên thực hiện định giá lại tài sản theo quy trình như trên.

Điều 29. Bán tài sản đã kê biên

1. Bán không qua thủ tục đấu giá

a) Chấp hành viên bán không qua thủ tục bán đấu giá đối với tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc tài sản tươi sống, mau hỏng;

b) Việc bán tài sản phải được thực hiện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kê biên.

2. Chấp hành viên bán đấu giá tài sản kê biên trong các trường hợp

a) Tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản chưa có tổ chức bán đấu giá hoặc có nhưng tổ chức bán đấu giá từ chối ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản;

b) Động sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. Chấp hành viên thực hiện lựa chọn ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức đấu giá tài sản đối với tài sản kê biên là động sản có giá trị từ trên 10.000.000 đồng, bất động sản và trong trường hợp đương sự không thoả thuận được về tổ chức đấu giá.

a) Chấp hành viên kiểm tra trình tự, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ thi hành án (*tham khảo Phụ lục kèm theo Quy trình này*), báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS trước khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Thủ trưởng chỉ đạo thực hiện kiểm tra trước khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản để tránh sai sót.

b) Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP; Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản hiện hành của Tổng cục THADS để thi hành án.

Trường hợp việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp có nội dung khác Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục THADS thì thực hiện theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTP.

c) Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày định giá tài sản.

4. Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Lưu ý:

- Trước khi bán tài sản lần đầu đối với tài sản thuộc sở hữu chung, Chấp hành viên thông báo và định thời hạn cho chủ sở hữu chung mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định trong thời hạn 03 tháng đối với bất động sản, 01 tháng đối với động sản; đối với những lần bán tài sản tiếp theo thì thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn ưu tiên mà chủ sở hữu chung không mua tài sản thì tài sản được bán theo quy định tại Điều 101 của Luật này.

Đối với tài sản thuộc sở hữu chung mà có nhiều chủ sở hữu chung đề nghị mua phần tài sản của người phải thi hành án theo giá đã định thì Chấp hành viên thông báo cho các chủ sở hữu chung đó thỏa thuận người được quyền mua. Nếu không thỏa thuận được thì Chấp hành viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người được mua tài sản.

- Trước khi mở cuộc bán đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức bán đấu giá.

- Chấp hành viên phải phối hợp, giám sát quá trình đấu giá tài sản. Trường hợp trong cùng một cuộc đấu giá mà có nhiều tài sản được đấu giá để thi hành án thì cơ quan THADS yêu cầu tổ chức đấu giá thực hiện việc đấu

giá theo thứ tự từ tài sản có giá trị lớn nhất. Trường hợp số tiền thu được đã đủ để thi hành nghĩa vụ và các chi phí theo quy định thì không tiếp tục đấu giá các tài sản còn lại.

- Trường hợp bán đấu giá thành, Chấp hành viên thực hiện như sau:

+ Ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người trúng đấu giá và yêu cầu tổ chức đấu giá chuyển tiền đặt trước vào tài khoản của cơ quan THADS. Đồng thời, yêu cầu người trúng đấu giá nộp đủ tiền vào tài khoản cơ quan THADS trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đấu giá thành và không được gia hạn thêm;

+ Giao tài sản cho người trúng đấu giá trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người mua nộp đủ tiền. Trường hợp khó khăn, phức tạp thì không quá 60 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng. Trường hợp phải cưỡng chế giao tài sản cho người trúng đấu giá thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 26 Quy trình.

- Trường hợp bán đấu giá không thành, không có người tham gia đấu giá, trả giá thì thực hiện theo quy định tại Điều 104 Luật THADS.

Điều 30. Tiêu hủy vật chứng, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

1. Tiêu hủy vật chứng, tài sản

a) Bước 1: Chấp hành viên lập hồ sơ (danh sách tiêu hủy, các tài liệu liên quan) báo cáo Thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản.

Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ra Quyết định thi hành án.

b) Bước 2: Hội đồng tiêu hủy vật chứng lập kế hoạch, phương án tiến hành tiêu hủy, phương án bảo vệ việc tiêu hủy (nếu cần thiết), dự trù kinh phí tiêu hủy báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS xem xét phê duyệt.

Trường hợp tiêu hủy các loại hóa chất độc hại hoặc các vật chứng, tài sản khác mà cần thiết phải có các trang thiết bị chuyên dùng hoặc chuyên gia thì Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS xem xét phê duyệt, ký hợp đồng với chuyên gia, cơ quan bảo đảm điều kiện tiêu hủy vật chứng, tài sản để thực hiện việc tiêu hủy đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến môi trường tại nơi tiêu hủy.

c) Bước 3: Hội đồng tiêu hủy, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chuẩn bị nhân lực, các công cụ, phương tiện cần thiết cho việc tiêu hủy.

d) Bước 4: Thực hiện tiêu hủy vật chứng

- Trình Thủ trưởng cơ quan ký duyệt Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho; chuyển kế toán nghiệp vụ làm Phiếu xuất kho để Thủ kho thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản.

- Tiến hành tiêu hủy vật chứng, tài sản theo kế hoạch, phương án tiêu hủy.

- Lập biên bản tiêu hủy.

Thời hạn thực hiện 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng tiêu hủy được thành lập.

2. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

a) Bước 1: Chấp hành viên lập danh sách vật chứng, tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước; trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành văn bản thông báo và

ấn định cho cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận vật chứng, tài sản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông báo.

b) Bước 2: Trình Thủ trưởng cơ quan ký duyệt Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho; chuyển kế toán nghiệp vụ làm Phiếu xuất kho để Thủ kho thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản.

c) Bước 3: Tiến hành bàn giao vật chứng, tài sản.

- Khi chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải kèm theo quyết định thi hành án, bản án, quyết định hoặc bản sao bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự sao y bản chính.

- Việc chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền, kế toán, thủ kho và đại diện cơ quan tài chính. Việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được lập biên bản, mô tả cụ thể thực trạng vật chứng, tài sản tạm giữ, có chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên giao, chữ ký của người đại diện và dấu của cơ quan bên nhận, nếu có.

Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày ra quyết định thi hành án.

Lưu ý:

- Trường hợp cơ quan tài chính có thẩm quyền có văn bản ủy quyền thực hiện xử lý tài sản bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước, cơ quan THADS xử lý và làm thủ tục sung quỹ nhà nước sau khi đã trừ các chi phí xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp quyết định tịch thu vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thi hành nhưng sau đó phát hiện có sai

lầm và đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tịch thu, Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS phối hợp với Cơ quan tài chính cùng cấp để làm thủ tục hoàn trả lại số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự

1. Trả lại tiền tạm giữ cho đương sự

a) Bước 1: Chấp hành viên ban hành thông báo về việc nhận tiền.

b) Bước 2: Chấp hành viên lập Giấy đề nghị chi trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt và chuyển bộ phận kế toán nghiệp vụ làm thủ tục trả lại tiền cho đương sự. Việc chi trả tiền có thể bằng các hình thức:

- Trả trực tiếp cho đương sự đến nhận tiền tại trụ sở cơ quan thi hành án;

- Trả qua bưu điện hoặc chuyển khoản nếu đương sự có đơn đề nghị chuyển tiền tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản (đơn đề nghị phải ghi rõ tên, địa chỉ của người nhận tiền, số tài khoản; đơn đề nghị được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện). Cước phí chuyển tiền do người được nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận.

c) Bước 3: Trường hợp hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo mà đương sự không đến nhận tiền, xử lý như sau:

- Chấp hành viên đề xuất Thủ trưởng cơ quan THADS duyệt cho làm thủ tục gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự;

- Nếu đương sự ở xa trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, đã xác định được địa chỉ rõ ràng và khoản tiền

có giá trị nhỏ hơn 01 tháng lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định thì cơ quan thi hành án dân sự lập phiếu chi và gửi tiền qua đường bưu điện. Trường hợp bưu điện trả lại tiền do không có người nhận thì gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự.

2. Trả lại tài sản tạm giữ cho đương sự:

a) Bước 1: Chấp hành viên ban hành thông báo về việc nhận tài sản.

b) Bước 2: Chấp hành viên lập Giấy đề nghị xuất kho, Lệnh xuất kho trình Thủ trưởng cơ quan phê duyệt; chuyển bộ phận Kế toán nghiệp vụ và Thủ kho để trả lại cho đương sự hoặc người được đương sự uỷ quyền nhận tài sản.

c) Bước 3: Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà đương sự không đến nhận tài sản mà không có lý do chính đáng, Chấp hành viên tiến hành định giá tài sản, bán tài sản và gửi số tiền thu được theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn; đồng thời thông báo cho đương sự.

Lưu ý:

- Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã được gửi tiết kiệm mà không có lý do chính đáng thì cơ quan THADS làm thủ tục sung quỹ Nhà nước.

- Đối với giấy tờ liên quan đến tài sản, nhân thân của đương sự thì hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo nếu đương sự không đến nhận, Chấp hành viên làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan đã ban hành giấy tờ đó xử lý theo quy định.

- Đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ bị hư hỏng không còn sử dụng được

+ Trường hợp do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS trong quá trình bảo quản và đương sự từ chối nhận: Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đổi tiền mới có giá trị tương ứng và làm thủ tục trả cho đương sự.

+ Trường hợp không do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS mà đương sự từ chối nhận: Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS thực hiện thủ tục bàn giao cho Ngân hàng Nhà nước xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Giao tài sản để trừ vào tiền được thi hành án

1. Căn cứ thực hiện

a) Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án.

b) Biên bản thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

c) Biên bản giải quyết việc thi hành án ghi nhận sự thỏa thuận giữa người được thi hành án và người phải thi hành án về việc nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

2. Tiếp nhận và xử lý yêu cầu

a) Bước 1: Thông báo cho người phải thi hành án

- Chấp hành viên tiến hành thông báo cho người phải thi hành án về việc người được thi hành đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án.

- Trường hợp người phải thi hành án không nhất trí thì có quyền nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản đưa ra bán đấu giá.

b) Bước 2: Thông báo cho người được thi hành án, người phải thi hành án về việc bàn giao tài sản cho người được thi hành án theo thỏa thuận để trừ vào tiền được thi hành án.

Trường hợp có nhiều người được thi hành án thì người nhận tài sản phải được sự đồng ý của những người được thi hành án khác và phải thanh toán lại cho họ số tiền tương ứng tỷ lệ giá trị mà họ được hưởng.

3. Thực hiện việc giao tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án theo quy định.

4. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày có căn cứ.

Điều 33. Thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án và thu phí thi hành án

a) Bước 1: Chấp hành viên lập Bảng phân phối, xác định mức phí THADS và trình Thủ trưởng cơ quan THADS ban hành Quyết định thu phí (nếu có).

b) Bước 2: Ban hành thông báo cho đương sự đến nhận tiền, tài sản

Đối với trường hợp giao tài sản, Chấp hành viên phải thông báo số tiền phí THADS mà người được thi hành án phải nộp trước khi giao tài sản ít nhất 15 ngày.

c) Bước 3: Thực hiện việc chi trả tiền, tài sản và thu phí thi hành án

- Thủ tục thực hiện như trường hợp trả lại tiền, tài sản tạm giữ. Trước khi chi trả tiền Chấp hành viên phải

thực hiện việc khấu trừ số tiền phí THADS mà người được thi hành án phải nộp.

- Thời hạn thực hiện: 10 ngày kể từ ngày thu được tiền, tài sản thi hành án hoặc 10 ngày kể từ ngày giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá.

Điều 34. Xác nhận kết quả thi hành án

1. Căn cứ thực hiện

a) Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án của đương sự, thân nhân của đương sự.

b) Bản án, quyết định của Tòa án.

c) Quyết định thi hành án của cơ quan THADS.

2. Tiếp nhận và kiểm tra yêu cầu

Công chức được phân công tiếp nhận, chuyển Bộ phận thụ lý để kiểm tra.

a) Trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy xác nhận thì yêu cầu bổ sung hoặc trả lại.

b) Trường hợp đủ điều kiện thì tiến hành rà soát trong Sổ thụ lý.

3. Xử lý yêu cầu

a) Trường hợp hồ sơ đang thi hành án, Bộ phận thụ lý chuyển yêu cầu xác nhận cho Chấp hành viên phụ trách hồ sơ để xem xét, dự thảo giấy xác nhận, báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS ký Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

b) Trường hợp hồ sơ thi hành xong đã đưa vào lưu trữ, Bộ phận thụ lý phối hợp với Chấp hành viên, Công chức lưu trữ báo cáo Thủ trưởng cơ quan cho phép rút hồ sơ lưu trữ và ký Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

4. Kết quả thực hiện: Bộ phận thụ lý chuyển lại Giấy xác nhận kết quả thi hành án cho công chức được phân công để trả cho đương sự hoặc thân nhân.

5. Thời hạn thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự.

MỤC 3. THẨM TRA, LƯU TRỮ HỒ SƠ THI HÀNH ÁN

Điều 35. Thẩm tra hồ sơ

1. Chấp hành viên thực hiện việc kiểm tra, rà soát lại hồ sơ thi hành án, lập báo cáo đối chiếu với Kế toán nghiệp vụ về kết quả thi hành án, ký xác nhận vào phía dưới, góc phải của bảng thống kê và chuyển hồ sơ cho Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Thẩm tra viên; lập biên bản về việc giao, nhận hồ sơ.

2. Thẩm tra viên thực hiện việc thẩm tra kết quả thi hành án, đối chiếu kết quả thi hành án với nội dung quyết định thi hành án, bản án, quyết định; xem xét điều kiện hồ sơ đưa vào lưu trữ, căn cứ kết thúc thi hành án.

3. Thẩm tra viên ký xác nhận vào phía dưới, góc trái của bảng thống kê; báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS phê duyệt đưa vào lưu trữ; lấy dấu; chuyển hồ sơ đưa vào lưu trữ.

a) Trường hợp thiếu tài liệu thì phối hợp với Chấp hành viên để bổ sung hoặc báo cáo Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Lãnh đạo Chi cục được giao phụ trách để yêu cầu Chấp hành viên bổ sung.

b) Trường hợp hồ sơ có sai phạm thì báo cáo Lãnh đạo Phòng Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc Lãnh đạo Chi cục được giao phụ trách để báo cáo Thủ trưởng cơ quan THADS, yêu cầu Chấp hành viên khắc phục sai phạm.

4. Thời hạn thực hiện: 30 ngày kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ thi hành án.

Điều 36. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ

1. Công chức được phân công lập biên bản về việc giao, nhận hồ sơ và ký xác nhận vào Sổ giao, nhận hồ sơ lưu trữ.

2. Công chức được phân công vào Sổ theo dõi lưu trữ hồ sơ thi hành án, sắp xếp hồ sơ theo thứ tự thời gian lưu trữ hàng tháng, quý, năm. Cập nhật thông tin về kết quả thi hành án tại sổ thụ lý.

3. Thời hạn thực hiện: Theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Điều khoản thi hành

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thủ trưởng cơ quan THADS các cấp có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy trình này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo về Tổng cục THADS (qua Vụ Nghiệp vụ 1) để kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

PHỤ LỤC III: CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG

Lời nói đầu

Các Quốc gia thành viên Công ước này,

Lo ngại về tính nghiêm trọng của các vấn đề cũng như những mối đe dọa do tham nhũng gây ra đối với sự ổn định và an ninh xã hội, xói mòn các thể chế và các giá trị dân chủ, các giá trị đạo đức, công lý và gây tổn hại đến sự phát triển bền vững và chế độ,

Cũng lo ngại về sự liên kết giữa tham nhũng với các loại tội phạm khác, đặc biệt là tội phạm có tổ chức và tội phạm kinh tế, kể cả tẩy rửa tiền,

Lo ngại thêm về các vụ tham nhũng liên quan đến số lượng lớn tài sản mà những tài sản này đóng một phần quan trọng nguồn lực của các quốc gia, và rằng các vụ tham nhũng này sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho ổn định chính trị và phát triển bền vững của các nước đó,

Tin tưởng cho rằng không còn là một vấn đề, tham nhũng là hiện tượng hiện đang vượt qua các biên giới quốc gia và ảnh hưởng đến mọi xã hội và nền kinh tế, nên hợp tác quốc tế nhằm ngăn ngừa và kiểm soát tham nhũng là yêu cầu cấp thiết,

Cũng tin tưởng rằng cần có một cách tiếp cận tổng thể và đa ngành để phòng, chống tham nhũng một cách có hiệu quả,

Tin tưởng thêm rằng trợ giúp kỹ thuật có thể đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng của các quốc gia, kể cả bằng cách tăng cường năng lực và xây dựng thể chế, để phòng, chống tham nhũng một cách có hiệu quả,

Tin tưởng rằng việc làm giàu cho cá nhân một cách bất hợp pháp có thể đặc biệt gây phương hại cho các thể chế dân chủ, các nền kinh tế quốc dân và chế độ pháp quyền,

Quyết tâm phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tham nhũng một cách có hiệu quả hơn các hành vi chuyển nhượng quốc tế các tài sản có được một cách bất hợp pháp cũng như quyết tâm tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản,

Thừa nhận các nguyên tắc cơ bản về việc bảo đảm đúng trình tự thủ tục trong hoạt động tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính liên quan đến việc phán quyết các quyền tài sản,

Ghi nhớ rằng việc ngăn ngừa và xoá bỏ tham nhũng là trách nhiệm của các quốc gia và rằng các quốc gia phải cùng nhau hợp tác, với sự hỗ trợ và tham gia của các cá nhân và các nhóm ngoài khu vực công như xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng nếu nỗ lực của họ trong lĩnh vực này có hiệu quả,

Cũng ghi nhận các nguyên tắc về quản lý đúng đắn công vụ và các nguyên tắc về tài sản công, công bằng, trách nhiệm và bình đẳng trước pháp luật cũng như sự cần thiết phải bảo đảm sự liêm chính và khuyến khích việc xây dựng văn hoá chống tham nhũng,

Biểu dương công việc của Ủy ban về Phòng, chống tội phạm và Tư pháp hình sự và Văn phòng về Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc trong hoạt động phòng, chống tham nhũng,

Nhắc lại công việc của các tổ chức quốc tế và khu vực khác trong lĩnh vực này, trong đó có các hoạt động của Liên minh châu Phi, Hội đồng châu Âu, Hội đồng hợp tác hải quan, (cũng được biết đến là Tổ chức Hải quan thế giới), Liên minh châu Âu, Liên đoàn các nước Ả rập, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ,

Hài lòng ghi nhận các văn kiện đa phương về phòng, chống tham nhũng, trong đó có Công ước liên châu Mỹ về chống tham nhũng do Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ thông qua ngày 29/3/1996, Công ước chống tham nhũng liên quan đến công chức của các nước châu Âu và công chức của các Quốc gia thành viên trong Liên minh châu Âu do Hội đồng Liên minh châu Âu thông qua ngày 26 tháng 5 năm 1997, Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thông qua ngày 21 tháng 11 năm 1977, Công ước luật hình sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 27 tháng 1 năm 1999, Công ước luật dân sự về tham nhũng do Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu thông qua ngày 4 tháng 11 năm 1999, Công ước của Liên minh các nước châu Phi về phòng, chống tham nhũng do các nguyên thủ quốc gia và người đứng đầu Chính phủ Liên minh châu Phi thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2003,

Hoan nghênh việc Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2003,

Đã thỏa thuận như sau:

CHƯƠNG I. **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tuyên bố về mục đích

Mục đích của Công ước này là:

- (a) Thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng và chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn;
- (b) Thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và trợ giúp kỹ thuật trong việc phòng và chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản;
- (c) Thúc đẩy sự liêm chính, chế độ trách nhiệm và việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công.

Điều 2. Sử dụng thuật ngữ

Trong Công ước này,

- (a) “Công chức” có nghĩa là: (i) bất kỳ người nào giữ chức vụ về lập pháp, hành pháp hoặc tư pháp của một Quốc gia thành viên do được bầu hay bổ nhiệm, làm việc không thời hạn hoặc có thời hạn, được trả lương hay không được trả lương, bất kể cấp bậc của người đó; (ii) bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước, hoặc cung cấp một dịch vụ công, theo quy định trong pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và được áp dụng

trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia thành viên đó; (iii) bất kỳ người nào được định nghĩa là “công chức” trong pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, đối với một số biện pháp cụ thể quy định trong Chương II của Công ước này, “công chức” có thể nghĩa là bất kỳ người nào thực hiện chức năng nhà nước hay cung cấp một dịch vụ công như được định nghĩa trong pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật liên quan của quốc gia thành viên đó;

(b) “Công chức nước ngoài” có nghĩa là bất kỳ người nào giữ một chức vụ về lập pháp, hành pháp, hành chính hay tư pháp của một quốc gia nước ngoài, bất kể do bầu hay được bổ nhiệm; và bất kỳ người nào thực hiện một chức năng nhà nước cho một quốc gia nước ngoài, kể cả cho cơ quan hay doanh nghiệp nhà nước;

(c) “Công chức của tổ chức quốc tế công” có nghĩa là công chức dân sự quốc tế hoặc bất kỳ người nào khác được một tổ chức quốc tế như vậy uỷ quyền hoạt động nhân danh tổ chức đó;

(d) “Tài sản” có nghĩa là mọi loại tài sản, vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay trừu tượng, và các văn bản pháp lý hay giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó;

(e) “Tài sản do phạm tội mà có” có nghĩa là bất kỳ tài sản bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc thực hiện một tội phạm;

(f) “Phong tỏa” hay “tạm giữ” có nghĩa là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, định đoạt hay chuyển dịch tài sản hoặc việc tạm thời lưu giữ hay kiểm

soát tài sản theo lệnh của toà án hay cơ quan có thẩm quyền khác;

(g) “Sung công”, kể cả việc tịch thu khi thích hợp, có nghĩa là việc vĩnh viễn tước đi tài sản theo lệnh của toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

(h) “Tội phạm gốc” có nghĩa là bất kỳ tội phạm nào từ tội phạm đó xuất hiện tài sản và tài sản này có thể trở thành đối tượng của một tội phạm được quy định tại Điều 23 của Công ước này;

(i) “Vận chuyển có kiểm soát” có nghĩa là kỹ thuật cho phép hàng hoá bất hợp pháp hoặc có nghi vấn được vận chuyển ra khỏi, qua hoặc vào lãnh thổ của một hoặc nhiều nước, nằm trong sự nhận thức và dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền của các nước đó, nhằm điều tra một hành vi phạm tội và xác định những người liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội này.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

1. Phù hợp với các điều khoản của Công ước, Công ước này được áp dụng đối với việc phòng ngừa, điều tra, truy tố tham nhũng cũng như đối với việc phong tỏa, tạm giữ, tịch thu và hoàn trả tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này.

2. Nhằm mục đích thực hiện Công ước này, các tội phạm nêu trong Công ước này không nhất thiết phải gây tổn thất hay thiệt hại đối với tài sản nhà nước, trừ trường hợp trong Công ước có quy định khác.

Điều 4. Bảo vệ chủ quyền

1. Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện nghĩa vụ trong Công ước này của mình theo cách thức phù hợp với các nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia cũng như nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

2. Không điều khoản nào trong Công ước này cho phép một quốc gia thành viên được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia khác quyền tài phán và các chức năng của quốc gia đó theo pháp luật quốc gia của mình.

CHƯƠNG II CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Điều 5. Chính sách và thực tiễn chống tham nhũng

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xây dựng và thực hiện hoặc duy trì các chính sách chống tham nhũng hiệu quả và đồng bộ, những chính sách thúc đẩy sự tham gia của xã hội và thể hiện các nguyên tắc của chế độ pháp quyền, việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công, sự liêm khiết, tính minh bạch và trách nhiệm.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực tạo dựng và tăng cường những thực tiễn hữu hiệu nhằm mục đích phòng ngừa tham nhũng.

3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực đánh giá định kỳ các công cụ pháp lý và biện pháp hành chính nhằm

xác định xem chúng đã đầy đủ chưa để phòng ngừa và chống tham nhũng.

4. Khi thích hợp và trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, các quốc gia thành viên hợp tác với nhau và với các tổ chức khu vực và quốc tế liên quan trong việc thúc đẩy và xây dựng các biện pháp nói tại Điều này. Sự hợp tác đó có thể bao gồm việc tham gia vào các chương trình và dự án quốc tế nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Điều 6. Cơ quan phòng, chống tham nhũng

1. Phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên đảm bảo việc có một cơ quan hoặc một số cơ quan khí thích hợp, có trách nhiệm phòng ngừa tham nhũng bằng các biện pháp như:

(a) Thi hành các chính sách nói tại Điều 5 của Công ước này, và khi thích hợp, giám sát và phối hợp việc thi hành những chính sách đó;

(b) Nâng cao và phổ biến kiến thức về công tác phòng ngừa tham nhũng;

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ dành cho các cơ quan nói tại khoản 1 Điều này sự độc lập cần thiết trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình nhằm giúp cho những cơ quan này có thể thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả và không chịu bất kỳ sự ảnh hưởng trái pháp luật nào. Các phương tiện vật chất và đội ngũ cán bộ chuyên

trách cần thiết cũng như việc đào tạo đội ngũ cán bộ này để họ có thể thực hiện chức năng của mình cần được đảm bảo.

3. Mỗi quốc gia thành viên thông báo cho Tổng Thư ký Liên hợp quốc tên và địa chỉ của một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền có thể hỗ trợ các quốc gia thành viên khác trong việc xây dựng và thi hành các biện pháp cụ dụng để phòng ngừa tham nhũng.

Điều 7. Khu vực công

1. Khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên nỗ lực duy trì và củng cố chế độ tuyển dụng, thuê, giữ lại, đề bạt và hưu trí đối với công chức, và khi thích hợp, đối với cả những công chức không do bầu cử khác, mà

(a) Chế độ này dựa trên các nguyên tắc hiệu quả, minh bạch và tiêu chí khách quan như năng lực, công bằng và năng khiếu;

(b) Chế độ này bao gồm quy trình thích hợp để lựa chọn, đào tạo cá nhân vào những vị trí được coi là rất dễ liên quan đến tham nhũng, và khi thích hợp, để luân chuyển các cá nhân đó sang những vị trí khác;

(c) Chế độ này khuyến khích việc trả công thỏa đáng và trả lương công bằng, có xét tới mức độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thành viên;

(d) Chế độ này thúc đẩy các chương trình giáo dục và đào tạo công chức nhằm giúp họ đáp ứng được những yêu cầu về tính chính xác, sự chính trực và đúng đắn khi thực hiện chức năng công, đồng thời có khóa đào

tạo chuyên sâu và phù hợp nhằm tăng cường nhận thức của công chức về nguy cơ tham nhũng thường gắn với việc thực thi nhiệm vụ của mình. Những chương trình đào tạo này có thể đề cập đến những quy tắc và chuẩn mực xử sự ở những lĩnh vực liên quan.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và hành chính thích hợp, phù hợp với các mục tiêu của Công ước và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nhằm đưa ra những tiêu chuẩn về ứng cử và bầu cử vào các chức vụ nhà nước.

3. Mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét tiến hành các biện pháp lập pháp và hành chính thích hợp, phù hợp với các mục tiêu của Công ước và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nhằm tăng cường sự minh bạch trong việc cho các ứng cử viên vào các chức vụ nhà nước cũng như việc tài trợ cho các đảng chính trị, nếu phù hợp.

4. Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, nỗ lực ban hành, duy trì và củng cố các cơ chế tăng cường minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích.

Điều 8. Quy tắc ứng xử cho công chức

1. Nhằm đấu tranh chống tham nhũng, mỗi quốc gia thành viên sẽ thúc đẩy, cùng những tiêu chuẩn khác, sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong đội ngũ công chức nước mình trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của mình.

2. Cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ nỗ lực áp dụng, trong khuôn khổ hệ thống pháp luật và thể chế nước mình, những quy tắc hoặc chuẩn mực ứng xử để đảm bảo việc thực hiện chức năng công được chính xác, chính trực và đúng đắn.

3. Để thực hiện những quy định của Điều này, khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên xem xét đến các sáng kiến có liên quan của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương, chẳng hạn như Quy tắc ứng xử quốc tế dành cho Công chức có trong phụ lục của Nghị quyết số 51/59 ngày 12/12/1996 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc.

4. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên cũng sẽ xem xét đề ra các biện pháp và cơ chế để tạo thuận lợi cho công chức báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền về các hành vi tham nhũng mà họ phát hiện được trong khi thi hành công vụ.

5. Khi thích hợp và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên nỗ lực thiết lập các biện pháp và cơ chế yêu cầu công chức báo cáo cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan trong đó có những hoạt động công việc, các khoản đầu tư bên ngoài hay tài sản hoặc quà tặng giá trị lớn, những thứ mà có thể gây xung đột lợi ích khi họ thực hiện công vụ.

6. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp kỷ luật hoặc các biện pháp

khác đối với những công chức vi phạm quy tắc hoặc tiêu chuẩn được xây dựng theo Điều này.

Điều 9. Mua sắm công và quản lý tài chính công

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các bước cần thiết để xây dựng được các cơ chế mua sắm phù hợp dựa trên sự minh bạch, cạnh tranh và tiêu chí khách quan trong khâu ra quyết định, giúp phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả. Những cơ chế này, mà việc áp dụng chúng có thể tính đến các ngưỡng giá trị thích hợp sẽ điều chỉnh các vấn đề, trong đó có các vấn đề sau:

(a) Thông báo công khai về thủ tục mua sắm và hợp đồng mua sắm, trong đó có cả thông tin về mời thầu và thông tin thích hợp có liên quan về trao thầu, để các nhà thầu tiềm năng có đủ thời gian để chuẩn bị và nộp hồ sơ thầu;

(b) Đưa ra trước điều kiện tham gia thầu, kể cả tiêu chuẩn chọn và trao thầu và các quy định về đấu thầu, đồng thời công bố những điều kiện này;

(c) Sử dụng những tiêu chuẩn khách quan và định trước đối với việc quyết định mua sắm công nhằm tạo điều kiện cho việc xác minh về sự chính xác trong việc áp dụng các quy tắc hay thủ tục;

(d) Một cơ chế xem xét lại hữu hiệu, trong đó có cơ chế kháng nghị hữu hiệu, nhằm đảm bảo việc viện dẫn ra toà và áp dụng các chế tài được thực hiện trong trường hợp các quy định hay quy trình mua sắm ban hành theo khoản này không được tuân thủ;

(e) Khi thích hợp, các biện pháp để điều chỉnh những vấn đề liên quan đến cán bộ chịu trách nhiệm mua sắm, chẳng hạn như tuyên bố về lợi ích trong các lần mua sắm công cụ thể, trình tự giám sát và yêu cầu về đào tạo.

2. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm tăng cường minh bạch và trách nhiệm trong quản lý tài chính công. Những biện pháp này bao gồm:

- (a) Thủ tục thông qua ngân sách quốc gia;
- (b) Báo cáo kịp thời về thu và chi;
- (c) Hệ thống các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán, và cơ chế giám sát có liên quan;
- (d) Cơ chế quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ có hiệu quả và hữu hiệu; và
- (e) Khi thích hợp, biện pháp khắc phục trong trường hợp không tuân thủ những yêu cầu theo quy định của khoản này.

3. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp hành chính và dân sự cần thiết đảm bảo sự minh bạch của sổ sách kế toán, chứng từ, báo cáo tài chính hoặc các tài liệu khác liên quan đến thu, chi công, và phòng ngừa việc giả mạo những tài liệu này.

Điều 10. Báo cáo công khai

Xét đến sự cần thiết phải đấu tranh chống tham nhũng, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của

pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tăng cường minh bạch trong quản lý hành chính công, kể cả về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định. Các biện pháp đó bao gồm:

- (a) Ban hành những thủ tục hoặc quy định cho phép công chúng, khi thích hợp, có được thông tin về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định của các cơ quan hành chính nước mình, cũng như các thông tin về quyết định và hành vi pháp lý liên quan đến công chúng mà vẫn đảm bảo được bí mật và thông tin cá nhân;
- (b) Đơn giản hóa thủ tục hành chính ở những khâu thích hợp nhằm tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận với cơ quan có thẩm quyền ra quyết định ;
- (c) Công bố thông tin, trong đó có thể bao gồm báo cáo định kỳ, về nguy cơ tham nhũng trong các cơ quan hành chính nước mình.

Điều 11. Các biện pháp liên quan đến hoạt động truy tố và xét xử

1. Ghi nhớ sự độc lập của cơ quan tư pháp và vai trò quan trọng của cơ quan này trong đấu tranh chống tham nhũng, trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình và không ảnh hưởng đến tính độc lập trong hoạt động xét xử, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp tăng cường tính liêm khiết cho cán bộ toà án và phòng ngừa những cơ hội tham nhũng đến với họ. Những biện pháp này có thể bao gồm việc ban hành bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ toà án.

2. Những biện pháp có tác dụng tương tự như biện pháp được áp dụng theo khoản 1 của Điều này có thể được ban hành và áp dụng trong cơ quan công tố ở những quốc gia thành viên mà cơ quan công tố không trực thuộc hệ thống toà án mà có vị trí độc lập như các cơ quan tư pháp.

Điều 12. Khu vực tư

1. Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để phòng ngừa tham nhũng liên quan đến khu vực tư, tăng cường các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán trong khu vực tư và, khi thích hợp, ban hành những chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự hiệu quả tương xứng và có tính răn đe đối với những hành vi không tuân thủ các biện pháp này.

2. Những biện pháp để đạt được mục đích này, có thể bao gồm:

(a) Thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức tư nhân tương ứng;

(b) Thúc đẩy xây dựng các chuẩn mực và thủ tục nhằm bảo vệ sự liêm khiết của các tổ chức tư nhân tương ứng, trong đó có quy tắc ứng xử về tính chính xác, tính chính trực và tính đúng đắn trong hoạt động kinh doanh và tất cả các nghề nghiệp liên quan, đồng thời thúc đẩy công tác phòng ngừa xung đột lợi ích, thúc đẩy nhân rộng các thực tiễn thương mại tốt trong hoạt động kinh doanh và trong quan hệ hợp đồng với quốc gia đó;

(c) Tăng cường tính minh bạch giữa các tổ chức tư nhân, khi thích hợp áp dụng cả các biện pháp nhận dạng cá nhân tham gia thành lập và quản lý công ty;

(d) Phòng ngừa việc lạm dụng thủ tục điều chỉnh tổ chức tư nhân, trong đó có thủ tục trợ cấp và cấp phép của các cơ quan chức năng đối với các hoạt động thương mại;

(e) Phòng ngừa xung đột lợi ích bằng cách cấm, khi thấy phù hợp và trong một thời gian hợp lý, những người đã từng là công chức thực hiện các hoạt động nghề nghiệp hoặc cấm khu vực tư nhân tuyển dụng công chức vào làm việc sau khi họ đã từ chức hoặc về hưu nếu các hoạt động nghề nghiệp hoặc việc tuyển dụng đó có liên quan trực tiếp đến chức năng mà công chức này đảm nhiệm hoặc giám sát khi còn đương nhiệm.

(f) Đảm bảo rằng các doanh nghiệp tư nhân, trên cơ sở xét đến cơ cấu tổ chức và quy mô của mình, có chế độ kiểm soát kiểm toán nội bộ nhằm phòng ngừa và phát hiện hành vi tham nhũng; và rằng các tài khoản và các báo cáo tài chính cần thiết của những doanh nghiệp này tuân thủ các quy trình thích hợp về kiểm toán và chứng nhận.

3. Nhằm mục đích phòng ngừa tham nhũng, phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình về duy trì sổ sách, chứng từ, công khai báo cáo tài chính và tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán, mỗi Quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp cần thiết để cấm những hành vi sau đây được thực hiện nhằm mục đích phạm bất kỳ tội nào trong những tội được quy định theo Công ước này:

- (a) Lập tài khoản ngoài sổ sách;
- (b) Tiến hành giao dịch ngoài sổ sách hoặc giao dịch không được xác minh thoả đáng;
- (c) Lập chứng từ khống;
- (d) Đưa vào sổ sách những khoản nợ mà xác định sai đối tượng nợ;
- (e) Dùng giấy tờ, chứng từ giả; và
- (f) Cố tình huỷ tài liệu sổ sách trước thời hạn do pháp luật quy định.

4. Mỗi quốc gia thành viên không cho phép việc khấu trừ thuế đối với các khoản chi tiêu là tiền hối lộ, mà khoản tiền hối lộ này là một trong những yếu tố cấu thành các tội phạm được quy định theo Điều 15 và Điều 16 của Công ước này, và khi thích hợp, đối với cả các khoản chi tiêu khác phát sinh để thực hiện hành vi tham nhũng.

Điều 13. Tham gia của xã hội

1. Trong khả năng có thể và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động của các cá nhân và tổ chức ngoài khu vực công, như xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng, vào công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; và nhằm nâng cao nhận thức của công chúng về sự tồn tại, nguyên nhân và tính chất nghiêm trọng cũng như sự đe dọa của tham nhũng. Sự tham gia đó cần được tăng cường thông qua các biện pháp như:

(a) Tăng cường tính minh bạch trong các quy trình ra quyết định, thúc đẩy đóng góp của công chúng vào các quy trình ra quyết định;

(b) Đảm bảo cho công chúng được tiếp cận thông tin một cách hiệu quả;

(c) Tổ chức các hoạt động thông tin cho công chúng góp phần đấu tranh không khoan nhượng chống tham nhũng, cũng như các chương trình giáo dục công chúng, bao gồm cả chương trình giảng dạy trong nhà trường và trường đại học.

(d) Tôn trọng, tăng cường và bảo vệ quyền tự do tìm kiếm, nhận, xuất bản và tuyên truyền thông tin về tham nhũng. Quyền tự do đó có thể cũng có một số giới hạn nhất định, nhưng những giới hạn đó phải được pháp luật quy định và phải là cần thiết để:

(i) Tôn trọng quyền và danh tiếng của người khác;

(ii) Bảo vệ an ninh quốc gia hay trật tự công cộng hay sức khoẻ hoặc đạo đức cộng đồng .

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp đảm bảo công chúng biết đến các cơ quan chống tham nhũng nêu trong Công ước này và phải cho phép tiếp cận với các cơ quan này khi thích hợp để công chúng có thể thông báo, kể cả dưới hình thức nặc danh, về bất kỳ sự kiện nào có thể được coi là cấu thành một tội phạm được quy định theo Công ước này.

Điều 14. Các biện pháp chống rửa tiền

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ:

(a) Trong phạm vi thẩm quyền của mình, thiết lập một cơ chế giám sát và điều tiết toàn diện trong nước đối với các ngân hàng, các định chế tài chính phi ngân hàng, kể cả các cá nhân hay pháp nhân cung cấp dịch vụ chính thức hoặc không chính thức về chuyển tiền hoặc vật có giá trị, và khi thích hợp, cả những cơ quan khác đặc biệt dễ liên quan đến rửa tiền, nhằm ngăn chặn, phát hiện mọi hình thức rửa tiền; cơ chế điều tiết và giám sát này phải nhấn mạnh đến các yêu cầu về xác định khách hàng và cả người sở hữu hưởng lợi khi thích hợp, lưu giữ hồ sơ và báo cáo về các giao dịch đáng ngờ;

(b) Trên cơ sở không trái với Điều 46 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, giám sát, thực thi pháp luật và các cơ quan khác chuyên về chống rửa tiền (bao gồm cả các cơ quan tư pháp nếu phù hợp với pháp luật quốc gia) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp quốc gia và quốc tế trong phạm vi điều kiện mà pháp luật quốc gia quy định và, nhằm mục đích này, xem xét thành lập một đơn vị tình báo tài chính để hoạt động như một trung tâm quốc gia để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin về hoạt động rửa tiền tiềm tàng.

2. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét thực hiện các biện pháp khả thi nhằm phát hiện, kiểm soát việc di chuyển tiền mặt và các công cụ có giá trị chuyển đổi qua biên giới nước mình, nhưng cũng tuân thủ biện pháp an ninh nhằm đảm bảo sử dụng thông tin đúng đắn và không gây trở ngại dưới bất kỳ hình thức nào tới việc di chuyển các dòng vốn hợp pháp. Những biện pháp như vậy có thể bao gồm biện pháp yêu cầu các cá nhân và tổ chức kinh doanh báo cáo về việc chuyển

qua biên giới những lượng tiền mặt lớn và các công cụ có giá trị chuyển đổi khác.

3. Các quốc gia thành viên xem xét thực hiện các biện pháp phù hợp và khả thi yêu cầu các định chế tài chính, kể cả bên chuyển tiền:

(a) Điền vào đơn chuyển tiền qua đường điện tử và các loại thư tín liên quan thông tin chính xác và có ý nghĩa về người gửi tiền;

(b) Duy trì thông tin đó xuyên suốt quá trình chi trả; và

(c) Tăng cường giám sát việc chuyển các khoản tiền không có thông tin đầy đủ về người gửi tiền.

4. Khi thiết lập một cơ chế quản lý và giám sát trong nước theo quy định của Điều này và trên cơ sở không trái các điều khoản khác của Công ước này, các Quốc gia thành viên được khuyến nghị sử dụng các sáng kiến chống rửa tiền có liên quan của các tổ chức khu vực, liên khu vực và đa phương như là định hướng giải quyết vấn đề.

5. Các Quốc gia thành viên sẽ nỗ lực phát triển và thúc đẩy hợp tác song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu giữa các cơ quan tư pháp, thực thi pháp luật và giám sát tài chính nhằm đấu tranh chống rửa tiền.

CHƯƠNG III HÌNH SỰ HOÁ VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Điều 15. Hối lộ công chức quốc gia

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định

thành tội phạm các hành vi sau đây, nếu được thực hiện một cách cố ý:

(a) Hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức bất kỳ một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để công chức này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ;

(b) Hành vi của công chức, trực tiếp hay gián tiếp, đòi hoặc nhận một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 16. Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công

1. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công một lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ, nhằm có được hoặc duy trì công việc kinh doanh hay lợi thế không chính đáng khác liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

2. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đòi hoặc chấp nhận một cách

trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 17. Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi của công chức tham ô, biển thủ hoặc chiếm đoạt dưới các hình thức khác cho bản thân hoặc cho người hay tổ chức khác công quỹ hoặc tư quỹ hoặc chứng khoán hay bất cứ thứ gì có giá trị mà công chức này được giao quản lý do địa vị của mình.

Điều 18. Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định các hành vi sau là tội phạm nếu được cố ý thực hiện:

(a) Hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức hoặc người khác một lợi ích không chính đáng để công chức hay người đó dùng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân người có hành vi hứa hẹn, tặng hay cho nói trên hoặc cho người khác;

(b) Hành vi của công chức hay người khác, trực tiếp hay gián tiếp đòi hoặc nhận bất kỳ lợi ích không chính đáng nào cho bản thân mình hoặc cho người khác, để lợi dụng ảnh hưởng thực sự hay giả định của mình nhằm đạt được từ một cơ quan hành chính hay một cơ quan công quyền của Quốc gia thành viên một lợi ích không chính đáng.

Điều 19. Lạm dụng chức năng

Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý, hành vi vi phạm pháp luật, hành động hoặc không hành động, của một công chức lạm dụng chức năng hay vị trí của mình, khi thi hành công vụ nhằm mục đích đạt được một lợi ích không chính đáng cho bản thân, cho người hay tổ chức khác.

Điều 20. Làm giàu bất hợp pháp

Trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, mỗi Quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý, hành vi làm giàu bất hợp pháp, nghĩa là việc tài sản của một công chức tăng đáng kể so với thu nhập hợp pháp của công chức mà công chức này không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng đáng kể như vậy.

Điều 21. Hối lộ trong khu vực tư

Mỗi Quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm

quy định những hành vi sau là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý trong hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại:

(a) Hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho một lợi ích không chính đáng, trực tiếp hay gián tiếp cho người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của chính người đó hay của người hoặc tổ chức khác, để người đó vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hoặc không làm một việc gì;

(b) Hành vi đòi hoặc nhận trực tiếp hay gián tiếp lợi ích không chính đáng bởi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của bản thân người đó hay của người khác để vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hay không làm một việc gì.

Điều 22. Biển thủ tài sản trong khu vực tư

Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm đối với hành vi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biển thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biển thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại.

Điều 23. Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có

1. Mỗi quốc gia thành viên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, sẽ áp dụng các

biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

(a) (i) Chuyển đổi hay chuyển nhượng tài sản, dù đã biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nhằm che dấu hoặc nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản đó hoặc nhằm giúp đỡ bất kỳ ai có liên quan đến việc thực hiện tội phạm gốc để lẩn tránh trách nhiệm pháp lý đối với hành vi của người này;

(ii) Che dấu hoặc nguy trang bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, sự chuyển nhượng, sự vận chuyển hoặc sở hữu hoặc các quyền liên quan đến tài sản, dù đã biết tài sản đó do phạm tội mà có;

(b) Phụ thuộc vào các khái niệm căn bản của hệ thống pháp luật nước mình:

(i) Nhận, sở hữu hoặc sử dụng tài sản, mà tại thời điểm nhận đã biết rằng tài sản đó do phạm tội mà có;

(ii) Tham gia, phối hợp với hoặc có âm mưu thực hiện hành vi, cố gắng thực hiện hành vi hay giúp sức, xúi bẩy, tạo điều kiện thuận lợi và bày mưu để thực hiện bất kỳ tội phạm nào quy định tại Điều này.

2. Để thi hành hay áp dụng khoản 1 của Điều này:

(a) Mỗi quốc gia thành viên sẽ cố gắng áp dụng khoản 1 của Điều này ở phạm vi rộng nhất của các tội phạm gốc;

(b) Mỗi quốc gia thành viên sẽ quy định là tội phạm gốc đối với ít nhất là những tội phạm được quy định theo Công ước này;

(c) Để thực hiện điểm (b) trên đây, các tội phạm gốc bao gồm các tội phạm trong và ngoài phạm vi tài phán của quốc gia thành viên có liên quan. Tuy nhiên, các tội phạm ngoài phạm vi tài phán của một quốc gia thành viên sẽ chỉ cấu thành các tội phạm gốc khi hành vi tương ứng là hành vi phạm tội chiếu theo pháp luật quốc gia của nhà nước nơi hành vi đó được thực hiện và sẽ là hành vi phạm tội chiếu theo pháp luật của quốc gia thành viên đang thực hiện hoặc áp dụng Điều này nếu nó được thực hiện ở đó;

(d) Mỗi quốc gia thành viên sẽ cung cấp bản sao các văn bản pháp luật cho phép thực hiện Điều này cùng các thay đổi sau đó của các văn bản pháp luật này hoặc một bản mô tả các văn bản đó cho Tổng thư ký Liên hiệp quốc;

(e) Nếu các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên đòi hỏi, các tội phạm nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho những người thực hiện tội phạm gốc.

Điều 24. Che giấu tài sản

Trên cơ sở không trái với quy định tại Điều 23 của Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác nhằm quy định là tội phạm hành vi che dấu, tiếp tục chiếm giữ tài sản dù biết rằng tài sản đó có được là từ thực hiện bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này và nếu hành vi đó được thực hiện một cách cố ý sau khi tội phạm nói trên được thực hiện dù người thực hiện hành vi không tham gia vào tội phạm đó.

Điều 25. Cản trở hoạt động tư pháp

Mỗi quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi dưới đây, khi được thực hiện một cách cố ý:

(a) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa hay hứa hẹn, chào mời hay cho một lợi ích không chính đáng để có lời khai gian dối hoặc để can thiệp vào việc khai báo hay việc đưa ra chứng cứ trong thủ tục tố tụng liên quan đến việc phạm các tội được quy định theo Công ước này;

(b) Dùng vũ lực, đe dọa hoặc hăm dọa cản trở việc thi hành công vụ của viên chức tư pháp hay viên chức thực thi pháp luật liên quan đến việc thực hiện tội phạm được quy định theo Công ước này. Không quy định nào trong khoản này gây phương hại đến quyền của các quốc gia thành viên ban hành các quy định bảo vệ công chức thuộc lĩnh vực khác.

Điều 26. Trách nhiệm của pháp nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết, phù hợp với các nguyên tắc pháp luật của mình, để quy định trách nhiệm của pháp nhân về việc tham gia vào các tội phạm được quy định theo Công ước này.

2. Phụ thuộc vào các nguyên tắc pháp luật của quốc gia thành viên, trách nhiệm của pháp nhân có thể là trách nhiệm hình sự, dân sự hoặc hành chính.

3. Trách nhiệm này không ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của cá nhân đã thực hiện tội phạm.

4. Cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo các pháp nhân chịu trách nhiệm theo quy định của Điều này phải chịu chế tài hình sự hoặc phi hình sự hiệu quả, tương xứng và có tác dụng ngăn ngừa, kể cả hình phạt tiền.

Điều 27. Đồng phạm, nỗ lực phạm tội

1. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm, hành vi tham gia với bất kỳ tư cách nào vào việc phạm những tội được quy định theo Công ước này, như đồng phạm, người giúp sức hay người xúi giục.

2. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định là tội phạm, hành vi nỗ lực thực hiện các tội phạm được quy định theo Công ước này.

3. Phù hợp với pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm, hành vi chuẩn bị phạm một tội phạm được quy định theo Công ước này.

Điều 28. Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành tội phạm

Ý thức, ý định hoặc mục đích là các yếu tố cấu thành của một tội phạm được quy định theo Công ước này có thể được suy đoán từ hoàn cảnh thực tế khách quan.

Điều 29. Thời hiệu

Phù hợp với pháp luật nước mình, khi thích hợp, mỗi quốc gia thành viên sẽ quy định về thời hiệu đủ dài để bắt đầu quá trình tố tụng đối với bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này và quy định về thời hiệu dài hơn hoặc quy định không áp dụng thời hiệu khi người bị coi là phạm tội lẩn tránh quá trình tố tụng.

Điều 30. Truy tố, xét xử và chế tài

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo các tội phạm được quy định theo Công ước này phải chịu những hình phạt có tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm đó.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để thiết lập hoặc duy trì, phù hợp với hệ thống pháp luật và các nguyên tắc hiến định của mình, sự cân bằng hợp lý giữa quyền miễn trừ hoặc đặc quyền tư pháp dành cho đội ngũ công chức để thực hiện nhiệm vụ và khả năng, khi cần thiết để điều tra, truy tố, xét xử một cách có hiệu quả các tội phạm được quy định theo Công ước này.

3. Mỗi quốc gia thành viên cố gắng đảm bảo các quyền thực thi pháp luật độc lập theo quy định của pháp luật quốc gia liên quan đến việc truy tố người thực hiện tội phạm được quy định theo Công ước này đều được thực hiện để tối đa hoá hiệu quả của các biện pháp thực thi pháp luật xử lý các tội phạm trên và tôn trọng đúng mức sự cần thiết phải ngăn chặn các tội phạm trên.

4. Đối với các tội phạm được quy định theo Công ước này, căn cứ vào pháp luật quốc gia và tôn trọng

đúng mức quyền bào chữa, mỗi quốc gia thành viên sẽ có các biện pháp thích hợp để đảm bảo các điều kiện được đặt ra đối với những quyết định miễn việc tạm giam trong thời gian chờ xét xử hoặc kháng án phải tính đến yêu cầu đảm bảo sự có mặt của bị cáo trong các quá trình tố tụng hình sự sau đó.

5. Mỗi quốc gia thành viên phải tính đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm có liên quan khi cân nhắc thực hiện của việc tha trước thời hạn hay ân xá người bị kết án về tội phạm này.

6. Trong phạm vi cho phép bởi các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thiết lập các thủ tục mà thông qua đó một công chức bị buộc tội có hành vi phạm tội được quy định theo Công ước này có thể, khi thích hợp, bị cách chức, đình chỉ hoặc điều động công tác bởi cơ quan có thẩm quyền, song, cần tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội.

7. Trường hợp được phép, căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của tội phạm, trong phạm vi cho phép bởi các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét thiết lập các quy trình để tước bỏ, theo lệnh của tòa án hoặc theo bất kỳ cách thức thích hợp nào khác, trong thời hạn do pháp luật quốc gia quy định, quyền của người bị kết án về các tội phạm quy định trong Công ước này được:

a) Giữ một chức vụ công; và

b) Giữ một chức vụ trong một doanh nghiệp Nhà nước sở hữu toàn bộ hay một phần.

8. Khoản 1 của Điều này không làm phương hại đến các quyền quyết định kỷ luật của các cơ quan chức năng đối với công chức.

9. Không quy định nào trong Công ước này ảnh hưởng đến nguyên tắc là việc quy định tội phạm được quy định theo Công ước này và các quy định về bào chữa hay các nguyên tắc pháp lý khác về tính hợp pháp của hành vi phải được dành cho pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên và các tội phạm này phải bị truy tố và xử phạt theo quy định của pháp luật quốc gia đó.

10. Các quốc gia thành viên cố gắng thúc đẩy việc hoà nhập xã hội của người bị kết án do phạm tội được quy định theo Công ước này.

Điều 31. Phong tỏa, tạm giữ và tịch thu

1. Trong phạm vi rộng nhất được hệ thống pháp luật quốc gia cho phép, mỗi quốc gia thành viên sẽ ban hành các quy định cần thiết cho phép tịch thu:

(a) Tài sản do phạm tội mà có có nguồn gốc từ tội phạm được quy định theo Công ước này hoặc tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có nói trên;

(b) Tài sản, trang thiết bị hay công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội quy định theo Công ước này.

2. Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép nhận dạng, truy nguyên, phong tỏa hoặc tạm giữ bất kỳ loại tài sản nào quy định tại khoản 1 của Điều này để thực hiện mục đích cuối cùng là tịch thu.

3. Theo pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để điều chỉnh việc các cơ quan chức năng quản lý tài sản bị phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu nói tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Nếu tài sản do phạm tội mà có đã bị biến đổi hoặc chuyển đổi, một phần hoặc toàn bộ, thành tài sản khác, tài sản khác này sẽ là đối tượng áp dụng các biện pháp nói tại Điều này thay cho tài sản do phạm tội mà có.

5. Nếu tài sản do phạm tội mà có lẫn lộn với tài sản có nguồn gốc hợp pháp, trên cơ sở không phương hại đến các quyền liên quan đến việc phong tỏa hoặc tạm giữ, tài sản có nguồn gốc hợp pháp sẽ bị tịch thu phần giá trị được định giá là có từ tài sản do phạm tội mà có.

6. Thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó lẫn lộn một phần là tài sản do phạm tội mà có sẽ là đối tượng của các biện pháp quy định tại Điều này, chịu xử lý theo cách thức và mức độ như đối với tài sản do phạm tội mà có.

7. Để thi hành Điều này và Điều 55 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên trao cho toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quyền yêu cầu công khai các hồ sơ ngân hàng, tài chính, thương mại hoặc thu các hồ sơ này. Một quốc gia thành viên không được từ chối thực hiện theo quy định của khoản này với lý do giữ bí mật ngân hàng.

8. Các quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu người có hành vi phạm tội phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị cho là do phạm tội mà có hoặc tài sản khác chịu tịch thu, trong chừng mực mà yêu cầu này phải tuân theo các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia và với tính chất của hoạt động xét xử và các hoạt động tố tụng khác.

9. Các quy định tại Điều này không được hiểu theo cách làm phương hại đến quyền của bên thứ ba ngay tình.

10. Không quy định nào của Điều này ảnh hưởng đến nguyên tắc là các quy định mà Điều này đề cập đến phải được xác định và thực hiện căn cứ trên và phụ thuộc vào các quy định trong pháp luật của quốc gia thành viên.

Điều 32. Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp, theo pháp luật quốc gia và trong khả năng có thể để bảo vệ một cách hiệu quả nhân chứng và chuyên gia, những người đã đưa ra bằng chứng hoặc chứng thực liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này và, nếu phù hợp, bảo vệ cả thân nhân và những người gần gũi với họ, khỏi những nguy cơ trả thù hay đe dọa

2. Không phương hại đến các quyền của bị cáo, kể cả quyền được xét xử một cách đúng luật, các biện pháp nêu trong khoản 1 của Điều này có thể bao gồm:

(a) Thiết lập các thủ tục bảo vệ an toàn thân thể những người này, chẳng hạn, trong phạm vi cần thiết và khả thi, tái định cư họ và quy định, nếu phù hợp, không

tiết lộ hoặc tiết lộ hạn chế thông tin liên quan đến nhận dạng hoặc nơi ở của những người này;

(b) Đưa ra các quy định về chứng cứ cho phép nhân chứng và chuyên gia có thể làm chứng hoặc chứng thực theo cách đảm bảo an toàn cho họ, chẳng hạn có thể cho phép việc làm chứng hoặc chứng thực được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin liên lạc như video hay các phương tiện thích hợp khác.

3. Các quốc gia thành viên xem xét việc tham gia ký kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận với quốc gia khác để tái định cư những người được nêu tại khoản 1 của Điều này.

4. Các quy định của Điều này cũng được áp dụng cho những nạn nhân có vai trò như nhân chứng.

5. Phụ thuộc vào quy định của pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ cho phép những ý kiến và quan ngại của nạn nhân được trình bày và được xem xét ở giai đoạn nhất định của quá trình tố tụng hình sự đối với người phạm tội, theo cách không phương hại đến các quyền bào chữa.

Điều 33. Bảo vệ người tố giác

Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định các biện pháp thích hợp trong hệ thống pháp luật quốc gia để bảo vệ trước những đối xử bất công đối với bất kỳ người nào tố giác, với thiện ý và dựa trên những căn cứ hợp lý, với cơ quan có thẩm quyền về bất cứ vụ việc nào có liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này.

Điều 34. Hậu quả của hành vi tham nhũng

Tôn trọng các quyền mà bên thứ ba có được một cách có thiện ý, các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp, căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, để giải quyết hậu quả của việc tham nhũng. Về khía cạnh này, các quốc gia thành viên có thể xem xét tham nhũng như là một yếu tố có liên quan trong các vụ kiện để huỷ bỏ hay bãi bỏ hợp đồng, rút lại sự nhượng quyền hay các giấy tờ tương tự khác hoặc áp dụng các biện pháp khắc phục thích hợp.

Điều 35. Bồi thường thiệt hại

Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, để đảm bảo rằng tổ chức hoặc người chịu thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra có quyền khởi kiện tổ chức hoặc người có trách nhiệm đối với những thiệt hại này để đòi bồi thường.

Điều 36. Cơ quan chuyên trách

Căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của hệ thống pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ đảm bảo có một hoặc một số cơ quan chuyên trách hoặc đội ngũ cán bộ đấu tranh chống tham nhũng thông qua việc thực thi pháp luật. Những cơ quan hay cá nhân này sẽ được trao cho sự độc lập cần thiết, căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của quốc gia thành viên, để có thể thực hiện nhiệm vụ một cách có hiệu quả và không phải chịu bất kỳ sự ảnh hưởng trái pháp luật nào. Đội ngũ cán bộ của các cơ quan này

phải được đào tạo và cung cấp các phương tiện vật chất thích hợp để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 37. Hợp tác với cơ quan thực thi pháp luật

1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm khuyến khích người tham gia hay người đã tham gia thực hiện một tội phạm được quy định trong Công ước cung cấp thông tin hữu ích cho các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục đích điều tra và thu thập chứng cứ cũng như cung cấp sự giúp đỡ thực sự, cụ thể cho các cơ quan chức năng, góp phần ngăn cản những kẻ phạm tội có được tài sản do phạm tội mà có và thu hồi lại tài sản đó.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét quy định khả năng giảm nhẹ hình phạt, trong những vụ việc thích hợp, đối với người bị tố cáo nhưng đã hợp tác tích cực trong quá trình điều tra hay truy tố một tội phạm được quy định trong Công ước này.

3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét quy định, trên cơ sở phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, khả năng miễn trừ truy tố đối với người đã hợp tác tích cực trong quá trình điều tra hay truy tố một tội phạm được quy định trong Công ước này.

4. Việc bảo vệ những người này cũng được thực hiện như quy định tại Điều 32 của Công ước này với những sửa đổi cần thiết.

5. Nếu người nêu trong khoản 1 của Điều này cư trú ở một quốc gia thành viên có thể hợp tác tích cực với các cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia thành

viên khác thì các quốc gia thành viên có liên quan có thể xem xét đi đến thoả thuận hay dàn xếp với nhau, trên cơ sở phù hợp với pháp luật nước mình, về việc quốc gia thành viên kia có thể dành sự đối xử được đề cập tại các khoản 2 và 3 của Điều này.

Điều 38. Hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền quốc gia

Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp với pháp luật nước mình sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền quốc gia cũng như các công chức của các cơ quan này hợp tác với các cơ quan chịu trách nhiệm về điều tra và truy tố tội phạm. Sự hợp tác đó có thể bao gồm:

(a) Khi có những cơ sở hợp lý để cho rằng một tội phạm trong những tội phạm được quy định tại các Điều 15, 21 và 23 của Công ước này đã được thực hiện thì chủ động thông báo cho những cơ quan chịu trách nhiệm điều tra hoặc tố tụng;

(b) Nếu được yêu cầu thì cung cấp cho cơ quan chức năng chịu trách nhiệm điều tra và tố tụng tất cả những thông tin cần thiết.

Điều 39. Hợp tác giữa cơ quan chức năng quốc gia và khu vực tư nhân

1. Mỗi quốc gia thành viên, trên cơ sở phù hợp pháp luật nước mình, áp dụng các biện pháp cần thiết khuyến khích mối quan hệ hợp tác giữa cơ quan điều tra và tố tụng quốc gia và các tổ chức thuộc khu vực tư nhân, đặc biệt là các thể chế tài chính, về những vấn

đề liên quan đến các loại tội phạm mà Công ước này điều chỉnh.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét khuyến khích công dân nước mình và những người khác cư trú thường xuyên trên lãnh thổ nước mình báo cáo cho cơ quan điều tra và tố tụng quốc gia khi phát hiện thấy một tội phạm quy định trong Công ước này đã được thực hiện.

Điều 40. Bí mật ngân hàng

Mỗi quốc gia thành viên đảm bảo rằng, quá trình điều tra hình sự trong nước về những tội phạm được quy định theo Công ước này sẽ có các cơ chế thích hợp quy định trong hệ thống pháp luật quốc gia để giúp khắc phục những cản trở có thể nảy sinh từ việc áp dụng các quy định pháp luật về bí mật ngân hàng.

Điều 41. Hồ sơ hình sự

Mỗi quốc gia thành viên của Công ước sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác, theo các quy định và nhằm những mục đích mà quốc gia đó cho là phù hợp, nhằm xem xét đến bất kỳ bản án có từ trước nào đối với một người phạm tội tại một quốc gia khác nhằm mục đích sử dụng những thông tin đó vào quá trình tố tụng hình sự một tội phạm được quy định trong Công ước này.

Điều 42. Quyền tài phán

1. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện trên lãnh thổ của quốc gia thành viên đó; hay

(b) Tội phạm đó được thực hiện trên tàu thuyền đang treo cờ của quốc gia thành viên đó hay một máy bay được đăng ký theo luật của quốc gia thành viên đó tại thời điểm tội phạm đó được thực hiện.

2. Tuân thủ Điều 4 của Công ước này, một quốc gia thành viên cũng có thể quy định quyền tài phán của mình đối với bất kỳ tội phạm nào như vậy khi:

(a) Tội phạm đó được thực hiện đối với một công dân của quốc gia thành viên đó; hoặc

(b) Tội phạm đó được thực hiện bởi một công dân hay bởi một người không có quốc tịch nhưng thường trú trên lãnh thổ của quốc gia thành viên đó; hoặc

(c) Tội phạm đó là một trong những tội phạm được quy định theo khoản 1 (b) (ii) Điều 23 của Công ước này và được thực hiện bên ngoài lãnh thổ nước mình nhằm mục đích thực hiện một tội phạm được quy định theo khoản 1 (a) (i) hoặc (ii) hay (b) (i) Điều 23 của Công ước này trong phạm vi lãnh thổ nước mình;

(d) Tội phạm đó được thực hiện chống lại quốc gia thành viên đó.

3. Nhằm mục đích thực hiện Điều 44 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm quy định quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi người được coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ nước mình và không dẫn độ người đó chỉ vì người đó là công dân của nước mình.

4. Mỗi quốc gia thành viên cũng có thể sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thiết lập quyền tài phán của mình đối với những tội phạm được quy định trong Công ước này khi người được coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ nước mình và quốc gia thành viên không dẫn độ người đó.

5. Nếu một quốc gia thành viên thực hiện quyền tài phán của mình theo khoản 1 hay 2 của Điều này đã được thông báo, hay đã biết theo cách khác, rằng một quốc gia thành viên khác đang tiến hành điều tra, truy tố hay thực hiện thủ tục tư pháp đối với cùng một hành vi, khi thích hợp, các cơ quan có thẩm quyền của những quốc gia thành viên này sẽ tham khảo với nhau nhằm phối hợp hành động.

6. Không ảnh hưởng tới những nguyên tắc của pháp luật quốc tế nói chung, Công ước này không loại trừ việc thực hiện quyền tài phán hình sự do một Quốc gia thành viên quy định phù hợp với pháp luật của nước đó.

CHƯƠNG IV. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 43. Hợp tác quốc tế

1. Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác về các vấn đề hình sự theo quy định tại các điều từ Điều 44 đến Điều 50 của Công ước này. Khi thích hợp và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc gia của mình, các quốc gia thành viên sẽ xem xét trợ giúp cho nhau trong việc điều tra, tố tụng các vấn đề dân sự và hành chính liên quan đến tham nhũng.

2. Trong các vấn đề hợp tác quốc tế, khi nguyên tắc cùng hình sự hoá được coi là một yêu cầu, thì yêu cầu này được coi là được đáp ứng nếu hành vi cấu thành tội phạm được yêu cầu trợ giúp là một tội phạm theo pháp luật của cả hai quốc gia thành viên, bất kể pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu có quy định tội phạm liên quan có cùng loại với tội phạm hoặc định danh tội phạm theo cùng một thuật ngữ giống như quốc gia thành viên yêu cầu hay không.

Điều 44. Dẫn độ

1. Điều này được áp dụng đối với các tội phạm được quy định trong Công ước này khi người là đối tượng của yêu cầu dẫn độ có mặt trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu, với điều kiện tội phạm làm nảy sinh yêu cầu dẫn độ là tội phạm mà cả quốc gia thành viên yêu cầu và quốc gia thành viên được yêu cầu đều quy định sẽ bị trừng trị.

2. Dù có các quy định tại khoản 1 Điều này, nếu pháp luật nước mình cho phép, một quốc gia thành viên có thể cho tiến hành dẫn độ một người về bất kỳ tội nào quy định trong Công ước này mà tội phạm đó không bị trừng trị theo pháp luật quốc gia của mình.

3. Nếu yêu cầu dẫn độ bao gồm một số tội phạm riêng biệt mà ít nhất một trong số đó có thể bị dẫn độ theo Điều này và một số không bị dẫn độ theo Điều này vì lý do thời hạn bị phạt tù nhưng có liên quan đến các tội phạm được quy định trong Công ước này, thì quốc gia được yêu cầu cũng có thể áp dụng Điều này đối với các tội phạm đó.

4. Mỗi tội phạm trong số các tội phạm mà Điều này áp dụng sẽ được coi là một tội phạm có thể bị dẫn độ trong các điều ước về dẫn độ hiện có giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên cam kết sẽ đưa các tội phạm đó là các tội phạm có thể bị dẫn độ vào các điều ước về dẫn độ mà mình sẽ ký kết. Trong trường hợp một quốc gia thành viên sử dụng Công ước này làm cơ sở cho việc dẫn độ, quốc gia đó, nếu pháp luật nước cho phép, sẽ không được coi bất kỳ tội phạm nào được quy định theo Công ước này là tội phạm chính trị.

5. Nếu một quốc gia thành viên quy định việc dẫn độ chỉ được thực hiện trên cơ sở có một điều ước, nhận được yêu cầu dẫn độ từ quốc gia thành viên khác mà giữa hai quốc gia này không có điều ước về dẫn độ, quốc gia được yêu cầu có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ loại tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của điều này.

6. Quốc gia thành viên quy định việc dẫn độ chỉ được thực hiện trên cơ sở có hiệp định dẫn độ:

(a) Vào thời điểm gửi lưu văn kiện phê chuẩn, công nhận, thông qua hoặc gia nhập Công ước này, sẽ thông báo cho Tổng Thư ký Liên hiệp Quốc về việc có lấy Công ước này làm căn cứ pháp lý cho hợp tác dẫn độ với các quốc gia thành viên khác của Công ước này hay không; và

(b) Nếu không chấp nhận Công ước này là căn cứ pháp lý để hợp tác dẫn độ thì khi có thể sẽ ký kết các điều ước về dẫn độ với các quốc gia thành viên khác của Công ước này để thực hiện điều này.

7. Các quốc gia thành viên không quy định việc dẫn độ phụ thuộc vào một hiệp định dẫn độ sẽ công nhận các tội phạm quy định trong Điều này là các tội phạm có thể bị dẫn độ giữa chính các quốc gia này với nhau.

8. Việc dẫn độ sẽ tuân theo các điều kiện quy định trong pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ hoặc các điều ước về dẫn độ liên quan, trong đó có điều kiện về yêu cầu hình phạt tối thiểu và về những căn cứ mà dựa vào đó quốc gia được yêu cầu có thể từ chối dẫn độ.

9. Trên cơ sở tuân thủ pháp luật nước mình, các quốc gia thành viên sẽ cố gắng xúc tiến thủ tục dẫn độ và đơn giản hoá các yêu cầu về chứng cứ đối với bất kỳ tội phạm nào mà điều khoản này được áp dụng.

10. Trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và các điều ước về dẫn độ của mình, quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ khi thấy hoàn cảnh cho phép và cấp thiết đồng thời nếu được đề nghị bởi quốc gia yêu cầu dẫn độ thì có thể tạm giam người là đối tượng dẫn độ đang có mặt trên lãnh thổ nước mình hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp khác để bảo đảm rằng người đó sẽ có mặt khi tiến hành thủ tục dẫn độ.

11. Đối với quốc gia thành viên có người bị coi là tội phạm trên lãnh thổ của mình, nếu không dẫn độ người này chỉ vì người này là công dân nước mình, thì theo đề nghị của quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ, quốc gia đó sẽ nhanh chóng đưa vụ việc ra cho các cơ quan chức năng nước mình để truy tố. Các cơ quan chức năng này sẽ ra quyết định và thực hiện quá trình tố tụng theo

cách vẫn làm đối với loại tội phạm nghiêm trọng theo pháp luật của quốc gia thành viên đó. Các quốc gia có liên quan sẽ hợp tác với nhau, đặc biệt là về mặt thủ tục và chứng cứ, để bảo đảm hiệu quả của việc xét xử.

12. Bất cứ khi nào một quốc gia thành viên theo pháp luật quốc gia được phép dẫn độ hoặc sẽ được giao nộp một công dân nước mình chỉ với điều kiện là người này sẽ được đưa trở lại nước mình để chấp hành hình phạt là kết quả của một phiên toà hay thủ tục tố tụng được thực hiện sau khi người này bị dẫn độ hay giao nộp và quốc gia thành viên đó và quốc gia thành viên yêu cầu dẫn độ cùng nhất trí với lựa chọn này cũng như với các điều khoản khác mà hai bên thấy phù hợp, việc dẫn độ hoặc giao nộp có điều kiện đó được coi là đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nêu tại khoản 11 của Điều này.

13. Nếu yêu cầu dẫn độ để thi hành một bản án bị từ chối do đối tượng yêu cầu dẫn độ là công dân của quốc gia được yêu cầu, thì quốc gia thành viên được yêu cầu, nếu pháp luật nước mình cho phép và phù hợp với những yêu cầu của pháp luật nước mình sẽ xem xét việc thi hành bản án đã được tuyên theo pháp luật của quốc gia thành viên yêu cầu hoặc phần còn lại của bản án đó, trên cơ sở đề nghị của quốc gia thành viên yêu cầu.

14. Bất cứ người nào đang trong quá trình tố tụng vì có liên quan tới những tội phạm mà Điều này điều chỉnh đều được bảo đảm đối xử công bằng ở tất cả các quá trình tố tụng, được hưởng tất cả các quyền cùng các hình thức đảm bảo mà pháp luật của quốc gia nơi người đó đang có mặt quy định.

15. Không điều khoản nào trong Công ước này được hiểu là bắt buộc dẫn độ nếu quốc gia thành viên được yêu cầu dẫn độ có cơ sở đầy đủ để tin rằng yêu cầu dẫn độ đó nhằm mục đích truy tố hay trừng phạt một người vì lí do giới tính, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc sắc tộc hay quan điểm chính trị của người đó hoặc việc đáp ứng yêu cầu dẫn độ có thể gây tổn hại đến tình thế của người đó vì bất kỳ lí do nào nói trên.

16. Các quốc gia thành viên không được từ chối yêu cầu dẫn độ chỉ dựa trên lý do duy nhất là tội phạm đó cũng được coi là có liên quan đến các vấn đề tài chính.

17. Trước khi từ chối dẫn độ, quốc gia thành viên được yêu cầu khi thích hợp sẽ thảo luận với quốc gia thành viên yêu cầu để tạo điều kiện cho quốc gia thành viên yêu cầu trình bày quan điểm của mình và cung cấp thông tin về việc buộc tội đó.

18. Các Quốc gia thành viên sẽ cố gắng ký kết các hiệp định hoặc thoả thuận song phương và đa phương để thực hiện việc dẫn độ hoặc tăng cường hiệu quả dẫn độ.

Điều 45. Chuyển giao người bị kết án

Các quốc gia thành viên có thể cân nhắc việc ký kết các hiệp định hay thoả thuận song phương hoặc đa phương về việc chuyển giao đến lãnh thổ của mình những người bị kết án tù hoặc chịu các hình thức tước quyền tự do khác do đã phạm những tội được quy định trong Công ước này để họ có thể chấp hành xong bản án ở nơi chuyển đến.

Điều 46. Tương trợ pháp lý

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho nhau sự hỗ trợ pháp lý tối đa liên quan đến điều tra, truy tố và xét xử những loại tội phạm được quy định trong Công ước này.

2. Tương trợ pháp lý được thực hiện ở mức độ cao nhất có thể theo các luật, điều ước, hiệp định và thoả thuận tương ứng của quốc gia thành viên được yêu cầu liên quan tới việc điều tra, truy tố và xét xử đối với các loại tội phạm mà một pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm ở quốc gia thành viên yêu cầu theo Điều 26 của Công ước này.

3. Yêu cầu tương trợ pháp lý theo điều khoản này có thể được đưa ra để thực hiện một trong các mục đích sau đây:

- (a) Lấy chứng cứ hoặc lời khai của người có liên quan;
- (b) Tổng đạt tài liệu tư pháp;
- (c) Tìm kiếm, tạm giữ và phong tỏa;
- (d) Khám nghiệm vật thể và hiện trường;
- (e) Cung cấp thông tin, chứng cứ và giám định;
- (f) Cung cấp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của tài liệu và hồ sơ, bao gồm cả hồ sơ của chính phủ, ngân hàng, tài chính, công ty hay doanh nghiệp;
- (g) Xác định hoặc truy tìm tiền phạm pháp, tài sản, công cụ hoặc những đồ vật khác để làm chứng cứ;
- (h) Tạo điều kiện thuận lợi cho sự có mặt tự nguyện của các cá nhân ở Quốc gia yêu cầu;

(i) Các hình thức trợ giúp khác không trái với pháp luật của quốc gia được yêu cầu;

(k) Xác minh, phong toả và truy tìm tài sản do phạm tội mà có theo các quy định tại Chương V của Công ước này;

(l) Việc thu hồi tài sản theo các quy định tại Chương V của Công ước này.

4. Trên cơ sở không trái với pháp luật quốc gia, dù không có yêu cầu trước đó, các cơ quan chức năng của một quốc gia thành viên có thể chuyển thông tin liên quan đến tội phạm cho cơ quan chức năng của quốc gia khác nếu họ tin rằng thông tin đó có thể hỗ trợ cho cơ quan này tiến hành hay kết thúc thành công các cuộc điều tra và tố tụng hình sự hoặc rằng việc chuyển thông tin đó sẽ dẫn tới việc quốc gia khác kia đưa yêu cầu theo Công ước này.

5. Việc chuyển thông tin theo khoản 4 của Điều này không được gây ảnh hưởng đến quá trình điều tra và tố tụng hình sự ở quốc gia của các cơ quan chức năng cung cấp thông tin. Các cơ quan chức năng nhận thông tin phải tuân thủ yêu cầu về việc giữ bí mật thông tin, dù chỉ tạm thời, hoặc yêu cầu về việc hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, điều này không cản trở quốc gia nhận thông tin tiết lộ thông tin này trong quá trình tố tụng để minh oan cho một người bị buộc tội. Trong trường hợp đó, quốc gia nhận thông tin sẽ thông báo cho quốc gia cung cấp thông tin trước khi thông tin được tiết lộ và nếu được yêu cầu thì sẽ trao đổi với quốc gia cung cấp thông tin. Trong trường hợp ngoại lệ, nếu không thể thông báo trước được, quốc

gia nhận thông tin phải thông báo ngay cho quốc gia cung cấp thông tin về việc đã tiết lộ thông tin.

6. Các quy định ở Điều này không ảnh hưởng đến những nghĩa vụ được quy định ở bất kỳ điều ước song phương hay đa phương nào, điều chỉnh hoặc sẽ điều chỉnh, một phần hoặc toàn bộ hoạt động tương trợ pháp lý.

7. Các khoản từ 9 đến 29 của Điều này áp dụng đối với các yêu cầu được lập căn cứ theo Điều này nếu giữa các quốc gia hữu quan không có điều ước về tương trợ pháp lý. Nếu giữa các quốc gia đó có điều ước tương trợ pháp lý, các quy định tương ứng của điều ước đó sẽ được áp dụng trừ khi các quốc gia thành viên thoả thuận áp dụng các khoản từ 9 đến 29 của Điều này để thay thế. Khuyến khích mạnh mẽ các quốc gia thành viên áp dụng các khoản này nếu chúng tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác.

8. Các quốc gia thành viên sẽ không từ chối tương trợ pháp lý theo Điều này vì lý do đảm bảo bí mật ngân hàng.

9. (a) Một quốc gia thành viên, khi phúc đáp yêu cầu tương trợ theo Điều này trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá, sẽ cân nhắc đến các mục đích của Công ước này được quy định tại Điều 1;

(b) Các quốc gia thành viên có thể từ chối trợ giúp theo Điều này với lý do thiếu điều kiện cùng hình sự hoá. Tuy nhiên, quốc gia thành viên, khi phù hợp với các khái niệm cơ bản của pháp luật của mình sẽ phải trợ giúp nếu việc trợ giúp này không liên quan đến những hành vi mang tính cưỡng chế. Việc trợ giúp như vậy có

thể bị từ chối khi yêu cầu có liên quan đến những vấn đề nhỏ nhất hoặc các vấn đề mà việc hợp tác hoặc trợ giúp có thể được thực hiện theo các quy định khác của Công ước này;

(c) Mỗi quốc gia thành viên có thể xem xét áp dụng các biện pháp cần thiết để có thể mở rộng phạm vi trợ giúp theo Điều này trong trường hợp thiếu điều kiện cùng hình sự hoá.

10. Người đang chịu hình phạt tù hoặc đang thi hành một bản án trên lãnh thổ của một quốc gia thành viên nhưng lại bị quốc gia thành viên khác yêu cầu có mặt vì mục đích nhận diện, điều trần, hoặc các mục đích khác để hỗ trợ việc thu thập chứng cứ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm được Công ước này điều chỉnh, có thể bị chuyển giao nếu các điều kiện sau được đáp ứng:

(a) Người đó tự nguyện đồng ý sau khi đã biết có yêu cầu;

(b) Các cơ quan chức năng của cả hai quốc gia thành viên đồng ý, phụ thuộc vào các điều kiện mà các quốc gia thành viên này cho là phù hợp.

11. Vì mục đích của khoản 10 Điều này:

(a) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến có quyền và nghĩa vụ phải quản chế người được chuyển, trừ trường hợp có đề nghị hoặc cho phép khác từ Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đi;

(b) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến phải ngay lập tức thực hiện nghĩa vụ của mình trả người đó về sự quản chế của quốc gia thành viên mà từ

đó người đó được chuyển đi theo thoả thuận trước đó hay thoả thuận khác giữa các cơ quan chức năng của cả hai quốc gia đã đồng ý trước đó, hoặc đã thoả thuận khác;

(c) Quốc gia thành viên mà người đó được chuyển đến không được yêu cầu Quốc gia chuyển người đó đi áp dụng thủ tục dẫn độ để đưa người đó trở về;

(d) Người bị chuyển giao phải được công nhận là đã thi hành bản án đang thi hành ở quốc gia thành viên chuyển đi cho thời gian bị giam ở quốc gia thành viên chuyển đến.

12. Người bị chuyển giao, bất kể mang quốc tịch gì, sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hoặc chịu bất cứ sự hạn chế về tự do cá nhân nào trong lãnh thổ của quốc gia chuyển đến vì những hành vi, bất hành động, hay bản án có từ trước khi người này rời khỏi lãnh thổ của quốc gia chuyển đi; trừ trường hợp quốc gia thành viên chuyển đi đồng ý căn cứ theo khoản 10 và 11 của Điều này.

13. Mỗi quốc gia thành viên sẽ chỉ định một cơ quan trung ương có trách nhiệm và quyền hạn tiếp nhận các yêu cầu về tương trợ pháp lý; thực hiện hoặc chuyển chúng đến các cơ quan chức năng khác để thực hiện. Trường hợp quốc gia thành viên có một vùng lãnh thổ đặc biệt với một cơ chế thực hiện tương trợ pháp lý riêng biệt, thì có thể chỉ định một cơ quan trung ương riêng biệt có chức năng tương tự cho vùng lãnh thổ đó. Các cơ quan trung ương phải đảm bảo thực hiện hoặc chuyển giao khẩn trương và đầy đủ các yêu cầu nhận được. Trường hợp cơ quan trung ương chuyển yêu cầu

đến cơ quan chức năng để thực hiện, cơ quan trung ương phải khuyến khích thực hiện khẩn trương và đầy đủ yêu cầu đó. Tổng thư ký Liên hợp Quốc phải được thông báo về cơ quan trung ương được chỉ định cho mục đích này tại thời điểm mỗi bên gửi lưu văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này. Các yêu cầu tương trợ pháp lý và mọi liên lạc có liên quan phải được chuyển đến các cơ quan trung ương mà các quốc gia thành viên chỉ định. Đòi hỏi này không vi phạm quyền của một quốc gia thành viên yêu cầu rằng những yêu cầu tương trợ pháp lý và liên lạc đó phải thông qua đường ngoại giao và, trong các trường hợp khẩn cấp, nếu các quốc gia thành viên đồng ý, thì qua Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế, nếu có thể.

14. Yêu cầu tương trợ pháp lý phải được lập thành văn bản hoặc, nếu có thể, bằng những cách có khả năng tạo ra văn bản, bằng ngôn ngữ mà quốc gia được yêu cầu chấp nhận, theo các điều kiện cho phép quốc gia thành viên đó xác minh được tính xác thực. Tổng thư ký Liên hợp Quốc phải được thông báo về ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ trong yêu cầu tương trợ pháp lý mà mỗi quốc gia thành viên có thể chấp nhận tại thời điểm mỗi bên gửi lưu văn kiện thông qua, chấp nhận, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này. Trong các trường hợp khẩn cấp và nếu các quốc gia thành viên đồng ý, các yêu cầu tương trợ pháp lý bằng miệng có thể được chấp nhận nhưng sau đó phải có xác nhận lại bằng văn bản.

15. Văn bản yêu cầu tương trợ pháp lý phải bao gồm:

(a) Đặc trưng nhận biết của cơ quan đưa yêu cầu;

(b) Đối tượng và bản chất của việc điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến yêu cầu và tên gọi, chức năng của cơ quan điều tra, truy tố hoặc xét xử;

(c) Tóm tắt về những sự kiện liên quan, trừ trường hợp yêu cầu tương trợ pháp lý nhằm mục đích tổng đạt tài liệu tư pháp;

(d) Miêu tả việc trợ giúp và nêu chi tiết về quy trình cụ thể mà Quốc gia yêu cầu muốn được thực hiện;

(e) Nếu có thể, nêu đặc điểm nhận dạng, nơi ở và quốc tịch của người có liên quan; và

(f) Mục đích của việc tìm kiếm chứng cứ, thông tin hay hành động.

16. Quốc gia thành viên được yêu cầu có thể đề nghị được cung cấp thêm thông tin nếu điều đó là cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu theo quy định của pháp luật nước mình hoặc nếu thông tin bổ sung đó giúp hỗ trợ việc thực hiện tương trợ.

17. Đơn yêu cầu phải sẽ thực hiện trên cơ sở phù hợp với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu và, trong chừng mực không trái với pháp luật của quốc gia thành viên được yêu cầu và khi có thể theo trình tự thủ tục nêu cụ thể trong đơn yêu cầu.

18. Bất cứ khi nào có thể và phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, khi một cá nhân đang ở trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên và cần phải trình bày ý kiến trước các cơ quan tư pháp của một quốc gia thành viên khác với tư cách là người làm chứng, hay chuyên gia, thì theo đề nghị của bên kia, quốc gia thành

viên ban đầu có thể cho phép buổi trình bày được thực hiện qua hình thức trao đổi qua video nếu người có liên quan không thể hoặc muốn có mặt trên lãnh thổ của quốc gia yêu cầu. Các quốc gia thành viên có thể thống nhất rằng buổi trình bày sẽ được tổ chức bởi cơ quan tư pháp của quốc gia thành viên yêu cầu với sự tham dự của một cơ quan tư pháp của quốc gia thành viên được yêu cầu.

19. Quốc gia yêu cầu không được chuyển giao hoặc sử dụng thông tin hay chứng cứ được cung cấp bởi quốc gia được yêu cầu cho việc điều tra, truy tố, xét xử khác với những việc đã nêu cụ thể trong đơn yêu cầu mà chưa có sự đồng ý trước của quốc gia được yêu cầu. Không có quy định nào trong khoản này ngăn cản việc quốc gia yêu cầu tiết lộ các thông tin hoặc chứng cứ minh oan cho một người bị kết tội trong quá trình tư pháp. Trong trường hợp vừa nêu, quốc gia yêu cầu phải thông báo quốc gia được yêu cầu biết trước khi tiết lộ và, nếu được yêu cầu thì sẽ thảo luận với quốc gia được yêu cầu về việc này. Nếu, trong trường hợp ngoại lệ, việc báo trước không thể thực hiện được, quốc gia yêu cầu phải thông báo ngay cho quốc gia được yêu cầu sau khi đã tiết lộ thông tin.

20. Quốc gia yêu cầu có thể đề nghị quốc gia được yêu cầu giữ bí mật tình tiết và nội dung của yêu cầu, trừ khi phải tiết lộ tới phạm vi cần thiết để thực hiện yêu cầu. Nếu quốc gia được yêu cầu không thể tuân theo đề nghị giữ bí mật này, thì phải nhanh chóng thông báo cho quốc gia yêu cầu biết.

21. Việc tương trợ pháp lý có thể bị từ chối:

(a) Nếu đơn yêu cầu được lập không đúng theo các quy định của điều này;

(b) Nếu quốc gia được yêu cầu nhận thấy việc thực hiện yêu cầu có khả năng xâm hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác;

(c) Nếu các cơ quan của quốc gia được yêu cầu bị pháp luật quốc gia ngăn cấm thực hiện việc được yêu cầu đối với bất cứ tội phạm tương tự nào, bởi tội phạm đó đã là đối tượng của việc điều tra, truy tố và xét xử trong phạm vi quyền hạn của chính các cơ quan này;

(d) Nếu việc chấp nhận yêu cầu tương trợ pháp lý của đơn yêu cầu này là trái với hệ thống pháp luật của quốc gia được yêu cầu.

22. Các quốc gia thành viên này không được từ chối yêu cầu tương trợ pháp lý chỉ vì lý do tội phạm cũng được coi là có liên quan đến các vấn đề tài chính.

23. Các lý do sẽ được đưa ra đối với bất kỳ sự từ chối tương trợ pháp lý nào.

24. Quốc gia được yêu cầu sẽ thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý ngay khi có thể và sẽ tính toán đầy đủ đến bất kỳ thời hạn nào do quốc gia yêu cầu đề xuất cũng như các lý do được đưa ra đối với thời hạn đó trước hết là các thời hạn nêu trong đơn yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu tương trợ pháp lý có thể đề nghị cung cấp thông tin về tình hình và tiến triển của các biện pháp mà quốc gia thành viên được yêu cầu áp dụng để thực hiện yêu cầu tương trợ pháp lý. Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ trả lời các đề nghị hợp lý của quốc gia thành viên yêu cầu về tình

hình và tiến triển giải quyết đơn yêu cầu. Quốc gia thành viên yêu cầu sẽ sớm thông báo cho quốc gia thành viên được yêu cầu khi sự trợ giúp không còn cần thiết nữa.

25. Tương trợ pháp lý có thể bị hoãn bởi quốc gia thành viên được yêu cầu, do việc đó cản trở một vụ việc đang được điều tra, truy tố, hoặc xét xử.

26. Trước khi từ chối một yêu cầu theo khoản 21 của Điều này hoặc hoãn việc thực hiện theo khoản 25 của Điều này, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ trao đổi với quốc gia thành viên yêu cầu để xem xét liệu việc trợ giúp có thể được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện mà mình cho là cần thiết. Nếu quốc gia yêu cầu chấp nhận việc trợ giúp theo các điều kiện nói trên thì phải tuân thủ các điều kiện này.

27. Không trái với việc áp dụng khoản 12 của Điều này, người làm chứng, chuyên gia hay người nào khác, theo yêu cầu của quốc gia yêu cầu, đồng ý đưa ra chứng cứ trong quá trình tố tụng hoặc đồng ý trợ giúp một cuộc điều tra, truy tố hay xét xử trên lãnh thổ của quốc gia yêu cầu sẽ không bị truy tố, giam giữ, trừng phạt hay phải chịu bất kỳ sự hạn chế nào về tự do cá nhân trên lãnh thổ đó vì việc hành động hay không hành động hoặc một bản án có trước khi người này rời khỏi lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu. Sự đảm bảo an toàn này sẽ chấm dứt khi người làm chứng, chuyên gia hay người khác dù đã có cơ hội trở về nước, trong khoảng thời gian là 15 ngày liên tục hay bất kỳ khoảng thời gian nào khác theo thỏa thuận của các quốc gia thành viên kể từ khi người này được thông báo chính thức rằng sự có mặt của người này

không còn cần thiết nữa đối với các cơ quan tư pháp, nhưng vẫn tự nguyện ở lại lãnh thổ của quốc gia thành viên yêu cầu hoặc đã rời đi nhưng sau đó lại quay lại theo ý nguyện của chính bản thân người này.

28. Các chi phí thông thường cho việc thực hiện một đơn yêu cầu sẽ do quốc gia thành viên được yêu cầu chịu, trừ khi các quốc gia thành viên có liên quan thỏa thuận khác. Nếu đòi hỏi phải có các chi phí lớn hay đặc biệt để thực hiện được đơn yêu cầu, các quốc gia thành viên phải thương thuyết để quyết định các điều khoản và điều kiện mà theo đó đơn yêu cầu sẽ được thực hiện, cũng như cách thức chi phí.

29. Quốc gia thành viên được yêu cầu:

(a) sẽ cung cấp cho quốc gia thành viên yêu cầu bản sao của hồ sơ, tài liệu hay thông tin của Chính phủ mà theo pháp luật nước mình thì những hồ sơ, tài liệu hay thông tin này được công khai cho công chúng;

(b) theo ý chí của mình, có thể cung cấp cho quốc gia thành viên yêu cầu toàn bộ, một phần, hoặc với các điều kiện mà mình cho là thích hợp, bản sao của bất kỳ hồ sơ, tài liệu hay thông tin của Chính phủ nào mà theo pháp luật nước mình thì không thuộc diện được công khai cho công chúng.

30. khi cần thiết, các quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng ký kết các hiệp định hoặc thỏa thuận song phương hoặc đa phương phục vụ cho các mục đích của các quy định trong điều này hoặc đảm bảo hiệu lực thực tế cho các quy định trong điều này hoặc củng cố các quy định trong điều này.

Điều 47. Chuyển giao vụ án hình sự

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét khả năng chuyển giao cho nhau vụ án hình sự nhằm truy tố một tội phạm được quy định theo Công ước này, nếu việc chuyển giao đó được coi là có lợi cho việc thi hành công lý, đặc biệt là trong các trường hợp liên quan đến quyền tài phán của nhiều nước, việc này nhằm mục đích làm cho việc truy tố được tập trung.

Điều 48. Hợp tác thực thi pháp luật

1. Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác chặt chẽ với nhau, trên cơ sở tuân thủ hệ thống pháp luật và hành chính nước mình, để tăng cường hiệu quả của hoạt động thực thi pháp luật nhằm đấu tranh chống các tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này. Đặc biệt, mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp hiệu quả:

(a) Để tăng cường và, khi cần thiết, thành lập các kênh thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, ban ngành có thẩm quyền của các bên để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi an toàn và nhanh chóng thông tin về tất cả các mặt của tội phạm mà Công ước này điều chỉnh, kể cả mối liên hệ với các tội phạm khác nếu các quốc gia có liên quan cho là phù hợp;

(b) Hợp tác với các quốc gia thành viên khác trong hoạt động điều tra các loại tội phạm được quy định theo Công ước này trên các nội dung:

(i) Đặc điểm nhận dạng, nơi ở và các hoạt động của người bị nghi ngờ có liên quan đến tội phạm đó, hoặc địa điểm của các cá nhân khác có liên quan;

(ii) Sự di chuyển của tài sản phạm tội hoặc tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm đó;

(iii) Sự di chuyển của tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ sử dụng trong việc thực hiện tội phạm đó;

(c) Cung cấp, khi thích hợp, các loại và lượng vật chất cần thiết cho các mục đích phân tích hoặc điều tra;

(d) Để trao đổi với các quốc gia thành viên khác khi thích hợp thông tin về các phương tiện, thủ đoạn cụ thể được sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này, bao gồm cả việc sử dụng giấy tờ nhân thân giả, tài liệu giả bị làm, sửa chữa và các thủ đoạn che đậy khác;

(e) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, ban ngành có thẩm quyền của các bên, và để thúc đẩy việc trao đổi cán bộ và chuyên gia - theo các hiệp định hoặc thoả thuận song phương giữa các quốc gia có liên quan, kể cả việc bố trí các cán bộ liên lạc;

(f) Trao đổi thông tin và phối hợp thực hiện các biện pháp hành chính và các biện pháp khác khi phù hợp nhằm mục đích sớm nhận dạng được các tội phạm mà Công ước này quy định.

2. Để Công ước này có hiệu lực, các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết vào các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương về hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các bên và, nếu đã có các hiệp định hoặc thoả thuận như vậy thì sửa đổi chúng. Nếu chưa có các hiệp định

hoặc thoả thuận như vậy, các quốc gia thành viên có thể coi Công ước này là cơ sở cho hợp tác thực thi pháp luật đối với các loại tội phạm thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước này. Bất cứ khi nào thích hợp, các quốc gia thành viên tận dụng các hiệp định hoặc thoả thuận, kể cả các tổ chức quốc tế hoặc khu vực, để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các bên.

3. Các quốc gia thành viên cố gắng hợp tác trong khả năng của mình để đối phó với các loại tội phạm quy định trong Công ước này thông qua việc sử dụng công nghệ hiện đại.

Điều 49. Điều tra chung (hỗn hợp)

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét ký kết các hiệp định hay thoả thuận song phương hoặc đa phương để qua đó, đối với những vấn đề là đối tượng của quá trình điều tra, truy tố, hoặc xét xử ở một hay nhiều quốc gia thành viên, các cơ quan chức năng hữu quan có thể thành lập các cơ quan điều tra chung (hỗn hợp). Trong trường hợp không có các hiệp định hoặc thoả thuận đó, việc điều tra chung có thể được tiến hành theo thoả thuận về từng vụ việc một. Các quốc gia thành viên liên quan phải đảm bảo rằng chủ quyền của quốc gia thành viên nơi đang tiến hành việc điều tra như vậy phải được tôn trọng đầy đủ.

Điều 50. Kỹ thuật điều tra đặc biệt

1. Để chống tham nhũng có hiệu quả, trong phạm vi cho phép của các nguyên tắc căn bản của hệ thống

pháp luật nước mình và theo các điều kiện được quy định trong pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi có thể nhằm cho phép các cơ quan chức năng sử dụng hình thức vận chuyển có kiểm soát và khi thích hợp sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt, chẳng hạn như giám sát điện tử hoặc các hình thức giám sát khác, hoạt động chìm, trong lãnh thổ nước mình để đảm bảo chứng cứ thu được từ việc áp dụng các kỹ thuật này được chấp nhận tại tòa án.

2. Với mục đích điều tra các tội phạm được quy định theo Công ước này, các quốc gia thành viên được khuyến khích ký kết, khi cần thiết, các hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương phù hợp để sử dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt trên khi hợp tác ở cấp độ quốc tế. Các hiệp định hoặc thoả thuận này phải được ký kết và thực hiện trên cơ sở tuân thủ đầy đủ nguyên tắc bình đẳng chủ quyền quốc gia và các điều khoản của những hiệp định hoặc thoả thuận này phải được tuyệt đối tuân thủ.

3. Trong trường hợp không có một hiệp định hoặc thoả thuận như đã nói tại khoản 2 của Điều này, việc sử dụng những kỹ thuật điều tra đặc biệt trên ở cấp độ quốc tế sẽ được quyết định trên cơ sở từng vụ việc một và khi cần thiết có thể tính đến các thoả thuận và bản ghi nhớ về tài chính đối với việc thực hiện quyền tài phán của những quốc gia thành viên liên quan.

4. Các quyết định về áp dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát ở cấp độ quốc tế có thể bao gồm các biện

pháp như chặn đứng và cho phép hàng hoá được tiếp tục toàn vẹn, hoặc bị tháo dỡ hoặc thay thế toàn bộ hay một phần.

CHƯƠNG V. THU HỒI TÀI SẢN

Điều 51. Quy định chung

Việc hoàn trả tài sản theo quy định tại chương này là nguyên tắc căn bản của Công ước này, và các quốc gia thành viên sẽ dành cho nhau sự hợp tác và trợ giúp tối đa trong vấn đề này.

Điều 52. Phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản do phạm tội mà có

1. Không trái với Điều 14 của Công ước này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia để yêu cầu các tổ chức tài chính, trong phạm vi quyền tài phán của mình, xác định và nhận dạng khách hàng, áp dụng các biện pháp hợp lý để xác định nhận dạng chủ sở hữu được hưởng lợi của các khoản tiền được gửi trong các tài khoản có giá trị lớn, và tổ chức kiểm tra kỹ các tài khoản được mở hay duy trì bởi hoặc nhân danh các cá nhân đang, hoặc đã từng giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, hay các thành viên trong gia đình hoặc cộng sự thân thiết của người này. Việc kiểm tra kỹ lưỡng phải được lập kế hoạch hợp lý để phát hiện các giao dịch đáng ngờ nhằm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và không được giải thích để ngăn cản hay ngăn

cấm các tổ chức tài chính giao dịch với các khách hàng hợp pháp.

2. Để tạo thuận lợi thi hành các biện pháp quy định tại khoản 1 của Điều này, mỗi quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia và theo các sáng kiến tương ứng của các tổ chức chống rửa tiền của khu vực, liên khu vực và đa phương, sẽ:

(a) Đưa ra khuyến nghị về loại tự nhiên cá nhân hay pháp nhân mà đối với tài khoản của họ, các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình được yêu cầu xem xét kỹ lưỡng về loại tài khoản và giao dịch cần được chú ý đặc biệt và về việc áp dụng các biện pháp mở, duy trì, lưu giữ thông tin thích hợp đối với các loại tài khoản và giao dịch này; và

(b) Nếu thích hợp, thông báo các tổ chức tài chính trong phạm vi thẩm quyền của mình, theo đề nghị của một quốc gia thành viên khác hoặc do mình khởi xướng, về nhận dạng của một tự nhiên cá nhân hoặc pháp nhân nào đó mà tài khoản của đối tượng này, ngoài các đối tượng mà chính các tổ chức tài chính đã nhận dạng, cần được xem xét kỹ lưỡng bởi các tổ chức tài chính.

3. Khi áp dụng khoản 2 (a) của Điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp để đảm bảo rằng các tổ chức tài chính của mình duy trì một cách thích hợp việc lưu giữ thông tin, trong khoảng thời gian hợp lý, về các tài khoản và giao dịch liên quan đến các đối tượng được nhắc đến tại khoản 1 của Điều này, thông tin lưu giữ tối thiểu phải có thông tin nhận dạng của khách hàng và, tới chừng mực có thể, của chủ sở hữu được hưởng lợi.

4. Nhằm phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này, mỗi quốc gia thành viên với sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý và giám sát của mình sẽ tiến hành các biện pháp thích hợp và có hiệu quả nhằm phòng ngừa việc thành lập các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính đã được điều chỉnh. Thêm nữa, các quốc gia thành viên có thể xem xét việc yêu cầu các định chế tài chính của mình từ chối tham gia hoặc từ chối duy trì quan hệ ngân hàng với các tổ chức như vậy, đồng thời từ chối thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính nước ngoài mà tài khoản của họ có thể được sử dụng bởi các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không có quan hệ với nhóm tài chính được điều chỉnh.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thiết lập, căn cứ vào pháp luật quốc gia, hệ thống công khai tài chính hiệu quả đối với nhóm công chức nhất định, và quy định chế tài thích hợp đối với việc không chấp hành. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền chia sẻ những thông tin này với các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác khi cần để điều tra, đòi và thu hồi những tài sản có được do phạm những tội quy định trong Công ước này.

6. Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét áp dụng các biện pháp cần thiết, căn cứ theo pháp luật quốc gia, để yêu cầu nhóm công chức nhất định có lợi ích, có chữ ký hoặc có quyền đối với một tài khoản ở nước ngoài, phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ với tài

khoản đó và duy trì những hồ sơ tin thích hợp liên quan đến các tài khoản như vậy. Các biện pháp này phải bao gồm chế tài đối với việc không chấp hành.

Điều 53. Các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp

Mỗi Quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia, sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép quốc gia thành viên khác khởi kiện vụ án dân sự tại toà án để xác định quyền hay quyền sở hữu đối với tài sản có được qua việc thực hiện các tội được quy định trong Công ước này;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép toà án của mình yêu cầu người thực hiện tội phạm được quy định trong Công ước này phải bồi thường, đền bù cho quốc gia thành viên khác đã chịu thiệt hại từ tội phạm đó; và

(c) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép toà án hay các cơ quan chức năng của mình khi ra quyết định tịch thu công nhận quốc gia thành viên có yêu cầu là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản có được do phạm tội được quy định trong Công ước này.

Điều 54. Các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu

1. Để tương trợ tư pháp theo Điều 55 của Công ước này liên quan đến tài sản có được do phạm tội hay liên quan đến tội phạm được quy định theo Công ước này, căn cứ theo pháp luật nước mình mỗi quốc gia thành viên sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền công nhận hiệu lực thi hành đối với lệnh tịch thu được đưa ra bởi quốc gia thành viên khác;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết để cho phép các cơ quan có thẩm quyền, trong phạm vi quyền tài phán, ra lệnh tịch thu tài sản có nguồn gốc nước ngoài theo phán quyết đối với tội phạm rửa tiền hoặc các tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của các cơ quan này, hay theo các thủ tục khác được quy định trong pháp luật nước mình;

(c) Xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép tịch thu tài sản mà chưa có bản án hình sự trong trường hợp không thể truy tố người vi phạm vì lý do người này đã chết, lẩn trốn hoặc vắng mặt, hoặc trong các trường hợp thích hợp khác.

2. Mỗi quốc gia thành viên, để tương trợ pháp lý theo yêu cầu được lập theo khoản 2 của Điều 55 của Công ước này, căn cứ các nguyên tắc của pháp luật quốc gia, sẽ:

(a) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong toả hoặc tạm giữ tài sản dựa trên một lệnh phong toả hoặc tạm giữ được ban hành bởi một toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên yêu cầu trong đó đưa ra những căn cứ hợp lý để quốc gia thành viên được yêu cầu tin rằng đã có đủ căn cứ áp dụng các biện pháp này, và rằng tài sản đó sẽ chịu lệnh tịch thu theo khoản 1 (a) của Điều này;

(b) tiến hành các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong toả hoặc tạm giữ tài sản

dựa trên một đề nghị trong đó đưa ra những căn cứ hợp lý để quốc gia thành viên được yêu cầu tin rằng đã có đủ căn cứ áp dụng các biện pháp này, và rằng tài sản đó sẽ chịu lệnh tịch thu theo khoản 1 (a) của Điều này; và

(c) Xem xét tiến hành các biện pháp bổ sung để cho phép các cơ quan có thẩm quyền bảo quản tài sản để tịch thu, chẳng hạn dựa trên cơ sở việc bắt giữ hoặc buộc tội hình sự có yếu tố nước ngoài liên quan đến việc tịch thu những tài sản này.

Điều 55. Hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu

1. Một quốc gia thành viên nhận được yêu cầu từ một quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một tội phạm được quy định trong Công ước này về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này đang có trên lãnh thổ của mình, trong phạm vi rộng nhất có thể mà pháp luật quốc gia của mình cho phép, sẽ:

(a) Trình yêu cầu lên các cơ quan chức năng của mình để xin cấp lệnh tịch thu và, nếu lệnh tịch thu đó được cấp thì thi hành nó; hoặc

(b) Trình các cơ quan chức năng của mình, với mục đích thực hiện trong phạm vi được yêu cầu, một lệnh tịch thu do một toà án trong lãnh thổ của quốc gia thành viên yêu cầu ban hành căn cứ vào khoản 1, Điều 31 và khoản 1 (a) Điều 54 của Công ước này ở chừng mực lệnh đó liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này đang có trên lãnh thổ của quốc gia thành viên được yêu cầu.

2. Theo văn bản yêu cầu của một quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với một tội phạm được quy định theo Công ước này, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp để nhận dạng, truy tìm và phong toả hay tạm giữ tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này với mục đích cuối cùng là tịch thu theo lệnh của Quốc gia thành viên yêu cầu hoặc của quốc gia thành viên được yêu cầu căn cứ vào đơn yêu cầu theo khoản 1 của Điều này.

3. Các quy định tại Điều 46 của Công ước này được áp dụng đối với Điều này với những sửa đổi cần thiết. Ngoài những thông tin được nêu tại khoản 15, Điều 46, yêu cầu theo Điều này sẽ bao gồm:

(a) Miêu tả về tài sản cần tịch thu, bao gồm, trong phạm vi có thể, địa điểm và, nếu thích hợp, giá trị ước lượng của tài sản và bản trình bày về những tình tiết được quốc gia thành viên yêu cầu dựa vào để quốc gia thành viên được yêu cầu đòi hỏi lệnh tịch thu theo pháp luật quốc gia của mình trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 1 (a) của Điều này;

(b) Một bản sao chấp nhận được về mặt pháp lý của lệnh tịch thu, là cơ sở cho yêu cầu được ban hành bởi quốc gia thành viên yêu cầu, bản trình bày về những tình tiết và thông tin ở phạm vi mà việc thi hành lệnh đó đòi hỏi, bản trình bày về các biện pháp mà quốc gia thành viên yêu cầu đưa ra để cung cấp thông tin phù hợp cho các bên thứ ba ngay tình đồng thời để đảm bảo quy trình đúng đắn, và một tuyên bố rằng lệnh tịch thu là lệnh cuối cùng trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 1 (b) của Điều này;

(c) Bản trình bày về những tình tiết được quốc gia thành viên yêu cầu dựa vào và miêu tả về các công việc được yêu cầu và, nếu được, một bản sao chấp nhận được về mặt pháp lý của lệnh làm căn cứ cho yêu cầu trong trường hợp văn bản yêu cầu theo khoản 2 của Điều này.

4. Các quyết định hay công việc được quy định trong các khoản 1 và 2 của Điều này sẽ được quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện theo và phù hợp với các quy định trong pháp luật quốc gia và các quy tắc về thủ tục của quốc gia thành viên này hay theo một hiệp định hay thoả thuận song phương hay đa phương bất kỳ mà quốc gia thành viên này bị ràng buộc trong quan hệ với quốc gia thành viên yêu cầu.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cung cấp bản sao các đạo luật và quy định để thực hiện Điều này và bản sao các sửa đổi sau đó của các đạo luật và quy định nói trên hoặc bản trình bày về các văn bản này cho Tổng Thư ký Liên hợp Quốc.

6. Nếu một quốc gia thành viên quyết định áp dụng các biện pháp được nói tại các khoản 1 và 2 của Điều này phụ thuộc vào việc có một điều ước liên quan, Quốc gia thành viên đó sẽ coi Công ước này là cơ sở pháp lý cần và đủ.

7. Việc hợp tác theo Điều này có thể bị từ chối hoặc các biện pháp tạm thời có thể bị huỷ bỏ nếu quốc gia được yêu cầu không nhận được chứng cứ một cách đầy đủ và đúng thời hạn hoặc nếu giá trị của tài sản là không đáng kể.

8. Trước khi huỷ bỏ các biện pháp tạm thời theo Điều này khi có thể, Quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tạo cho quốc gia thành viên yêu cầu cơ hội trình bày lý do nên tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

9. Các quy định của Điều này không được giải thích theo cách làm xâm hại đến quyền của các bên thứ ba ngay tình.

Điều 56. Hợp tác đặc biệt

Không phương hại đến pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên cố gắng áp dụng các biện pháp không ảnh hưởng đến công tác điều tra của việc truy tố và xét xử của chính quốc gia đó để có thể chuyển cho quốc gia thành viên khác thông tin về tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này mà không cần phải có đề nghị trước, khi xét thấy thông tin tiết lộ có thể giúp quốc gia thành viên nhận tin khởi xướng hoặc tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, hoặc có thể dẫn đến việc quốc gia thành viên đó đưa ra yêu cầu theo quy định tại Chương này.

Điều 57. Trả lại và định đoạt tài sản

1. Tài sản bị tịch thu bởi một quốc gia thành viên căn cứ theo Điều 31 hoặc Điều 55 của Công ước này sẽ được quốc gia thành viên đó định đoạt, kể cả trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó theo khoản 3 của Điều này theo quy định của Công ước này và pháp luật quốc gia của mình.

2. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác, phù hợp

với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, để cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mình trả lại tài sản bị tịch thu, khi hành động theo yêu cầu của quốc gia thành viên khác, căn cứ theo quy định của Công ước này, có tính đến quyền của các bên thứ ba ngay tình.

1. Căn cứ theo các Điều 46 và 55 của Công ước này và các khoản 1 và 2 của Điều này, Quốc gia được yêu cầu sẽ:

(a) Đối với trường hợp biển thủ công quỹ hoặc rửa tiền biển thủ từ công quỹ nêu tại Điều 17 và Điều 23 của Công ước này, khi việc tịch thu được tiến hành theo Điều 55 và căn cứ vào phán quyết cuối cùng ở quốc gia yêu cầu - một điều kiện mà quốc gia được yêu cầu có thể cho miễn - trả lại tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu.

(b) Đối với trường hợp tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này, khi việc tịch thu được tiến hành theo Điều 55 của Công ước này và căn cứ vào phán quyết cuối cùng ở quốc gia yêu cầu - một điều kiện mà quốc gia được yêu cầu có thể cho miễn - trả lại tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu, khi quốc gia yêu cầu chứng minh được một cách hợp lý với quốc gia được yêu cầu về quyền sở hữu trước đó của mình đối với tài sản bị tịch thu hoặc khi quốc gia được yêu cầu công nhận thiệt hại đối với quốc gia yêu cầu là căn cứ để trả lại tài sản bị tịch thu;

(c) Trong mọi trường hợp khác, trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó hoặc bồi thường cho nạn nhân của tội phạm, có ưu tiên việc trả lại tài sản bị tịch thu cho Quốc gia thành viên yêu cầu.

2. Khi thích hợp, trừ trường hợp các quốc gia thành viên quyết định khác, quốc gia được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử để dẫn đến việc trả lại hay định đoạt tài sản bị tịch thu theo Điều này.

3. Khi thích hợp, các quốc gia thành viên cũng có thể đặc biệt xem xét việc ký kết hiệp định hoặc thoả thuận mà các bên chấp nhận được, dựa trên từng vụ việc, để đưa ra quyết định xử lý cuối cùng đối với tài sản bị tịch thu.

Điều 58. Đơn vị tình báo tài chính

Các quốc gia thành viên sẽ hợp tác với nhau để phòng và chống việc chuyển tài sản có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này và thúc đẩy cách thức và biện pháp nhằm thu hồi các tài sản này. Để đạt được các mục đích này, các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc thành lập đơn vị tình báo tài chính có trách nhiệm nhận, phân tích, và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.

Điều 59. Thoả thuận và dàn xếp song phương và đa phương

Các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các thoả thuận hoặc dàn xếp song phương hoặc đa phương nhằm nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế theo quy định tại Chương này của Công ước.

CHƯƠNG VI

HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 60. Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

1. Mỗi Quốc gia thành viên trong chừng mực cần thiết, khởi xướng, phát triển hoặc tăng cường các chương trình đào tạo cụ thể đối với đội ngũ cán bộ chịu trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng của nước mình. Những chương trình đào tạo đó bao gồm các khía cạnh sau:

(a) Các biện pháp hữu hiệu phòng ngừa, phát hiện, điều tra, trừng phạt và kiểm soát tham nhũng, trong đó có sử dụng các biện pháp điều tra và thu thập chứng cứ;

(b) Xây dựng năng lực trong quá trình xây dựng và hoạch định chính sách chống tham nhũng mang tính chiến lược;

(c) Đào tạo các cơ quan chức năng khi chuẩn bị các yêu cầu tương trợ pháp lý đáp ứng được những yêu cầu của Công ước này;

(d) Đánh giá và củng cố các thể chế, hoạt động quản lý dịch vụ công và quản lý tài chính công trong đó có mua sắm công, và khu vực tư nhân;

(e) Phòng và chống việc chuyển giao tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này và thu hồi tài sản đó;

(f) Phát hiện và phong tỏa việc chuyển giao tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này;

(g) Giám sát việc di chuyển tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này; các biện pháp chuyển giao, che đậy, ngụy trang các tài sản đó;

(h) Có các biện pháp và cơ chế hành chính, pháp lý thích hợp và hữu hiệu nhằm hỗ trợ việc hoàn trả tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này;

(i) Các biện pháp bảo vệ nạn nhân và người làm chứng - những người hợp tác với các cơ quan tư pháp; và

(j) Đào tạo về các quy định quốc gia, quốc tế và về ngôn ngữ.

2. Các Quốc gia thành viên, tùy vào khả năng của mình, sẽ xem xét dành cho nhau sự hỗ trợ kỹ thuật tối đa, đặc biệt vì lợi ích của các nước đang phát triển, theo kế hoạch và chương trình chống tham nhũng của mỗi nước này, bao gồm hỗ trợ vật chất và đào tạo trên các lĩnh vực nói tại khoản 1 của Điều này, cũng như đào tạo và trợ giúp; và trao đổi với nhau về kinh nghiệm và kiến thức chuyên ngành, giúp tăng cường hợp tác quốc tế giữa các Quốc gia thành viên trong lĩnh vực dẫn độ và tương trợ pháp lý.

3. Các Quốc gia thành viên sẽ tăng cường, tới chừng mực có thể, các nỗ lực để tối đa hóa các hoạt động thực tế và đào tạo trong các tổ chức khu vực và quốc tế và trong khuôn khổ các hiệp định và thỏa thuận song phương và đa phương.

4. Các Quốc gia thành viên xem xét hỗ trợ nhau, nếu có yêu cầu, trong việc đánh giá, học tập và nghiên cứu về loại hình, nguyên nhân, tác động của tham nhũng và những tổn thất do tham nhũng gây ra ở nước mình, nhằm phát triển các chiến lược và chương trình

hành động chống tham nhũng có sự tham gia của các cơ quan chức năng và của xã hội.

5. Nhằm hỗ trợ cho việc thu hồi tài sản có được từ các tội phạm quy định trong Công ước này, các Quốc gia thành viên có thể hợp tác cung cấp cho nhau tên của những chuyên gia có thể hỗ trợ cho việc đạt được mục tiêu trên.

6. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét sử dụng các cuộc hội nghị và hội thảo tiểu khu vực, khu vực và quốc tế để tăng cường hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật và đẩy mạnh thảo luận về những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có những vấn đề và nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển và những nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi.

7. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét thiết lập các cơ chế tự nguyện nhằm đóng góp tài chính cho nỗ lực áp dụng Công ước này của các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi thông qua các chương trình và dự án hỗ trợ kỹ thuật.

8. Các Quốc gia thành viên sẽ xem xét đóng góp tự nguyện cho Trung tâm Phòng ngừa Tội phạm quốc tế nhằm mục đích thông qua Trung tâm này đẩy mạnh các chương trình và dự án ở các nước đang phát triển nhằm thực thi Công ước này.

Điều 61. Thu thập, trao đổi và phân tích thông tin về tham nhũng

1. Mỗi Quốc gia thành viên, trên cơ sở tham khảo ý kiến với đội ngũ chuyên gia, sẽ xem xét phân tích các

xu hướng tham nhũng trong lãnh thổ nước mình cũng như phân tích hoàn cảnh xảy ra tham nhũng.

2. Các Quốc gia thành viên xem xét phát triển và chia sẻ số liệu về tham nhũng, đội ngũ chuyên gia phân tích thông tin và tham nhũng (với nhau hay thông qua các tổ chức quốc tế và khu vực), nhằm mục đích phát triển trong chừng mực có thể những định nghĩa, chuẩn mực hay phương pháp luận chung đồng thời chia sẻ thông tin về những thực tiễn phòng, chống tham nhũng tốt.

3. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ xem xét điều tiết chính sách và các biện pháp thực chống tham nhũng của mình, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của chúng.

Điều 62. Các biện pháp khác: thực hiện Công ước thông qua phát triển kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật

1. Các Quốc gia thành viên, trong chừng mực có thể, sẽ áp dụng các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện tối đa Công ước này thông qua hợp tác quốc tế, có tính đến những tác động tiêu cực của tham nhũng đối với xã hội nói chung và đối với phát triển bền vững nói riêng.

2. Các Quốc gia thành viên phải có những nỗ lực cụ thể, trong chừng mực có thể và trên cơ sở phối hợp với nhau, và với các tổ chức khu vực và quốc tế:

(a) Nhằm tăng cường hợp tác ở các mức độ khác nhau với các nước đang phát triển, để giúp các nước này tăng cường năng lực phòng và chống tham nhũng;

(b) Nhằm tăng cường trợ giúp vật chất và tài chính

để hỗ trợ các nước đang phát triển phòng và chống tham nhũng hiệu quả và giúp họ thực hiện Công ước này thành công;

(c) Nhằm hỗ trợ kỹ thuật cho các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, giúp họ đáp ứng được những yêu cầu về thực hiện Công ước này. Để đạt được mục đích này, các Quốc gia thành viên phải nỗ lực đóng góp tự nguyện đều đặn và thích đáng vào một tài khoản được lập đặc biệt cho mục đích này trong một cơ chế tài trợ của Liên hợp quốc. Các quốc gia thành viên cũng có thể, trên cơ sở tuân thủ pháp luật nước mình và các điều khoản của Công ước này, đặc biệt cân nhắc việc đóng góp vào tài khoản đó một tỷ lệ phần trăm của số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội tương đương của tài sản do phạm tội mà có hoặc tài sản bị tịch thu theo quy định của Công ước này.

(d) Nhằm khuyến khích và thuyết phục các Quốc gia và các tổ chức tài chính khác cùng tham gia những nỗ lực theo quy định của Điều này, cụ thể bằng việc cung cấp nhiều hơn nữa các chương trình đào tạo và thiết bị hiện đại cho các nước đang phát triển nhằm hỗ trợ các nước này đạt được những mục tiêu của Công ước này.

3. Trong chừng mực có thể, các biện pháp này không được gây ảnh hưởng tới những cam kết trợ giúp quốc tế hiện có hoặc tới các thỏa thuận hợp tác tài chính khác ở cấp độ song phương, khu vực và quốc tế.

4. Các Quốc gia thành viên có thể ký kết các hiệp định, thỏa thuận song phương hoặc đa phương về trợ

giúp vật chất và hậu cần, có tính đến các thỏa thuận tài chính cần thiết để đảm bảo cho các biện pháp hợp tác quốc tế mà Công ước này quy định có hiệu quả và nhằm phòng ngừa, phát hiện và kiểm soát tham nhũng.

CHƯƠNG VII. CÁC CƠ CHẾ THI HÀNH CÔNG ƯỚC

Điều 63. Hội nghị các Quốc gia thành viên

1. Hội nghị các Quốc gia thành viên được thành lập để tăng cường năng lực và hợp tác giữa các Quốc gia thành viên nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong Công ước này và nhằm thúc đẩy và kiểm tra việc thi hành Công ước.

2. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ triệu tập Hội nghị các Quốc gia thành viên không muộn hơn một năm kể khi Công ước này có hiệu lực. Sau đó, các cuộc họp thường kỳ của Hội nghị các Quốc gia thành viên được tổ chức theo quy tắc về thủ tục do Hội nghị ban hành.

3. Hội nghị các Quốc gia thành viên sẽ thông qua quy tắc về thủ tục và quy tắc về quản lý các chức năng hoạt động được đưa ra tại Điều này, bao gồm cả điều lệ gia nhập và chấp thuận tham gia của các quan sát viên, cũng như về việc chi trả cho các chi phí phát sinh từ việc tiến hành các hoạt động này.

4. Hội nghị các Quốc gia thành viên thống nhất các hoạt động, thủ tục và phương pháp làm việc để đạt được mục tiêu đặt ra trong khoản 1 Điều này, bao gồm:

(a) Tạo thuận lợi cho các hoạt động của các Quốc gia thành viên theo Điều 60 và 62 và các chương từ

Chương II đến Chương V của Công ước này, kể cả việc khuyến khích huy động các khoản đóng góp tự nguyện;

(b) Tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin giữa các Quốc gia thành viên về hình thức và xu hướng tham nhũng và về các thực tiễn thành công trong phòng và chống tham nhũng và các thực tiễn thành công trong việc trả tiền do phạm tội mà có, trong đó có việc thông qua, xuất bản thông tin có liên quan được nhắc đến tại Điều này;

(c) Hợp tác với các tổ chức và cơ chế quốc tế và khu vực, các tổ chức phi chính phủ có liên quan;

(d) Sử dụng thích hợp các thông tin có liên quan được cung cấp bởi các cơ chế khu vực và quốc tế khác để phòng và chống tham nhũng nhằm tránh sự chồng chéo trong công việc;

(e) Định kỳ xem xét các Quốc gia thành viên thực hiện Công ước này;

(f) Đề xuất việc củng cố Công ước này, và việc thực hiện Công ước;

(g) Ghi nhận các yêu cầu trợ giúp kỹ thuật của các Quốc gia thành viên liên quan đến việc thực hiện Công ước này và khuyến nghị hành động mà hội nghị cho là cần thiết vì vấn đề này.

5. Để thực hiện khoản 4 của Điều này, Hội nghị các Quốc gia thành viên cần có được hiểu thông tin cần thiết về các biện pháp mà các Quốc gia thành viên áp dụng để thực hiện Công ước này và những khó khăn mà các Quốc gia thành viên gặp phải trong việc thực hiện thông qua thông tin do các Quốc gia thành viên cung

cấp và thông qua các cơ chế xem xét bổ sung có thể được thành lập bởi Hội nghị các Quốc gia thành viên.

6. Mỗi Quốc gia thành viên sẽ cung cấp cho Hội nghị các Quốc gia thành viên thông tin về các chương trình, kế hoạch và thực tiễn, cũng như thông tin về các biện pháp lập pháp và hành chính để thi hành Công ước này theo yêu cầu của Hội nghị các Quốc gia thành viên. Hội nghị các Quốc gia thành viên sẽ xem xét cách thức hiệu quả nhất để tiếp nhận và hành động dựa trên thông tin được cung cấp, bao gồm cả thông tin nhận được từ các Quốc gia thành viên và các tổ chức quốc tế có liên quan. Thông tin nhận được từ các tổ chức phi chính phủ có liên quan được công nhận hợp lệ theo quy trình do Hội nghị các Quốc gia thành viên quy định cũng có thể được xem xét.

7. Căn cứ vào các khoản từ 4 đến 6 của Điều này, Hội nghị các Quốc gia thành viên thành lập, nếu Hội nghị cho là cần thiết, bất kỳ cơ chế hay cơ quan thích hợp nào để trợ giúp việc thi hành Công ước này một cách có hiệu quả.

Điều 64. Ban thư ký

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ bảo đảm về công tác thư ký cho Hội nghị các Quốc gia thành viên này.

2. Ban thư ký sẽ:

(a) Trợ giúp Hội nghị các Quốc gia thành viên tiến hành các hoạt động được quy định tại Điều 63 của Công ước này và chuẩn bị công tác phục vụ cho các kỳ họp của Hội nghị các Quốc gia thành viên;

(b) Theo yêu cầu, giúp các Quốc gia thành viên cung cấp thông tin cho Hội nghị các Quốc gia thành

viên như được quy định tại các khoản 5 và 6, Điều 63 của Công ước này;

(c) Bảo đảm sự phối hợp cần thiết với ban thư ký của các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan.

CHƯƠNG VIII CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 65. Thực hiện Công ước

1. Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết, kể cả các biện pháp lập pháp và hành chính, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia của mình, để thi hành các nghĩa vụ của mình theo Công ước:

2. Mỗi quốc gia thành viên có thể áp dụng các biện pháp chặt chẽ và nghiêm khắc hơn so với các biện pháp được quy định trong Công ước này nhằm phòng, chống tham nhũng.

Điều 66. Giải quyết tranh chấp

1. Các quốc gia thành viên phải cố gắng giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này thông qua thương lượng.

2. Tranh chấp giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước này mà không giải quyết được thông qua thương lượng trong một thời hạn hợp lý, thì theo yêu cầu của một trong các quốc gia thành viên đó, sẽ được đưa ra trọng tài phân xử. Nếu sau 6 tháng kể từ ngày có yêu cầu đưa tranh chấp ra trọng tài mà các quốc gia đó không thể thoả thuận được

về tổ chức trọng tài, thì bất kỳ quốc gia nào trong số các quốc gia tranh chấp đều có thể đưa vụ tranh chấp ra Tòa án công lý quốc tế theo quy chế của Tòa án này.

3. Mỗi quốc gia thành viên, tại thời điểm ký, phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập Công ước này, có thể tuyên bố là mình không bị ràng buộc bởi khoản 2 của Điều này. Các quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc bởi khoản 2 của Điều này đối với các quốc gia đã đưa ra bảo lưu nói trên.

4. Quốc gia thành viên đã đưa ra bảo lưu theo khoản 3 của Điều này có thể rút bảo lưu đó bất cứ thời điểm nào bằng việc thông báo cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 67. Ký, phê chuẩn, chấp nhận, phê duyệt và gia nhập

1. Công ước này sẽ được mở cho tất cả các quốc gia ký từ ngày 9 đến ngày 11 tháng 12 năm 2003 tại Merida, Mê-hi-cô, và sau đó tại Trụ sở của Liên hợp quốc ở New York đến ngày 9 tháng 12 năm 2005.

2. Công ước này cũng sẽ được mở cho các tổ chức liên kết kinh tế khu vực ký với điều kiện là có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức đó đã ký Công ước này theo khoản 1 của Điều này.

3. Công ước này được phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt. Văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt phải được gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Tổ chức liên kết kinh tế khu vực có thể nộp văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay phê duyệt của mình nếu có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức đó đã nộp văn kiện đó. Trong văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hay

phê duyệt đó, tổ chức này sẽ tuyên bố về phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến các vấn đề mà Công ước điều chỉnh. Tổ chức nói trên cũng sẽ thông báo cho cơ quan lưu trữ về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến phạm vi thẩm quyền của mình.

4. Công ước này được mở cho tất cả các quốc gia và các tổ chức liên kết kinh tế khu vực gia nhập, có ít nhất một quốc gia thành viên của tổ chức nói trên là thành viên của Công ước này. Văn kiện gia nhập sẽ được Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu trữ. Vào thời điểm gia nhập, tổ chức liên kết kinh tế khu vực phải tuyên bố về phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến các vấn đề mà Công ước điều chỉnh. Tổ chức nói trên cũng phải thông báo cho cơ quan lưu trữ về bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến phạm vi thẩm quyền của mình.

Điều 68. Hiệu lực

1. Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 90 sau ngày 30 văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập được lưu trữ. Vì mục đích của khoản này, văn kiện được nộp bởi tổ chức liên kết kinh tế khu vực sẽ không được tính để bổ sung cho các văn kiện do các quốc gia thành viên của tổ chức đó đã nộp.

2. Đối với những quốc gia và tổ chức liên kết kinh tế khu vực phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập Công ước này sau khi có 30 văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hay gia nhập được lưu trữ, thì Công ước này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày quốc gia hay tổ chức đó nộp văn kiện liên quan hoặc vào ngày Công ước này có hiệu lực theo khoản 1 của Điều này, tùy thuộc vào ngày nào muộn hơn.

Điều 69. Sửa đổi

1. Sau khi hết 5 năm kể từ ngày Công ước này có hiệu lực, một quốc gia thành viên có thể đề nghị sửa đổi và chuyển đề nghị này cho Tổng thư ký Liên hợp quốc, và sau đó Tổng thư ký sẽ thông báo đề nghị sửa đổi cho các quốc gia thành viên và Hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và quyết định về đề nghị đó. Hội nghị các quốc gia thành viên phải nỗ lực để đạt được sự đồng thuận về mỗi đề nghị sửa đổi. Nếu mọi nỗ lực để đạt sự đồng thuận đã được thực hiện nhưng vẫn không đạt được sự đồng thuận về đề nghị sửa đổi, thì đề nghị sửa đổi được thông qua cần phải được sự đồng ý của ít nhất 2/3 tất cả các quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu tại phiên họp của Hội nghị các quốc gia thành viên.

2. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực, liên quan đến các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của mình, phải thực hiện quyền bỏ phiếu theo Điều này với số lượng phiếu bằng số lượng các quốc gia thành viên của các tổ chức đó là quốc gia thành viên này. Các tổ chức nói trên không được thực hiện quyền bỏ phiếu của mình nếu các quốc gia thành viên của chúng thực hiện các quyền này hoặc ngược lại.

3. Bất kỳ sửa đổi nào được thông qua theo khoản 1 của Điều này cần được các quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

4. Việc sửa đổi được thông qua theo khoản 1 của Điều này sẽ có hiệu lực đối với quốc gia thành viên vào ngày thứ 90 sau ngày nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc văn kiện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt sửa đổi đó.

5. Khi sửa đổi có hiệu lực, nó sẽ ràng buộc đối với những quốc gia thành viên đã thể hiện sự đồng ý của mình về sự ràng buộc đó. Các quốc gia thành viên khác vẫn phải bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước này và các sửa đổi trước đó mà các quốc gia này đã phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt.

Điều 70. Bãi bỏ Công ước

1. Quốc gia thành viên có thể bãi bỏ Công ước này bằng một thông báo bằng văn bản gửi cho Tổng thư ký Liên hợp quốc. Việc bãi bỏ sẽ có hiệu lực một năm sau ngày Tổng thư ký nhận được thông báo nói trên.

2. Tổ chức liên kết kinh tế khu vực sẽ không còn là thành viên của Công ước này khi tất cả các quốc gia thành viên của tổ chức đó đã bãi bỏ Công ước này.

Điều 71. Lưu chiếu và ngôn ngữ

1. Tổng thư ký Liên hợp quốc được chỉ định là người lưu chiếu của Công ước này.

2. Các bản gốc của Công ước này mà các bản bằng tiếng Ả rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây ban nha đều có giá trị như nhau và sẽ được lưu chiếu cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Để làm bằng, các đại diện toàn quyền ký tên dưới đây, được chính phủ nước mình uỷ quyền một cách hợp lệ, đã ký Công ước này./.

SỔ TAY HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG, NGHIỆP VỤ
TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN THU HỒI TÀI SẢN
TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHŨNG, KINH TẾ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Tầng 4 Khu A - Tòa nhà 97 Trần Quốc Toản
Phường Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội.
Điện thoại: 024 3851 5380; Fax: 024 3851 5381
Email: info@nxblaodong.com.vn
Website: www.nxblaodong.com.vn

CHI NHÁNH PHÍA NAM

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028 3839 0970; Fax: 028 3925 7205

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Giám đốc - Tổng biên tập
Mai Thị Thanh Hằng

BIÊN TẬP

Phan Thị Ánh Tuyết

TRÌNH BÀY + BÌA

Ngọc Anh

SỬA BẢN IN

Lê Thu Hiền

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công ty Cổ phần sản xuất văn phòng phẩm HAMATRA
Do Hạ, Tiền Phong, Mê Linh, TP. Hà Nội

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty Cổ phần sản xuất văn phòng phẩm HAMATRA. Địa chỉ: Do Hạ, Tiền Phong, Mê Linh, TP. Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 4817-2024/CXBIPH/02-320/LĐ. Số quyết định: 1547/QĐ-NXBLĐ ngày 10/12/2024. Mã ISBN: 978-604-4994-99-4. In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.



XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN